

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
Theo Bộ chỉ số phát triển trường sư phạm
(Bản chỉnh sửa sau ý kiến của IVA công bố lần 2)

Thái Nguyên, tháng 3 – năm 2020

MỤC LỤC

PHẦN 1. MỞ ĐẦU	1
PHẦN 2. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng.....	14
Tiêu chí 1.1: Tầm nhìn chiến lược	14
Tiêu chí 1.2: Quản lý.....	17
Tiêu chí 1.3. Đảm bảo chất lượng.....	22
Tiêu chuẩn 2: Chương trình đào tạo	30
Tiêu chí 2.4: Phát triển chương trình	30
Tiêu chí 2.5: Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện	39
Tiêu chuẩn 3. Nghiên cứu, phát triển và đổi mới.....	52
Tiêu chí 3.6: Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới	52
Tiêu chí 3.7: Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới	64
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đối ngoại.....	74
Tiêu chí 4.8: Hợp tác vùng, địa phương	74
Tiêu chí 4.9: Hợp tác quốc tế	84
Tiêu chí 4.10: Hợp tác với các tổ chức khác.....	94
Tiêu chí 4.11: Thông tin và truyền thông	101
Tiêu chuẩn 5: Môi trường giáo dục và các nguồn lực	106
Tiêu chí 5.12: Môi trường sư phạm	106
Tiêu chí 5.13: Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học	109
Tiêu chí 5.14: Nguồn tài chính.....	118
Tiêu chí 5.15: Nguồn nhân lực.....	122
Tiêu chuẩn 6: Hỗ trợ dạy học.....	129
Tiêu chí 6.16: Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên.....	129
Tiêu chí 6.17. Đánh giá và công nhận giảng viên.....	141
Tiêu chuẩn 7: Hỗ trợ học tập	145
Tiêu chí 7.18: Tuyển sinh và hỗ trợ người học.....	145
Tiêu chí 7.19: Đánh giá và công nhận kết quả học tập	157
Tiêu chí 7.20: Các hoạt động ngoại khóa	161

PHẦN 3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	167
PHẦN 4. KẾT LUẬN.....	172
PHỤ LỤC	

DANH MỤC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

TT	CỤM TỪ VIẾT TẮT ĐẦY ĐỦ	VIẾT TẮT
1.	Cán bộ	CB
2.	Cán bộ quản lí	CBQL
3.	Cán bộ viên chức	CBVC
4.	Chương trình đào tạo	CTĐT
5.	Chuyên gia công nghệ	CGCN
6.	Cơ sở vật chất	CSVC
7.	Công tác học sinh sinh viên	CT HSSV
8.	Công nghệ thông tin	CNTT
9.	Đại học Sư phạm	ĐHSP
10.	Đại học Thái Nguyên	ĐHTN
11.	Đảm bảo chất lượng giáo dục	ĐBCLGD
12.	Giảng viên	GV
13.	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
14.	Giáo sư	GS
15.	Hành chính – Tổ chức	HC-TC
16.	Học sinh sinh viên	HSSV
17.	Hợp tác quốc tế	HTQT
18.	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	KT&ĐBCLGD
19.	Kế hoạch chiến lược	KHCL
20.	Kế hoạch – Tài chính	KH-TC
21.	Khoa học công nghệ	KHCN
22.	Khoa học – Công nghệ & Hợp tác quốc tế	KHCN&HTQT
23.	Ký túc xá	KTX
24.	Nghiên cứu khoa học	NCKH
25.	Phó Giáo sư	PGS
26.	Quản trị - Phục vụ	QT-PV
27.	Sinh viên	SV
28.	Sư phạm	SP
29.	Thạc sĩ	ThS
30.	Tiến sĩ	TS
31.	Trung học phổ thông	THPT
32.	Trung tâm Thông tin – Thư viện	TT TT-TV
33.	Vừa làm vừa học	VLVH

MỤC ĐÍCH, QUY TRÌNH, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ THEO TEIDI

1. Mục đánh giá TEIDI

Trường ĐHSP – ĐHTN là một trong 7 trường sư phạm chủ chốt và Học viện Quản lý giáo dục tham gia chương trình ETEP, Trường đã thực hiện đánh giá năng lực theo bộ chỉ số TEIDI với mục đích:

- Đánh giá hiện trạng năng lực các hoạt động của Trường theo bộ chỉ số TEIDI. Xác định những điểm mạnh, những điểm còn tồn tại theo các tiêu chí trong bộ chỉ số;

- Xây dựng kế hoạch hành động phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm còn tồn tại nhằm nâng cao năng lực của Trường thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn thường xuyên cho đội ngũ giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục phổ thông.

2. Quy trình đánh giá theo TEIDI và phương pháp thực hiện

2.1. Quy trình tự đánh giá theo TEIDI

Quy trình tự đánh giá năng lực Trường ĐHSP-ĐHTN theo bộ chỉ số TEIDI năm 2019 được tóm tắt thành 10 bước:

Chuẩn bị

- 1) Thành lập Hội đồng TĐG và các nhóm công tác chuyên trách.
- 2) Xây dựng kế hoạch triển khai TĐG theo TEIDI và phân công nhiệm vụ cho các nhóm công tác chuyên trách.

Triển khai tự đánh giá

- 3) Triển khai nội dung, kế hoạch làm việc của nhóm, phân công thành viên phụ trách chính cho các tiêu chuẩn, tiêu chí.
- 4) Nghiên cứu các văn bản hướng dẫn TĐG và các tiêu chuẩn, tiêu chí được phân công, xây dựng Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng
- 5) Thu thập thông tin, tài liệu minh chứng theo Phiếu phân tích tiêu chí, tìm thông tin, minh chứng
- 6) Đánh giá năng lực theo tiêu chí được phân công và viết dự thảo Phiếu đánh giá tiêu chí
- 7) Dự thảo Báo cáo tự đánh giá và Danh mục minh chứng

Hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá

- 8) Hội đồng tự đánh giá góp ý, thông qua Dự thảo báo cáo tự đánh giá
- 9) Lấy ý kiến các bên liên quan trong Trường về Dự thảo báo cáo tự đánh giá và Danh mục minh chứng
- 10) Hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá trên cơ sở ý kiến các bên liên quan trong Trường.

2.2. Phương pháp thực hiện

- Hiệu trưởng – Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá TEIDI trực tiếp quán triệt, chỉ đạo triển khai tự đánh giá các năng lực theo bộ chỉ số TEIDI.
- Ban Thư ký có nhiệm vụ giúp Hội đồng tự đánh giá xây dựng kế hoạch tự đánh giá, biên soạn tài liệu hướng dẫn thực hiện, tập huấn kỹ thuật đánh giá TEIDI, tập hợp và biên tập báo cáo tự đánh giá trình Hội đồng.
- Căn cứ nội hàm các chỉ số, Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá TEIDI thành lập và giao nhiệm vụ cho các nhóm công tác chuyên trách.
- Các Nhóm công tác nghiên cứu tài liệu hướng dẫn, sưu tập minh chứng và thực hiện mô tả các chỉ số của các tiêu chí theo tiếp cận P-D-C-A (Plan–Do–Check–Act) và dựa trên các minh chứng thực có của Trường.
- Các số liệu minh chứng trong báo cáo tự đánh giá được lấy đến thời điểm hiện tại (8/2019) hoặc lần diễn ra sự kiện, công việc gần nhất.
- Điểm mạnh và tồn tại về các lĩnh vực hoạt động được Trường nhận diện trong báo cáo tự đánh giá thông qua việc mô tả các hoạt động theo các chỉ số đánh giá.
- Các Nhóm công tác sử dụng đánh giá định tính và định lượng để xác định điểm đạt được của chỉ số:
 - + Đánh giá định tính theo chu trình P-D-C-A.
 - + Đánh giá định lượng theo tỷ lệ phần trăm những nội dung Trường đã đạt được của chu trình P-D-C-A so với tổng thể các nội dung có trong chỉ số.
- Kế hoạch hành động được xây dựng bám sát vào điểm mạnh và điểm tồn tại của Trường.

- Báo cáo được lấy ý kiến góp ý của toàn thể CB, GV, tổ chức đoàn thể trong Trường và đã được Hội đồng tự đánh giá thông qua.

2.3. Phương pháp mã hóa minh chứng

Mã thông tin và minh chứng (MC) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: **Hn.ab.cd.ef**, trong đó:

Kí tự	Ý nghĩa
H	Viết tắt “Hộp minh chứng”. Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp.
n	Số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết. Trường hợp $n \geq 10$ thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên.
ab	Số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10)
cd	Số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10)
ef	Số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15...)

Ví dụ đánh mã MC:

H1.01.01.01: là MC thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1.

H3.03.02.15: là MC thứ 15 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 3, được đặt ở hộp 3.

H4.04.03.25: là MC thứ 25 của tiêu chí 03 thuộc tiêu chuẩn 4, được đặt ở hộp 4.

H7.07.02.04: là MC thứ 4 của tiêu chí 2 thuộc tiêu chuẩn 7, được đặt ở hộp 7.

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

1.1. Thông tin tóm tắt về trường

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên (ĐHSP-ĐHTN, sau đây gọi là Trường) được thành lập ngày 18/07/1966 theo Quyết định số 127/CP của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Lúc đầu, Trường có tên là Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc. Đến năm 1994, Chính phủ ra quyết định thành lập Đại học Thái Nguyên, Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc trở thành cơ sở giáo dục đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên, có tên mới là Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

Trải qua 53 năm xây dựng và phát triển, Trường luôn kiên định với Sứ mạng: *là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu về đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, CB quản lý giáo dục có chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ trong lĩnh vực giáo dục, phục vụ sự nghiệp giáo dục - đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, đặc biệt là khu vực Trung du miền núi phía Bắc.*

Tính đến 8/2019, tổng số CB của Trường là 485 người, trong đó có 317 người là GV (gồm GV, giáo viên thực hành và giáo viên Trường THPT Thái Nguyên). Số GV có trình độ TS là 165 người (bao gồm 1 GS, 39 PGS) chiếm tỉ lệ trên 53%, ThS là 155 người và cử nhân là 2 người. Tổng số người học các hệ đang học tập của Trường là 9.886 người (trong đó 86 NCS, 958 học viên cao học, 4.526 SV đại học chính quy, 4.316 SV liên thông đại học hệ VLVH). Ngoài ra, Trường có gần 230 lưu học sinh quốc tế đang theo học.

Tính đến 8/2019, Trường đang thực hiện đào tạo 13 chuyên ngành TS, 23 chuyên ngành ThS, 26 CTĐT trình độ đại học hệ chính quy, 07 CTĐT đại học hệ VLVH và 04 chương trình bồi dưỡng cấp chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên, GV, CBQL giáo dục.

Về NCKH và CGCN, Trường đã có nhiều đóng góp giải quyết những vấn đề cấp bách trong phát triển kinh tế xã hội, giáo dục đào tạo. CB, GV của Trường đã chủ trì nhiều đề tài độc lập, đề tài NCKH trọng điểm cấp Nhà nước;

thực hiện hàng trăm đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Đại học; công bố hơn 1.000 bài báo trên tạp chí quốc tế có uy tín. Cùng với hoạt động NCKH của GV, hoạt động NCKH của SV luôn được Trường quan tâm đầu tư. Hằng năm, SV của Trường đều giành thứ hạng cao trong giải thưởng SV NCKH toàn quốc.

Về HTQT, Trường có quan hệ hợp tác với nhiều trường đại học, tổ chức quốc tế trên thế giới như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Đức, Úc, Hà Lan, New Zealand, Hàn Quốc, Bỉ, Thái Lan, Trung Quốc, Đài Loan, Lào, Campuchia. Trường đã kí nhiều biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác; đã tổ chức hơn 100 lượt CB đi thực tập khoa học, trao đổi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ ở nước ngoài. Đồng thời, Trường đã thu hút hàng trăm học viên, SV quốc tế đến học tập dài hạn và ngắn hạn tại Trường.

Tính đến 8/2019, Trường có 5 giảng đường với 146 phòng học; 6 nhà làm việc và NCKH cho CB GV với 272 phòng; Hệ thống phòng thí nghiệm có 31 phòng với tổng diện tích 2.826 m² được trang bị nhiều thiết bị hiện đại; hệ thống phòng thực hành có 33 phòng với tổng diện tích là 3920 m², đáp ứng yêu cầu về thực hành, thí nghiệm cho GV và người học. Hội trường đa năng có diện tích 3.090 m² với 1.000 chỗ ngồi; 10 phòng học ngoại ngữ và tin học; 1 tòa nhà Trung tâm Phát triển kỹ năng sư phạm 7 tầng với 32 phòng, tổng diện tích 4.400 m² được trang bị nhiều thiết bị hiện đại. Trường có 1 bể bơi với diện tích 1.250m², 1 sân vận động với diện tích 18.375 m², 2 sân tennis với diện tích 1.780m², 2 sân bóng rổ với diện tích 189m², 8 sân bóng chuyền, 1 sân bóng ném với diện tích 3000 m² và 1 nhà tập đa năng với diện tích 3870 m². KTX với 526 phòng ở cho SV với tổng số chỗ ở theo thiết kế là trên 4000 chỗ ở. Nhà ăn với diện tích 1.500 m² đáp ứng đủ nhu cầu sinh hoạt cho SV ở nội trú và một số dịch vụ thiết yếu. Trường có Trạm xá phục vụ khám, chữa bệnh cho CB, GV và người học.

Cơ sở hạ tầng CNTT: Trường đã có hệ thống 14 máy chủ và 16 phần mềm quản lý đáp ứng nhu cầu đào tạo tin chỉ và một số hoạt động trên môi trường trực tuyến như: đăng ký học online, thi trắc nghiệm trên mạng nội bộ, quản lý hệ thống văn bản trên nền tảng iCloud, chống sao chép và đạo văn.

Trường có 1 tòa nhà thư viện 5 tầng khang trang, nội thất tiện nghi với 30 phòng, tổng diện tích 2.934m²; có 19.879 đầu sách với 289.522 cuốn sách. Thư viện có 12 phòng đọc tại chỗ và phòng học nhóm với hơn 800 chỗ ngồi, có một hệ thống mạng nội bộ, có 153 máy tính hiện đại, hệ thống wifi miễn phí phục vụ tra cứu tài liệu học tập của SV. Có hệ thống trả sách tự động 24/7 với phần mềm thư viện tích hợp hiện đại ALEPH, PRIMO, SFX; có 01 máy ScanRobot 2.0. Trung bình hằng năm, thư viện phục vụ hơn 41.000 lượt SV. Tổng số sách được mượn trả khoảng 17.000 cuốn/năm.

1.2. Bối cảnh chung của Trường và bối cảnh tham gia Chương trình ETEP

Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng GV&CBQLCSGD của Trường về cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của ngành, đặc biệt là vùng Trung du phía Bắc, đảm bảo cung cấp đội ngũ GV&CBQLGD đủ về số lượng và cơ cấu môn học, đạt và trên chuẩn trình độ đào tạo. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng từng bước được chuyên nghiệp hóa theo hướng hiện đại (phát triển chương trình đào tạo theo các phương thức tiên tiến, tăng cường thực hành sư phạm, ứng dụng CNTT, tập dượt NCKH,...).

Tuy nhiên, trước những yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện GD và đào tạo, các trường sư phạm nói chung và Trường ĐHSP-ĐHTN nói riêng có phần hạn chế ở một số phương diện. Cụ thể là:

Công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn tỷ lệ tuyển sinh sụt giảm, đặc biệt là các ngành Giáo dục học, Sư phạm Tin học, Khoa học Tự nhiên, Quản lý giáo dục dẫn tới quy mô đào tạo của Trường thu hẹp, ảnh hưởng tới nguồn tài chính và đời sống của CB, GV và các hoạt động của Trường.

Lương của CB, GV, VC người lao động so với mặt bằng lương của một số ngành nghề hiện nay còn thấp, đặc biệt là lương của CB trẻ còn thấp, nên chưa tạo động lực cho CB, GV chuyên tâm với công việc thực hiện đổi mới sáng tạo trong giảng dạy, NCKH, tư vấn hỗ trợ cho SV khởi nghiệp, học tập và NCKH.

Hoạt động khởi nghiệp, hỗ trợ SV trong quản lý đào tạo và tư vấn SV còn gặp khó khăn, do năng lực tư vấn, hỗ trợ của GV chưa tốt, điều này dẫn đến việc còn SV bị cảnh báo học tập và buộc thôi học.

Trình độ ngoại ngữ của GV còn nhiều hạn chế dẫn đến khó khăn trong tổ chức đào tạo CTĐT giáo viên giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh.

Hoạt động NCKH chuyển giao công nghệ với các địa phương còn khiêm tốn, chưa tạo nên sức mạnh và cạnh tranh. Nguyên nhân đội ngũ chuyên gia về khoa học giáo dục có trình độ cao của Trường còn khiêm tốn, Trường chưa thu hút được đội ngũ chuyên gia giáo dục có trình độ cao về công tác tại Trường.

Kinh phí đầu tư cho KHCN của Trường còn thấp; do tuyển sinh sụt giảm, mức chi thường xuyên hạn hẹp, Trường không đủ năng lực để đầu tư nhiều cho NCKH.

Năng lực NCKH giáo dục của một số GV có trình độ tiến sỹ còn yếu, hạn chế về năng lực ngoại ngữ, công bố quốc tế còn ít (đặc biệt là trên các tạp chí ISI/Scopus).

Cơ chế thu hút GV, SV nước ngoài tới Trường chưa đạt được hiệu quả cao. Nguyên nhân chưa có CTĐT liên kết quốc tế, trình độ tiếng Anh của GV và SV hạn chế.

Chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng GV&CBQLCSGD chưa theo hướng “thực học, thực nghiệp” để phát triển năng lực nghề nghiệp gắn kết với yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp GV, chuẩn hiệu trưởng/Giám đốc Trung tâm GD GDTX cũng như yêu cầu từ thực tiễn giảng dạy, giáo dục, quản lý ở trường phổ thông.

Để đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện GD và nhất là đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDPT theo tinh thần Nghị quyết 29-NQ/TW, Trường xác định rõ và cam kết thực hiện tốt các nhiệm vụ chính là:

a) Đổi mới chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ GV&CBQLCSGD phổ thông.

b) Phát triển đội ngũ GV&CBQLCSGD cốt cán phổ thông thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động bồi dưỡng của các trường sư phạm tại các trường phổ thông.

c) Phát triển hệ thống cung cấp, quản lý và hỗ trợ thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực của GV&CBQLCSGD phổ thông dựa trên nền tảng CNTT.

d) Tham gia vào một hệ thống giám sát, đánh giá và phản hồi thường xuyên về chất lượng giảng dạy của GV&CBQLCSGD phổ thông trên cơ sở tối ưu hóa việc sử dụng CNTT.

e) Phối hợp với các trường sư phạm khác và các Sở GD&ĐT phát triển chương trình, cung cấp tài liệu, tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng và hướng dẫn, hỗ trợ GV, CBQLCSGD cốt cán nâng cao hiệu quả hoạt động tại các trường phổ thông.

1.3. Tóm tắt kết quả tự đánh giá

Thông qua hoạt động tự đánh giá theo bộ chỉ số TEIDI, Trường đã phát hiện những điểm mạnh, tồn tại trong các hoạt động và đề xuất hệ thống các kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những tồn tại, từng bước nâng cao mức năng lực của Trường.

1.3.1. Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng

Điểm mạnh: Tầm nhìn và Kế hoạch chiến lược của Trường phù hợp với Sứ mạng và được công bố đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau. Hệ thống văn bản về công tác quản lý của Trường được xây dựng một cách đồng bộ, đầy đủ, theo đúng quy định là công cụ để tổ chức quản lý hiệu quả mọi hoạt động của Trường. Trường đã hoàn thành kiểm định chất lượng giáo dục năm 2017. Năm 2019, Trường đã hoàn thành kiểm định 07 CTĐT: Cử nhân SP Toán học, SP Hóa học, SP Sinh học, SP Vật lý, SP Ngữ văn, SP Lịch sử và cử nhân GD Mầm non. Hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ được thành lập và hoạt động hiệu quả. Trường đã ban hành các văn bản trong đó có quy định về thu thập thông tin phản hồi từ CB, GV, SV, cựu SV, các NSDLĐ. Việc thu thập, phân tích và sử dụng các thông tin thu được qua các cuộc khảo sát

được thực hiện khá quy củ với 23 mẫu phiếu khảo sát được xây dựng cho từng đối tượng khảo sát, phù hợp với mục tiêu của mỗi đợt khảo sát

Điểm tồn tại: Cơ chế giám sát việc triển khai kế hoạch chiến lược còn hạn chế. Số CB phụ trách công tác ĐBCLGD tại các đơn vị được đào tạo, bồi dưỡng chương trình ĐBCLGD còn ít. CTĐT đại học hệ VLVH, sau đại học chưa triển khai tự đánh giá. Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT chưa được giám sát, đánh giá một cách thường xuyên và đồng bộ. Chưa có quy định quản lý và sử dụng các phần mềm tích hợp để việc cập nhật và giám sát thông tin của giảng viên và sinh viên được triển khai định kỳ

Kế hoạch hành động: Tiếp tục rà soát, bổ sung văn bản quy định về khuyến khích thành tích NCKH của CB, GV để tăng số lượng bài báo quốc tế và số công trình KH-CN chuyên giao cho các đối tác. Rà soát Quy chế tổ chức hoạt động của Trường cho phù hợp với tái cấu trúc cơ cấu tổ chức của Trường. Phát triển các chính sách khuyến khích CB, VC, quy định cụ thể về hoạt động giảng dạy, bồi dưỡng, NCKH cho các chức danh nghề nghiệp của CB, GV. Rà soát KHCL đảm bảo chất lượng giáo dục giai đoạn 2019-2021. Đăng ký và thực hiện đánh giá quốc tế các CTĐT theo bộ chỉ số AUN-QA. Rà soát và hoàn thiện văn bản quy định về công tác ĐBCLGD nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Thực hiện giám sát kế hoạch cải tiến chất lượng của các đơn vị sau đánh giá ngoài Trường và sau tự đánh giá CTĐT. Xây dựng cơ sở dữ liệu ĐBCLGD năm học theo tiêu chuẩn kiểm định.

Tự đánh giá: 4,36 điểm

1.3.2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình đào tạo

Điểm mạnh: Trường có các quy định cụ thể về quy trình xây dựng và cập nhật CTĐT. Trường đã tổ chức nhiều hội thảo với các bên liên quan để tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế phổ thông vào CTĐT và bồi dưỡng. Các CTĐT và chương trình bồi dưỡng đều có CDR rõ ràng. CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn đổi mới giáo dục, nhu cầu của người học và nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động. CTĐT đảm bảo tính liên thông giữa các ngành đào tạo, trình độ đào tạo tạo điều

kiện thuận lợi cho người học có cơ hội học tập (học văn bằng 2, học cùng lúc 2 chương trình, học sau đại học). SV của Trường được xuống trường phổ thông sớm hơn, tích cực và chủ động hơn trong hoạt động nghề nghiệp, giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn giáo dục.

Điểm tồn tại: Trường chưa xây dựng các quy định về quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh các chương trình bồi dưỡng và bộ công cụ đánh giá chương trình bồi dưỡng CBQL và giáo viên phổ thông; chưa có các CTĐT liên kết quốc tế. Chưa triển khai quản lý đào tạo bằng phần mềm IU đối với các hệ đào tạo sau đại học. Nội dung các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên và CBQL giáo dục chưa được các địa phương đánh giá cao về tính đa dạng và tính phù hợp với thực tế.

Kế hoạch hành động: Xây dựng các CTĐT giáo viên dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh. Triển khai quản lý đào tạo bằng phần mềm IU đối với các hệ (văn bằng 2, VLVH, sau đại học). Xây dựng quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh các chương trình bồi dưỡng. Hoàn thiện các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý giáo dục phổ thông. Xây dựng kế hoạch bổ sung các môn học tự chọn; xây dựng quy định về biên chế lớp học tự chọn một cách linh hoạt. Tổ chức khảo sát thực tế và hội thảo với các bên liên quan để tiếp tục cập nhật, bổ sung nội dung các chuyên đề bồi dưỡng.

Tự đánh giá: 4.0 điểm

1.3.3. Tiêu chuẩn 3. Nghiên cứu, phát triển và đổi mới

Điểm mạnh: Trường đã xây dựng xong phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu khoa học của GV để hỗ trợ CB GV thực hiện các đề tài NCKH. Trường có chính sách thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và đổi mới và Trường đã cập nhật sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ để hỗ trợ tài chính tốt hơn nữa cho hoạt động NCKH của GV và người học. Trường chú trọng tạo điều kiện và hỗ trợ về rất nhiều mặt trong đó có khâu hỗ trợ tổ chức cho các CB GV thực hiện các nhiệm vụ NCKH. Trường chú trọng đầu tư cơ sở vật chất nhà thí nghiệm, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, các trang thiết bị phục vụ nhu cầu NCKH cho CB GV. Trường đã ký kết nhiều biên bản hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học và các địa phương trong đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ.

Điểm tồn tại: Trường đang xây dựng quy định hướng dẫn GV và các chủ nhiệm đề tài trong khai thác sử dụng các trang thiết bị thí nghiệm thực hành tại Trường. Công bố quốc tế của các nhóm nghiên cứu còn ít, chưa có nhiều bài báo của GV được đăng tải trên các tạp chí ISI/Scopus, đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học giáo dục; chưa có chính sách cụ thể gắn NCKH với nhu cầu KHCN ở địa phương, chính sách thúc đẩy các đề tài KHCN ứng dụng có thể chuyển giao KHCN. Số lượng các nhóm nghiên cứu giảng dạy và nghiên cứu ứng dụng còn hạn chế và chưa có đánh giá cụ thể về kết quả NCKH được tích hợp vào dạy và học. Nguồn kinh phí dành cho hoạt động KHCN hằng năm còn ít, chưa tương xứng với năng lực đội ngũ CB, GV có trình độ cao của Trường.

Kế hoạch hành động: Đẩy mạnh hoạt động của các nhóm nghiên cứu chuyên sâu, với sản phẩm của nhóm là các bài báo ISI/Scopus. Xác định các hướng nghiên cứu trọng điểm nhằm phát triển công bố báo quốc tế, đặc biệt ở lĩnh vực KHGD và KHXH-NV. Tăng nguồn kinh phí hằng năm dành cho thực hiện các đề án, đề tài KHCN cấp cơ sở theo đặt hàng của Trường. Triển khai xây dựng phần mềm quản lý trang thiết bị thực hành thí nghiệm để quảng bá giới thiệu cho người sử dụng

Tự đánh giá: 4.17 điểm

1.3.4. Tiêu chuẩn 4. Hoạt động đối ngoại

Điểm mạnh: Trường đã ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác với các địa phương, các trường đại học trong nước để tổ chức nhiều sự kiện về khoa học giáo dục, phối hợp bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên, CB quản lý giáo dục phổ thông và đội ngũ GV sư phạm. Trường thường xuyên tổ chức các hội thảo, hội nghị, sự kiện về khoa học giáo dục nhằm đổi mới CTĐT, chương trình bồi dưỡng giáo viên và CBQL giáo dục phổ thông. Trường đã có các chính sách cụ thể khuyến khích GV và người học tham gia các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản các công trình trong mạng lưới quốc tế. Hội thảo quốc tế và hội thảo chuyên đề có yếu tố nước ngoài được tổ chức định kì và thường xuyên. Trường có nhiều chương trình học tập và bồi dưỡng miễn phí nhằm hỗ trợ GV và SV nâng cao năng lực ngoại ngữ. Trường

tích cực tổ chức, tham gia các hoạt động chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, NCKH và chuyển giao công nghệ với mạng lưới các trường đại học. Hoạt động hợp tác với các cơ sở giáo dục nước ngoài được tăng cường về số lượng và chất lượng, phù hợp với mục tiêu phát triển của Trường. Trường có quy định công tác sở hữu trí tuệ trong Trường. Trường đã xây dựng quy định trách nhiệm, quyền và lợi ích hợp pháp trong hoạt động sở hữu trí tuệ, và được áp dụng cho đơn vị, cá nhân, người học của Trường.

Điểm tồn tại: Trường chưa xây dựng được bộ công cụ lấy ý kiến phản hồi của người học sau khi kết thúc các khóa bồi dưỡng thường xuyên dành cho giáo viên và CBQL giáo dục. Hiệu quả của các hoạt động hợp tác với các bên liên quan chưa được định kỳ đánh giá để xây dựng kế hoạch cải tiến. Trường chưa có các chương trình liên kết đào tạo với các đối tác nước ngoài. Các công bố quốc tế và NCKH với các đối tác nước ngoài của các ngành khoa học xã hội và khoa học giáo dục còn ít. Chưa đánh giá được hiệu quả của việc hợp tác với các viện nghiên cứu và các trường đại học ở trong và ngoài nước. Hoạt động hợp tác, chia sẻ trong mạng lưới các trường đại học sư phạm và mạng lưới các trường đại học trong khu vực ASEAN còn ít, hiệu quả thấp. Trường chưa có biện pháp phối hợp với cơ quan chức năng trong việc ngăn chặn nạn sao chép bản quyền giáo trình do GV biên soạn và xuất bản.

Kế hoạch hành động:

Xây dựng kế hoạch và phối kết hợp với các địa phương, các viện nghiên cứu và các trường đại học trong cả nước để tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục. Xây dựng chương trình hợp tác với các địa phương trong công tác bồi dưỡng thường xuyên dành cho giáo viên và CB quản lý giáo dục phổ thông. Xây dựng bộ công cụ lấy ý kiến phản hồi của người học sau khi kết thúc các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Xây dựng đề án liên kết đào tạo với một trường đại học của Đài Loan hoặc Philipines. Xây dựng kế hoạch ký kết các văn bản hợp tác với các Viện nghiên cứu và các trường ĐH khác ở trong nước. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thúc đẩy hiệu quả của các văn bản quản lý và các văn bản ký

kết với các viện nghiên cứu. Xây dựng chính sách hỗ trợ GV của Trường thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học giáo dục công bố các công trình nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế. Tổ chức hội thảo quốc tế và hội thảo chuyên đề có yếu tố nước ngoài.

Tự đánh giá: 3,79 điểm

1.3.5. Tiêu chuẩn 5. Môi trường sư phạm và các nguồn lực

Điểm mạnh: Trường có cảnh quan, khuôn viên, môi trường tự nhiên “xanh, sạch, đẹp” được quy hoạch hợp lý phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên. Các tòa nhà, giảng đường, phòng thực hành, phòng thí nghiệm được quy hoạch bố trí hợp lý, khoa học, phù hợp với yêu cầu đào tạo của Trường. Trang thiết bị, tài liệu học tập được đầu tư đa dạng đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH. Trường đã có kế hoạch và kinh phí để cải tạo, sửa chữa, nâng cấp kịp thời CSVN và trang thiết bị đảm bảo cho việc triển khai CTĐT; đã tổ chức khảo sát ý kiến hài lòng của SV, GV, CBQL về hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng. Về CNTT và TV, Trường có chủ trương đường lối và kế hoạch phát triển lâu dài đối với nền tảng CNTT và môi trường trực tuyến, có cơ sở vật chất và kỹ thuật ban đầu cho việc triển khai môi trường trực tuyến. Trường có đội ngũ CB kỹ thuật chuyên biệt về CNTT. Công tác lập kế hoạch, quản lý tài chính, quản lý nguồn thu tập trung, đúng quy định, đầy đủ, chính xác, kịp thời. Trường có kế hoạch chiến lược, chính sách tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng GV theo giai đoạn; kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch.

Điểm tồn tại: Một số hạng mục của các tòa nhà làm việc, giảng đường xuống cấp do đã xây dựng từ lâu. Một số thiết bị thí nghiệm đã xuống cấp, lạc hậu cần thay thế, bổ sung. Hệ thống máy chủ đa phần đã cũ (đầu tư chủ yếu từ năm 2009), bắt đầu xuống cấp, hoạt động không ổn định, đôi khi gây sự cố bất ngờ (hỏng nguồn, lỗi main, lỗi RAM...); Đường truyền dung lượng còn thấp. Mạng trục chính (Backbone), mạng lõi (core network) đã cũ, cần thay thế, nâng cấp. Hệ thống thiết bị an ninh mạng còn sơ khai. Thư viện điện tử mới tiếp nhận, chưa có kinh nghiệm về vận hành. Khối lượng sách cần hồi cố rất nhiều. Thư

viện chưa kết nối được với Thư viện Quốc gia và thư viện của các trường đại học trong hệ thống các trường đại học sư phạm trong nước. Nguồn thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng của Trường.

Kế hoạch hành động: Lập kế hoạch cải tạo, nâng cấp khuôn viên. Tiếp tục trồng thêm cây xanh trong khuôn viên Trường. Nâng cấp hạ tầng CNTT. Xây dựng cổng Thông tin điện tử, Phòng học trực tuyến, Phòng sản xuất học liệu điện tử, Thư viện điện tử. Đề xuất giải pháp sử dụng hiệu quả các trang thiết bị hiện có. Tuyển chọn bổ sung chuyên gia CNTT. Mua sắm, phát triển phần mềm có bản quyền. Tăng cường nguồn thu từ hoạt động chuyển giao công nghệ (hoạt động bồi dưỡng ETEP). Xây dựng quy định sử dụng nguồn thu từ hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế để hỗ trợ công bố quốc tế. Thực hiện đa dạng hóa các nguồn lực tài chính, hợp pháp, phù hợp với sứ mạng và kế hoạch chiến lược giai đoạn 2019-2022. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quy định thu, mức thu và tổ chức đơn độc thu, hằng năm kiểm tra, phân tích, đánh giá nguồn thu.

Tự đánh giá: 3,48 điểm

1.3.6. Tiêu chuẩn 6. Hỗ trợ dạy học

Điểm mạnh: Trường có chính sách phát triển đội ngũ, hợp lý, gắn với sứ mạng của Trường, nhiều biện pháp hiệu quả được Trường thực hiện để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực của đội ngũ GV. Trường hỗ trợ, tạo điều kiện cho GV tập sự, GV mới trong quá trình giảng dạy, NCKH, bồi dưỡng, học tập để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy và có cơ chế để GV tập sự, GV mới phát triển chuyên môn và gắn bó lâu dài với Trường. Công tác phối hợp, gắn kết với các trường phổ thông, mầm non được Trường quan tâm, chú trọng, đạt hiệu quả tương đối tốt. Trường có chính sách đánh giá và công nhận GV có tính khuyến khích GV tham gia các công việc giảng dạy và NCKH, thu hút GV tham gia và hoàn thành các nhiệm vụ giảng dạy và NCKH.

Điểm tồn tại: Việc khuyến khích các GV thực hiện vai trò người hướng dẫn và sử dụng hiệu quả phương pháp giảng dạy, cung cấp cơ hội chuyên nghiệp

hóa đội ngũ GV để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt chưa được đánh giá một cách toàn diện và có những cải tiến thiết thực. GV tham gia giảng dạy chương trình bồi dưỡng thường xuyên chưa được đánh giá thường xuyên, kịp thời. Trường chưa tích hợp các công cụ kết quả khảo sát vào hệ thống khảo sát ý kiến phản hồi của người học chương trình bồi dưỡng thường xuyên. Trường chưa có hệ thống theo dõi sự cải tiến của GV sau đánh giá. Trường chưa tiến hành đánh giá toàn diện tác động của những chính sách hỗ trợ, khuyến khích đối với sự phát triển năng lực và hiệu quả làm việc của GV.

Kế hoạch hành động: Xây dựng và đưa vào sử dụng các phiếu khảo sát để đánh giá hiệu quả giảng dạy của GV tập sự và GV mới; đánh giá công tác hỗ trợ của Trường đối với GV mới. Xây dựng quy định và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thực tế phổ thông của GV sư phạm. Xây dựng đội ngũ GV chủ chốt và phát triển cộng đồng học tập cho GV. Đánh giá hiệu quả đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm xây dựng phương án đầu tư cơ sở vật chất hỗ trợ hoạt động giảng dạy hiện đại. Xây dựng và triển khai kết nối trực tuyến các hoạt động giảng dạy ở phổ thông với hoạt động giảng dạy ở trường sư phạm. Xây dựng bộ công cụ và triển khai đánh giá GV tham gia giảng dạy chương trình bồi dưỡng thường xuyên. Hoàn thiện quy định về việc cử GV đi nghiên cứu thực tế tại các trường phổ thông và trường mầm non.

Tự đánh giá: 3,63 điểm

1.3.7. Tiêu chuẩn 7. Hỗ trợ học tập

Điểm mạnh: Công tác tuyển sinh đúng Quy chế của Bộ GD&ĐT, đảm bảo công khai, công bằng và minh bạch. Thông tin tuyển sinh được quảng bá qua nhiều kênh, hình thức đa dạng, phong phú để người học dễ dàng nắm bắt được thông tin về Trường, về CDR và CTĐT. Chế độ chính sách đối với những SV thuộc đối tượng được hưởng theo quy định đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Hoạt động kiểm tra đánh giá được thực hiện chính xác, công bằng và minh bạch. Hoạt động ngoại khóa được tổ chức đa dạng, phong phú, cuốn hút đông đảo SV tham gia. Đã thành lập Ban liên lạc cựu SV của các khóa học. Đã đưa hoạt động khảo sát việc làm của SV sau tốt nghiệp đi vào nền nếp, hiệu quả và

khoa học hơn. Hoạt động tư vấn, hướng nghiệp cho SV được tổ chức phong phú, đa dạng.

Điểm tồn tại: Chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học của Trường với các trường đại học nước ngoài chưa được xây dựng hoàn thiện, quy chuẩn. Phương pháp kiểm tra đánh giá trong đánh giá kết quả học tập theo hình thức tự luận chiếm đa số, chưa có cơ chế giám sát hoạt động thi vấn đáp trong Trường, các loại hình kiểm tra đánh giá khác vẫn còn hạn chế. Lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động kiểm tra, đánh giá là chưa được tổ chức thường xuyên và chưa đạt được kết quả như mong đợi.

Kế hoạch hành động: Xây dựng kế hoạch tổng thể về hỗ trợ, tư vấn đối với những SV khó khăn, chậm tiến bộ và LHS. Xây dựng mạng lưới liên kết với các sở GD&ĐT, trường phổ thông và cựu người học; quảng bá kênh thông tin tuyển sinh; ngành học, CTĐT, bồi dưỡng, chương trình môn học. Xây dựng và hoàn thiện chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học của Trường với các trường đại học nước ngoài. Xây dựng chương trình hỗ trợ và tư vấn cho những người học gặp khó khăn trong học tập, người dân tộc thiểu số và người nước ngoài. Xây dựng phần mềm online kết nối với SV sau tốt nghiệp. Xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực của người học theo CDR. Phát triển các dịch vụ tư vấn cho người học và hỗ trợ sau tốt nghiệp. Rà soát và cập nhật mới 20% ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa. Vận hành có hiệu quả phần mềm quản lý ngân hàng câu hỏi và trộn đề thi.

Tự đánh giá: 3,9 điểm

PHẦN 2. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng

Tiêu chí 1.1: Tầm nhìn chiến lược

1. Mô tả

Chỉ số 1.1.1. Tầm nhìn và kế hoạch chiến lược phù hợp với sứ mạng của Trường.

Trên cơ sở định hướng phát triển của ngành, địa phương và sứ mạng, Trường đã xây dựng và ban hành KHCL phát triển Trường giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn đến năm 2020; KHCL phát triển trường giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.1.01.01, H1.1.01.02].

Trường đã xác định tầm nhìn đến năm 2030 và được trình bày trong KHCL phát triển Trường giai đoạn 2016-2020, đó là: “Đến năm 2030, Trường ĐHSP - ĐHTN là trường đại học trọng điểm hàng đầu của cả nước theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng trong giáo dục với ưu tiên phát triển về giáo dục STEM, giáo dục đa văn hóa, dạy - học theo tiếp cận CDR; ngang tầm với các trường đại học sư phạm trong khu vực Đông Nam Á và xu hướng hội nhập quốc tế; kiến tạo và cung cấp môi trường học tập, NCKH giáo dục chuyên nghiệp, đảm bảo cho người học sau tốt nghiệp, đặc biệt là người dân tộc thiểu số có nền tảng học vấn rộng, chuyên sâu, có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng với sự thay đổi của bối cảnh giáo dục Việt Nam và Đông Nam Á” [H1.1.01.02]. Tầm nhìn và KHCL của Trường phù hợp với sứ mạng của Trường đã tuyên bố trong giai đoạn 2016-2020, sứ mạng đó là: “Trường ĐHSP - ĐHTN là cơ sở đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, CBQL giáo dục có chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu và ứng dụng KHCN, phục vụ sự nghiệp giáo dục - đào tạo, phát triển KT - XH của cả nước, đặc biệt là khu vực Trung du miền núi phía Bắc”.

Tầm nhìn và KHCL phát triển Trường giai đoạn 2016-2020 được xây dựng trên cơ sở tổng kết những thành tựu đạt được theo chiến lược phát triển giai đoạn 2010-2015 [H1.1.01.03] và sự đóng góp ý kiến của tập thể CB, GV,

nhân viên trong Trường, đóng góp của các bên liên quan và được Hội đồng Trường quyết nghị thông qua [H1.1.01.04].

Đề phù hợp với tình hình mới, năm 2018, Trường tổng kết 3 năm thực hiện KHCL và đã tổ chức hội thảo tham vấn các bên liên quan (bao gồm nhà sử dụng lao động, CB quản lý, GV) để hoàn thiện KHCL của Trường [H1.1.01.10]. Trên cơ sở các ý kiến góp ý, quyết nghị thông qua của Hội đồng Trường, Hiệu trưởng Nhà trường đã ban hành bản điều chỉnh, bổ sung KHCL phát triển Trường giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.1.01.11].

Chỉ số 1.1.2. Tầm nhìn, sứ mạng của trường được công bố công khai và được triển khai trong các hoạt động của trường.

Tầm nhìn của Trường được giới thiệu và quảng bá đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau, như trên trang web của Trường [http://dhsptn.edu.vn/index.php?language=vi&nv=gioi-thieu-chi-tiet &op=Sumang-va-tam-nhin](http://dhsptn.edu.vn/index.php?language=vi&nv=gioi-thieu-chi-tiet&op=Sumang-va-tam-nhin), các pano đặt tại khu giảng đường, KTX [H1.1.01.05], các Kỷ yếu và tài liệu giới thiệu về trường [H1.1.01.06]. Đồng thời, Trường phổ biến tầm nhìn đến CB, GV và người học trong Hội nghị CBVC hằng năm từ cấp Khoa, cấp Phòng đến cấp Trường, phổ biến trong các đợt sinh hoạt chính trị của Đoàn Thanh niên và sinh hoạt chính trị đầu năm. Tầm nhìn của Trường cũng được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan, ví dụ như xuất bản Kỷ yếu 50 năm thành lập trường, các tài liệu giới thiệu về Trường [H1.1.01.06].

Tầm nhìn, KHCL của Trường được triển khai trong tất cả các hoạt động của Trường: Hoạt động đào tạo, NCKH, quản lý nhân sự, cơ sở vật chất, tài chính, công tác SV vv... Đặc biệt là trong việc rà soát, điều chỉnh lại CĐR, CTĐT, đổi mới đào tạo phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường trong giai đoạn mới; Trường phát triển các học phần tự chọn dành cho SV người dân tộc thiểu số; phát triển các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên, SV là người dân tộc thiểu số [H1.1.01.12]. Trường triển khai các hoạt động bồi dưỡng GV về giáo dục STEM, phát triển nghiên cứu và ứng dụng về GD STEM trong đào tạo giáo viên và giáo dục phổ thông [H1.1.01.15]; Trường đã ban hành các chính sách hỗ trợ SV là người dân tộc thiểu số, SV có hoàn cảnh khó khăn trong học tập nhằm

phát huy thế mạnh của Trường trong đào tạo giáo viên người dân tộc thiểu số [H1.1.01.13]. Trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng giáo viên cốt cán, CB quản lý cốt cán cho 8 tỉnh miền núi phía Bắc, phát triển nghề nghiệp giáo viên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới [H1.1.01.14].

Để thực hiện Tầm nhìn, chiến lược phát triển từng giai đoạn, Trường xây dựng các kế hoạch cụ thể cho từng năm học [H1.1.01.07]. Các kế hoạch này bao gồm tất cả các hoạt động của Trường. Trong mỗi kế hoạch đều nêu giải pháp, cách thức tổ chức thực hiện [H1.1.01.08]. Hằng năm, Trường tổ chức tổng kết và xây dựng phương hướng các năm, báo cáo tổng kết và phương hướng được thông qua Hội nghị CB, VC của trường để toàn thể CB, VC tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến trước khi quyết định thực hiện [H1.1.01.09].

Tuy nhiên, Trường chưa ban hành quy trình lấy ý kiến phản hồi và góp ý của các bên liên quan về tầm nhìn.

2. Điểm mạnh

Tầm nhìn và KHCL của Trường phù hợp với sứ mạng và được công bố đến các bên liên quan bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa ban hành quy trình lấy ý kiến phản hồi và góp ý của các bên liên quan về tầm nhìn.

- Cơ chế giám sát việc triển khai KHCL chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch hành động trung hạn để thực hiện sứ mạng, tầm nhìn.	- BTV Đảng ủy chỉ đạo - Phòng	9/2017	11/2019
2		Xây dựng cơ chế giám sát việc triển khai kế hoạch	KT&ĐBCLGD chủ trì, các đơn	9/2017	11/2019

		chiến lược.	vị trong trường phối hợp		
1	Phát huy	Xây dựng kế hoạch truyền thông về sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược của Trường.		9/2017	11/2019
2	điểm mạnh	Lấy ý kiến đóng góp của các bên liên quan hoàn thiện tầm nhìn, chiến lược phát triển.		9/2017	5/2020

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.1.1				x			
Chỉ số 1.1.2				x			
Điểm tiêu chí 1.1	4,0						

Tiêu chí 1.2: Quản lý

1. Mô tả

Chỉ số 1.2.1. Trường có các chính sách, quy trình, quy định, công cụ thích hợp để thực hiện sứ mạng, triển khai kế hoạch chiến lược và khuyến khích đội ngũ phát huy năng lực.

Đề tạo động lực cho CB, GV, nhân viên và sinh viên phát huy năng lực cá nhân, tập thể nhằm thực hiện có hiệu quả sứ mạng, tầm nhìn của nhà trường trong từng giai đoạn, Trường đã ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường, Quy chế tổ chức hoạt động của Trường quy định rõ chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong trường và người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong các đơn vị, mối quan hệ giữa các bộ phận trong Trường khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ, văn bản này là cơ sở để các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ hành chính và nhiệm vụ chính trị của Trường, của đơn vị, đồng thời là

căn cứ để cán bộ quản lý kiểm tra, giám sát, đánh giá tập thể, cá nhân trong quá trình thực thi nhiệm vụ, công vụ [H2.1.02.01].

Ngoài Quy chế tổ chức hoạt động của Trường, Trường ban hành các văn bản quản lý đào tạo, NCKH, khảo thí, đảm bảo chất lượng giáo dục, các văn bản về quản lý VC và người lao động. Năm 2019, Trường đã xây dựng Quy định về khung năng lực của CB GV, Bộ chỉ số KPIs đánh giá hiệu quả làm việc, đánh giá năng lực của cán bộ, GV và người lao động. Các quy định được rà soát, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường vv... làm cơ sở để triển khai, giám sát, điều chỉnh các hoạt động của Trường [H2.1.02.02].

Năm 2017 và 2018, Trường tổ chức rà soát, đánh giá lại toàn bộ hệ thống văn bản quản lý của Trường, kết quả đánh giá đã chỉ ra những văn bản cần điều chỉnh, những văn bản cần bổ sung và văn bản cần loại bỏ, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch hoàn thiện hệ thống văn bản đáp ứng yêu cầu của Luật Giáo dục đại học mới [H2.1.02.03].

Ngoài hệ thống văn bản nêu trên, các tổ chức Đảng, Đoàn thể trong Trường đều có hệ thống các văn bản quy định về quy chế, nội quy hoạt động [H2.1.02.04]. Các văn bản tổ chức, quản lý của Trường ban hành theo đúng quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, Thông tư 08 và các quy định của Bộ GD&ĐT, DHTN.

Chỉ số 1.2.2. Năng lực chuyên môn của nhân sự trong trường đáp ứng chức năng, nhiệm vụ của từng vị trí việc làm.

Hằng năm, căn cứ vào Luật viên chức (2010); Nghị định 56/2015, ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về đánh giá và phân loại CB, công chức, VC; Thông tư Quy định chế độ làm việc đối với GV của Bộ GD&ĐT (2014); Quy định chế độ làm việc của nhà giáo trong ĐHTN (2015); Quy định về đánh giá và phân loại, công chức, VC và người lao động của ĐHTN (2016), Trường đã ban hành các văn bản: Đề án vị trí việc làm, các văn bản giao nhiệm vụ cho CB, GV và người lao động theo từng năm học [H2.1.02.05] làm cơ sở đánh giá năng lực chuyên môn, phân loại VC và người lao động để hưởng lương tăng thêm của CB VC và người lao động trong Trường.

Đầu năm học, Trường thực hiện ký biên bản giao nhận nhiệm vụ theo chức danh nghề nghiệp và vị trí việc làm của từng cá nhân [H2.1.02.06]. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân được thực hiện trên cơ sở Biên bản giao, nhận nhiệm vụ đối với GV, CB VC và người lao động và tiến hành ở tất cả các bên: cá nhân tự đánh giá, đánh giá của đồng nghiệp, đánh giá của CBQL. Tổ chức đánh giá cá nhân được tiến hành theo quy trình: 1) đánh giá VC trong năm học; 2) xét thi đua, khen thưởng năm học và đánh giá định kỳ 6 tháng/lần [H2.1.02.07]. Trong năm học 2017-2018, kết quả đánh giá VC cho thấy: có 157 CB, VC và người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 303 CB, VC và người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ; 68 CBVC hoàn thành nhiệm vụ; 03 CBVC không hoàn thành nhiệm vụ [H2.1.02.08]. Về xét thi đua: có 78 cá nhân đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở; 438 cá nhân đạt danh hiệu lao động tiên tiến và nhiều tập thể, cá nhân được tặng bằng khen các cấp [H2.1.02.09]. Năm học 2018-2019: Tổng số CB, VC và người lao động được đánh giá: 484 người, trong đó: 212 CB, VC và người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 247 CB, VC và người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ; 22 CB,VC hoàn thành nhiệm vụ; 03 CB,VC không hoàn thành nhiệm vụ; 08 CB không đánh giá (nghỉ không lương), 69 cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 449 cá nhân đạt danh hiệu lao động tiên tiến.

Năm 2018, Trường xây dựng Bộ chỉ số KPIs đánh giá năng lực của CB, GV và người lao động toàn trường để làm căn cứ tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng.... đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trong năm học và làm căn cứ để đánh giá, phân loại VC, người lao động để hưởng lương tăng thêm. Bộ tiêu chuẩn gồm 03 (ba) quy định: Quy định đánh giá và cho điểm đối với khối quản lý năm 2018 (gồm 05 tiêu chuẩn và 53 tiêu chí); Quy định đánh giá và cho điểm đối với GV năm 2018 (gồm 05 tiêu chuẩn và 50 tiêu chí); Quy định đánh giá và cho điểm đối với chuyên viên và tương đương, nhân viên các phòng/ban/trung tâm, văn phòng khoa và kỹ thuật viên năm 2018 (gồm 05 tiêu chuẩn và 41 tiêu chí). Trường tiến hành đánh giá thử theo bộ chỉ số KPIs và đang tập huấn CB để đưa vào đánh giá chính thức trong thời gian tới [H2.1.02.13].

Chỉ số 1.2.3. Toàn bộ nhân sự trong trường thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm và giải trình theo định kỳ.

Thực hiện theo quy định của Nhà nước, Đại học Thái Nguyên, Trường đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động; biên bản giao nhận nhiệm vụ hằng năm; đăng ký thi đua đầu năm học; các văn bản quy định trách nhiệm cho CBQL, GV, VC và người lao động [H2.1.02.11].

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, hằng năm, Trường thực hiện giao nhận nhiệm vụ bằng biên bản cụ thể, đăng ký thi đua đầu mỗi năm học, cuối năm tổng kết, đánh giá. Năm 2012, Trường đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, sau 5 năm thực hiện, việc đánh giá kết quả thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm của cán bộ, giảng viên và người lao động chưa được đầy đủ. Năm 2017, Trường đã đánh giá lại và cải tiến Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H2.1.02.12]. Kết quả đạt được trong năm học 2017-2018 cho thấy toàn bộ nhân sự trong Trường đều thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm, kết quả đánh giá kết quả thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm và giải trình theo năm học, được thể hiện trong phân loại VC, phân loại thi đua trong các hội nghị xét thi đua năm 2017-2018 của Trường [H2.1.02.12].

Cuối năm 2018, được sự hỗ trợ của dự án FCB, Trường đã xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực CB, VC, người lao động; bộ chỉ số này đánh giá đầy đủ hơn về nhiệm vụ, năng lực, trách nhiệm của từng vị trí việc làm trong nhà trường. Năm 2019, Trường đã tiến hành đánh giá thử lần 1 và kết quả cho thấy rõ ràng về toàn bộ nhân sự trong trường thực hiện đầy đủ các quy định về trách nhiệm [H2.1.02.13].

CB, GV và người lao động thực hiện theo mô tả vị trí việc làm đã được quy định và hoàn thành công việc theo nhiệm vụ được giao. Đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm (đánh giá VC, đánh giá theo hiệu quả công việc KPIs), Đánh giá để hưởng lương tăng thêm 6 tháng/lần.

Để giám sát hoạt động có báo cáo giao ban và kết luận giao ban hằng tháng của Hiệu trưởng, Phòng TT-PC có trách nhiệm báo cáo tiến độ, giám sát thực hiện kết luận. Đánh giá CBQL giữa nhiệm kỳ [H2.1.02.14].

2. Điểm mạnh

- Trường có cơ cấu tổ chức, quản lý rõ ràng, minh bạch và đúng quy định của pháp luật.
- Vai trò và chức năng của từng vị trí trong tất cả các đơn vị và phòng, ban được trình bày rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường.
- Trường thực hiện ký Biên bản giao nhận nhiệm vụ hằng năm cho từng CBQL, GV, chuyên viên, kỹ thuật viên và nhân viên.

3. Điểm tồn tại

- Chính sách, quy trình, quy định, công cụ quản lý của nhà trường chậm được cập nhật, điều chỉnh bổ sung để phù hợp với bối cảnh mới.
- Thực hiện trách nhiệm giải trình của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường chưa thường xuyên đầy đủ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Cập nhật, điều chỉnh bổ sung để phù hợp với bối cảnh mới	Phòng HC-TC	01/2020	12/2020
2		Triển khai, giám sát thực hiện trách nhiệm giải trình của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên trong trường một cách thường xuyên đầy đủ	Phòng HC-TC	01/2020	12/2020

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 2	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.2.1				X			

Chỉ số 1.2.2				X			
Chỉ số 1.2.3					X		
Điểm tiêu chí	4,3						

5. Tự đánh giá

Tiêu chí 2	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.2.1				X			
Chỉ số 1.2.2				X			
Chỉ số 1.2.3					X		
Điểm tiêu chí	4,3						

Tiêu chí 1.3. Đảm bảo chất lượng

1. Mô tả

Chỉ số 1.3.1. Trường có các chính sách thích hợp, có đơn vị đảm bảo chất lượng và nhân sự có chuyên môn để thực hiện hiệu quả các hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong.

Để thực hiện hiệu quả hoạt động ĐBCLGD, Trường đã xây dựng và ban hành văn bản quy định về công tác Khảo thí và ĐBCLGD của Trường, bao gồm: cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của bộ máy làm công tác khảo thí và ĐBCLGD [H3.1.3.01]. Trường cũng đã xây dựng kế hoạch đảm bảo chất lượng giai đoạn 2016-2020 [H3.1.03.02].

Hoạt động đảm bảo chất lượng do Phòng KT&ĐBCLGD thực hiện. Tháng 6/2017, Phòng KT&ĐBCLGD được thành lập trên cơ sở chia tách Phòng Thanh tra, Khảo thí và ĐBCLGD được thành lập từ năm 2006 [H3.1.03.03, H3.1.03.04]. Phòng có chức năng, nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác KT&ĐBCLGD, xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động KT&ĐBCLGD của Trường nhằm không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường [H3.1.03.05]. Tính đến 5/2019, Phòng KT&ĐBCLGD có 08 CB, trong đó có 03 CB đã hoàn thành CTĐT kiểm định viên kiểm định chất lượng

giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp [H3.1.03.06]; 01 người có thể kiểm định viên. Các CB trong Phòng đều được cử tham dự các khóa đào tạo, tập huấn liên quan đến công tác KT&ĐBCLGD [H3.1.03.07]. Theo quy định của Trường, mỗi khoa/bộ môn đều có CB phụ trách ĐBCLGD [H3.1.03.08]. Trong 2 năm 2018 và 2019, Trường đã cử 12 CB tham gia khóa học đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục và trung cấp chuyên nghiệp [H3.1.03.53].

Hằng năm, Trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động ĐBCLGD [H3.1.03.09], cụ thể như: Lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV [H3.1.03.10]; Đánh giá chất lượng SV tốt nghiệp theo CĐR [H3.1.03.11]; Xây dựng bộ công cụ đánh giá SV tốt nghiệp theo CĐR [H3.1.03.46]; Tự đánh giá CTĐT [H3.1.03.12]; Khảo sát ý kiến của Cựu SV, SV cuối khóa về chất lượng CTĐT; ý kiến của người sử dụng lao động đến chất lượng Cựu SV, CTĐT; ý kiến của CB, GV về các điều kiện hỗ trợ hoạt động dạy học [H3.1.03.13]; Khảo sát tình hình việc làm của cựu SV sau khi tốt nghiệp [H3.1.03.14]; Thực hiện Ba công khai [H3.1.03.15]; Lập kế hoạch và triển khai tự đánh giá Trường [H3.1.03.16]; lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng phục vụ, cơ sở vật chất tại các giảng đường, nhà ăn SV, nhà để xe, khuôn viên, vệ sinh môi trường, lấy ý kiến phản hồi về công tác cố vấn học tập [H3.1.03.49]. Tổ chức rà soát CĐR các CTĐT. Từ kết quả của các hoạt động ĐBCLGD, Trường có những điều chỉnh trong việc rà soát CĐR các CTĐT, phát triển CTĐT, đổi mới PPDH, kiểm tra đánh giá [H3.1.03.17], [H3.1.03.18], [H3.1.03.19].

Trường đã thành lập Hội đồng ĐBCLGD để tư vấn cho Hiệu trưởng các hoạt động ĐBCLGD nhằm đạt hiệu quả cao hơn [H3.1.03.47]. Bên cạnh đó, Trường đã ban hành quy định tổ chức, hoạt động của Hội đồng ĐBCLGD và Quy định hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường làm căn cứ để triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng của Trường [H3.1.03.50].

Tuy nhiên, số lượng CB làm công tác ĐBCLGD ở các Phòng/Ban/Khoa được cử tham gia khóa đào tạo kiểm định viên còn ít.

Chỉ số 1.3.2. Trường đã tiến hành tự đánh giá cấp trường, tự đánh giá cấp chương trình đào tạo nhằm cải thiện chất lượng giáo dục.

Thực hiện quy định của Bộ GD&ĐT về kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, tháng 4/2015, Trường đã triển khai công tác tự đánh giá chu kỳ 2 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường đại học do Bộ GD&ĐT ban hành gồm 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí [H3.1.03.20]. Tháng 6/2017, Trường đã hoàn thành đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học với kết quả 52/61 tiêu chí đạt yêu cầu, đạt tỷ lệ 85,2% [H3.1.03.21].

Ở cấp độ CTĐT, năm 2009, Trường đã triển khai và hoàn thành báo cáo tự đánh giá cho 10 CTĐT theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Bộ GD&ĐT [H3.1.03.22]. Năm 2013, Trường triển khai tự đánh giá 2 CTĐT SP Hóa học và SP Địa lý theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT của ĐHTN ban hành [H3.1.03.23]. Chương trình SP Sinh học của Trường đã được Bộ GD&ĐT thực hiện đánh giá ngoài vào năm 2013 [H3.1.03.24]. Kết quả tự đánh giá và các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài là cơ sở để Trường triển khai các kế hoạch hành động phát triển CTĐT và đổi mới hoạt động đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Tháng 2/2017, Trường đã thành lập 17 Hội đồng tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT được ban hành tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 [H3.1.03.25].

Căn cứ kết quả tự đánh giá và khuyến nghị của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Trường đã triển khai xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng [H3.1.03.26].

Năm 2019, Trường đã tiến hành đánh giá ngoài 07 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT (Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT) [H3.1.03.48]. Trên cơ sở các khuyến nghị của đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Trường đã xây dựng công văn hướng dẫn các khoa xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng của 7 CTĐT được kiểm định [H3.1.03.51]. Trường đang triển khai tự đánh giá 02 CTĐT (SP Toán, SP Hóa học) theo tiêu chuẩn của AUN-QA.

Tuy nhiên, các CTĐT sau đại học chưa được triển khai tự đánh giá. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình chưa được giám sát hiệu quả.

Chỉ số 1.3.3. Trường có một hệ thống thông tin tích hợp để định kỳ thu thập và xử lý dữ liệu về giảng viên và người học.

Hệ thống thông tin tích hợp để thu thập dữ liệu GV và người học được thực hiện đồng bộ theo kế hoạch năm học của nhà trường và được cập nhật thường xuyên. Trường có hệ thống phần mềm quản lý nhân sự (tại địa chỉ <http://qlns.tnu.edu.vn>) và phần mềm quản lý khoa học (tại địa chỉ <http://qlkh.tnu.edu.vn/>) để quản lý, lưu trữ hồ sơ, lý lịch khoa học của toàn bộ GV trong toàn trường [H3.1.03.27, H3.1.03.28]. Mỗi GV được cấp một tài khoản riêng để kê khai các thông tin về sơ yếu lý lịch; quá trình công tác; đào tạo; bồi dưỡng; thi đua khen thưởng; hướng dẫn luận văn, luận án, đề tài dự án; bài báo, sách và giáo trình đã công bố, lịch sử lương... GV có thể chiết xuất các thông tin của mình khi cần và cập nhật các thông tin mới khi có sự thay đổi. Các phần mềm quản lý nhân sự và quản lý khoa học nêu trên đã đảm bảo đủ cung cấp thông tin để tra cứu và xử lý số liệu về giảng viên. Tuy nhiên các phần mềm này được xây dựng dựa trên dữ liệu chung của ĐHTN, không có tính liên thông và gây khó khăn trong việc tra cứu và trích xuất đầy đủ các thông tin của giảng viên. Do vậy, năm 2019, nhà trường đã xây dựng hệ thống phần mềm mới (tại địa chỉ daotao.dhsptn.edu.vn/login) đảm bảo tính liên thông, xây dựng cơ sở dữ liệu chung về khoa học và nhân sự cho toàn trường [H3.1.03.55]. Dữ liệu trên phần mềm đang được các giảng viên cập nhật theo lộ trình và sẽ hoàn thành trong năm 2020.

Định kỳ theo năm học, Trường đều gửi công văn thông báo tới cán bộ, giảng viên để bổ sung, cập nhật các dữ liệu về nhân sự và khoa học khi có sự thay đổi [H3.1.03.56].

Trường có phần mềm quản lý đào tạo IU (tại địa chỉ <http://daotao.dhsptn.edu.vn>) để quản lý toàn bộ dữ liệu của SV [H3.1.03.29]. Mỗi SV được cấp một tài khoản riêng để đăng ký các học phần, điều chỉnh và rút bớt các học phần học tập; xem thời khóa biểu, kết quả học tập và rèn luyện sau mỗi học kỳ. Trang web này cũng giúp GV theo dõi và cập nhật các thông tin và nhập kết quả học tập các môn học của SV. Tuy nhiên, phần mềm này mới chỉ

hỗ trợ cho đào tạo đại học chính quy, chưa triển khai đối với hệ sau đại học, vừa làm vừa học.

Bên cạnh đó, Trường và các Khoa/Bộ môn có cổng thông tin và Fanpage để thường xuyên tiếp nhận và xử lý thông tin về GV và người học; thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về quá trình học tập của SV và học viên, việc giảng dạy của GV [H3.1.03.54].

Đối với hoạt động bồi dưỡng, thông tin về khóa bồi dưỡng được cập nhật trên Hệ thống quản lý học tập (LMS) do Ban Quản lý chương trình ETEP phát triển cho các trường sư phạm chủ chốt, học viên tham gia khóa học sẽ đăng nhập và phản hồi online về GV và chất lượng của khóa bồi dưỡng do GV của Trường thực hiện. Ngoài ra, cán bộ được giao nhiệm vụ giám sát, đánh giá hoạt động bồi dưỡng của Trường cũng thực hiện lấy phiếu khảo sát và phỏng vấn sâu trực tiếp học viên tại các khóa bồi dưỡng.

Chỉ số 1.3.4. Trường có hệ thống thu thập phản hồi từ các bên liên quan về trải nghiệm và tiến bộ học tập; có phương pháp thu thập, phân tích phản hồi và sử dụng kết quả phân tích để cải tiến việc dạy học.

Trường đã có văn bản quy định về hoạt động chuyên môn của GV, trong đó quy định rõ về nhiệm vụ chuyên môn theo từng chức danh của GV [H3.1.03.30]. Từ năm 2015 đến nay, căn cứ vào chức danh và nhiệm vụ được phân công, GV tự đánh giá hoạt động giảng dạy của mình, trên cơ sở đó Ban chủ nhiệm Khoa chỉ đạo các bộ môn tổ chức đánh giá chất lượng giảng dạy của toàn bộ GV do Bộ môn phân công giảng dạy; đảm bảo trong mỗi năm học, có 100% GV được Bộ môn đánh giá về công tác giảng dạy [H3.1.03.31].

Trường đã ban hành văn bản hướng dẫn người học tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc môn học và chất lượng đào tạo của Trường trước khi tốt nghiệp [H3.1.03.32]. Trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai cho 100% người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV khi kết thúc môn học và hoạt động cố vấn học tập [H3.1.03.33],[H3.1.03.34], 100% sinh viên cuối khóa được tham gia đánh giá về chương trình đào tạo và hoạt động liên quan đến chất lượng đào tạo [H3.1.03.40], [H3.1.03.41]. Bên

canh đó, thông qua Hội nghị CB Lớp - Đoàn - Hội, SV được góp ý về hoạt động đào tạo của Trường [H3.1.03.42].

Hoạt động khảo sát đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, sinh viên cuối khóa và hoạt động của cố vấn học tập được Trường tiến hành bằng hai hình thức: Hình thức online thông qua phần mềm khảo sát trực tuyến [H3.1.03.35]; hình thức khảo sát bằng phiếu phản hồi [H3.1.03.36].

Nội dung lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy của GV sau khi kết thúc môn học tập trung vào phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá của GV và các nội dung liên quan [H3.1.03.37]. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học được tổng kết hằng năm, đây là cơ sở để mỗi GV cũng như Trường đưa ra những kế hoạch hành động cụ thể [H3.1.03.38].

Kết quả đánh giá về chất lượng giảng dạy của GV là một tiêu chí để xem xét trong thi đua, khen thưởng năm học [H3.1.03.39]. Kết quả khảo sát đối với SV trước khi tốt nghiệp cho thấy trên 90% SV hài lòng về chất lượng đào tạo của Trường [H3.1.03.43]. Kết quả của việc lấy ý kiến phản hồi giúp Trường có kênh thông tin để điều chỉnh hoạt động tư vấn hỗ trợ SV trong quá trình học của các cố vấn học tập [H3.1.03.53].

Việc người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, chất lượng đào tạo của Trường, chất lượng của hoạt động cố vấn học tập đã có tác động tích cực, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, là động lực cho quá trình đổi mới của Trường [H3.1.03.44, H3.1.03.45].

2. Điểm mạnh

- Trường có quy định về công tác ĐBCLGD và đã xây dựng kế hoạch ĐBCLGD giai đoạn 2016-2020.

- Tất cả các CTĐT đại học chính quy đã hoàn thành tự đánh giá.

- Hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của GV, chất lượng CTĐT, hoạt động hỗ trợ dạy học được triển khai bài bản, thường xuyên.

- Trường có phần mềm chuyên dụng để quản lý và thu thập dữ liệu về SV đại học chính quy.

3. Điểm tồn tại

- Số CB phụ trách công tác ĐBCLGD tại các đơn vị được đào tạo, bồi dưỡng chương trình ĐBCLGD còn ít.
- CTĐT đại học hệ VLVH, sau đại học chưa triển khai tự đánh giá.
- Chưa có CTĐT được đánh giá ngoài theo chuẩn AUN và các chuẩn quốc tế khác;
- Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT chưa được giám sát, đánh giá một cách thường xuyên và đồng bộ.
- Chưa có quy định quản lý và sử dụng các phần mềm tích hợp để việc cập nhật và giám sát thông tin của giảng viên và sinh viên được triển khai định kỳ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và triển khai kế hoạch cử CB đi tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá CTĐT.	Phòng KT&ĐBCLGD	9/2019	5/2020
2		Triển khai tự đánh giá các CTĐT hệ VLVH và Sau đại học	Phòng KT&ĐBCLGD	8/2019	8/2020
3		Rà soát và hoàn thiện văn bản quy định về công tác ĐBCLGD nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động	Phòng KT&ĐBCLGD	8/2019	8/2020
4		Xây dựng quy định về việc cập nhật thông tin của giảng viên và sinh viên định kỳ trên phần mềm.	Phòng HC-TC, CT HSSV	1/2020	12/2020

1	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện giám sát kế hoạch cải tiến chất lượng của các đơn vị sau đánh giá ngoài Trường và tự đánh giá CTĐT	Phòng KT&ĐBCLGD	8/2017	5/2020
2		Xây dựng cơ sở dữ liệu ĐBCLGD năm học theo tiêu chuẩn kiểm định.	Phòng KT&ĐBCLGD	8/2019	5/2020
3		Phân tích, đối sánh sau đánh giá để có giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy của GV	Phòng KT&ĐBCLGD	8/2019	5/2020
4		Xây dựng quy định quản lý và sử dụng các phần mềm tích hợp để việc cập nhật và giám sát thông tin của giảng viên và sinh viên được triển khai định kỳ.	Phòng KT&ĐBCLGD	8/2019	5/2020

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 1.3.1					x		
Chỉ số 1.3.2					x		
Chỉ số 1.3.3				x			
Chỉ số 1.3.4					x		
Điểm tiêu chí	4,8						

Tiêu chuẩn 2: Chương trình đào tạo

Tiêu chí 2.4: Phát triển chương trình

1. Mô tả

Chỉ số 2.4.1. Các quy trình thiết kế, phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng gắn với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường và nhiệm vụ được giao.

Các CTĐT, chương trình bồi dưỡng của Trường được xây dựng, phát triển theo đúng các văn bản hướng dẫn và quy định hiện hành: Luật Giáo dục; Luật Giáo dục đại học; Khung trình độ quốc gia; Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông; các Thông tư của Bộ GD&ĐT (Thông tư số 08/2011/TT- BGDDT, số 38/2010/TT-BGDDT, số 07/2015/TT-BGDDT, Thông tư số 24/2017/TT-BGDDT ngày 10 tháng 10 năm 2017) và các quy định của ĐHTN [H4.2.04.01].

Dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, văn bản của ĐHTN về phát triển CTĐT, năm 2015 Trường đã ban hành quy định xây dựng và cập nhật CTĐT theo chuẩn đầu ra của trường và tổ chức thực hiện phát triển, rà soát, giám sát thực hiện CTĐT theo văn bản đã ban hành, tuy nhiên Trường chưa ban hành được văn bản về quy trình phát triển chương trình bồi dưỡng [H4.2.04.02].

Năm 2018, trước bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội và yêu cầu đổi mới giáo dục, Trường đã điều chỉnh KHCL, tầm nhìn và mục tiêu hướng tới nhằm đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục đại học và đổi mới giáo dục phổ thông, Trường đã ban hành Quy định phát triển CTĐT trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm và tổ chức thực hiện rà soát, điều chỉnh lại toàn bộ các CTĐT cử nhân sư phạm, biên soạn hệ thống các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên, CB quản lý đáp ứng chuẩn nghề nghiệp mới và năng lực thực hiện chương trình phổ thông 2018 [H4.2.04.03].

Quy trình phát triển, rà soát, điều chỉnh CTĐT, bồi dưỡng của Trường được tiến hành trên cơ sở của sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của

trường, dựa trên chuẩn nghề nghiệp giáo viên; yêu cầu về năng lực giáo viên thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 và nhiệm vụ được giao kết hợp với tham vấn ý kiến của các bên liên quan như: Nhà tuyển dụng (lãnh đạo các sở GD&ĐT, lãnh đạo các trường phổ thông), chuyên gia, GV, SV cuối khóa và cựu SV về nhu cầu đào tạo, về năng lực của người học được đào tạo sau khi tốt nghiệp[H4.2.04.04]. Ngoài ra, Trường đã tham khảo chương trình của các chuyên ngành tương ứng ở Đài Loan, Hàn Quốc, Úc và tham khảo chương trình của một số trường ĐHSP trọng điểm trong nước [H4.2.04.05]. Các CTĐT của Trường đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của nhà trường tổ chức góp ý và thông qua [H4.2.04.06].

Nhờ có quy định cụ thể về Quy trình phát triển CTĐT nên các hoạt động thực hiện thiết kế/phát triển, thẩm định, thực hiện, giám sát và điều chỉnh CTĐT của Trường được thuận lợi. Hàng năm, Trường đều có hệ thống các văn bản, hướng dẫn, chỉ đạo các Khoa/Bộ môn tiến hành rà soát, cập nhật CTĐT nhằm gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn chiến lược, mục tiêu của Trường và với nhiệm vụ mà Nhà nước giao cũng như đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng [H4.2.04.07].

Hiện nay, Trường đang triển khai đào tạo các CTĐT và chương trình bồi dưỡng gồm: 13 CTĐT trình độ tiến sĩ [H4.2.04.08], 26 CTĐT trình độ thạc sĩ [H4.2.04.09], 19 CTĐT trình độ đại học hệ chính quy [H4.2.04.10], 07 CTĐT đại học hệ VLVH [H4.2.04.11], 06 Chương trình bồi dưỡng [H4.2.04.12].

Để nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng hội nhập với quốc tế, Trường triển khai thực hiện 04 CTĐT trình độ đại học dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, nâng tổng số CTĐT trình độ đại học hiện nay thành 23 CTĐT [H4.2.04.13].

Năm 2019, Trường tiếp tục xây dựng đề án mở thêm mã ngành đào tạo LL&PPDH bộ môn tiếng Anh trình độ thạc sĩ và đã hoàn thiện hồ sơ mở ngành đề trình ĐHTN, trình Bộ GD&ĐT phê duyệt, dự kiến bắt đầu thực hiện tuyển sinh vào tháng 9/2019 [H4.2.04.14].

Chỉ số 2.4.2. Các chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng giáo viên được phát triển đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, thể hiện tính hệ thống và nhất quán.

Hàng năm Trường đều xây dựng kế hoạch khảo sát nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng giáo viên của địa phương. Từ đó, Trường xây dựng kế hoạch phát triển các chương trình đào tạo và bồi dưỡng giáo viên dựa theo nhu cầu của các bên liên quan và theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, của Đại học Thái Nguyên. Những năm gần đây với bối cảnh phát triển mới của nền giáo dục, việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng của Trường đều gắn liền với mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn của Trường; dựa trên yêu cầu của nhà tuyển dụng giáo viên, cựu người học về năng lực, phẩm chất cần có của người giáo viên trong thời đại mới; dựa trên chuẩn nghề nghiệp giáo viên, dựa trên khung năng lực trình độ quốc gia bậc 6, dựa trên tham khảo chương trình của các nước tiên tiến và các cơ sở đào tạo trong nước và ý kiến của các bên liên quan [H4.2.04.15]. Trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng giáo viên của các địa phương, đã tổ chức các đoàn chuyên gia đi khảo sát thị trường lao động tại các tỉnh miền núi phía Bắc [H4.2.04.16]. Kết quả khảo sát thị trường lao động được phân tích để xác định hồ sơ nghề nghiệp của giáo viên, từ đó xây dựng hồ sơ năng lực của sinh viên sư phạm đồng thời dựa trên ý kiến của các bên liên quan, Trường xây dựng mục tiêu của chương trình, Chuẩn đầu ra, xác định khối lượng đơn vị kiến thức tối thiểu và tổ chức Hội thảo tham vấn các bên liên quan nhằm tạo sự đồng thuận, tính nhất quán về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên [H4.2.04.17].

Để đáp ứng nhu cầu học tập và cơ hội dịch chuyển nghề nghiệp của sinh viên sau tốt nghiệp, Trường đã chỉ đạo các Khoa/Bộ môn thực hiện phát triển CTĐT, chương trình bồi dưỡng theo hai hướng: Thứ nhất, tăng số lượng các học phần, chuyên đề tự chọn để người học có thể được lựa chọn theo nhu cầu của bản thân; Thứ hai, tăng cường tính liên thông dọc, liên thông ngang giữa các CTĐT trong Nhà trường. Từ năm học 2015 – 2016 Trường đã tổ chức đào tạo chương trình thứ hai bậc đại học cho SV của Trường và SV của các trường đại học thành viên thuộc ĐHTN. Hình thức đào tạo này giúp SV có cơ hội chuyển đổi ngành học, tạo điều kiện cho SV cơ hội tìm kiếm việc làm tốt hơn sau khi tốt nghiệp hoặc dễ dàng trong di chuyển nghề nghiệp [H4.2.04.18].

Trường thường xuyên tổ chức hội nghị, hội thảo về đổi mới CTĐT, chương trình bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và Hội nghị tổng kết công tác thực tập sư phạm, thực tế chuyên môn để thu nhận các ý kiến phản hồi của các bên liên quan về sự phù hợp của chương trình với chuẩn đầu ra và tiêu chuẩn nghề nghiệp của giáo viên [H4.2.04.19]. Hội nghị với lãnh đạo các sở GD&ĐT, trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường phổ thông/trường mầm non và các tổ chức xã hội nghề nghiệp về sự phù hợp của nội dung các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông. Từ đó, Trường đã điều chỉnh, bổ sung, cập nhật nội dung của CTĐT và bồi dưỡng giáo viên [H4.2.04.20].

Trường đã thành lập các nhóm chuyên gia xây dựng hệ thống gồm có 197 chuyên đề bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông. Đề cương chi tiết của các chuyên đề bồi dưỡng được gửi đến các sở GD&ĐT, các trường phổ thông/trường mầm non để xin ý kiến góp ý và nhận xét về nội dung kiến thức của các chuyên đề bồi dưỡng [H4.2.04.21]

Từ phân tích kết quả khảo sát thị trường lao động, ý kiến phản hồi của các bên liên quan, các văn bản hướng dẫn của cấp trên, CTĐT và bồi dưỡng giáo viên đã được cập nhật, điều chỉnh, tích hợp với các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh quốc gia và địa phương [H4.2.04.22]. Chương trình được thiết kế một cách có hệ thống và nhất quán các khối kiến thức, đảm bảo tính logic giữa các học phần, chuẩn đầu ra với mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được thể hiện trong đề cương chi tiết từng học phần [H4.2.04.23]. Nhiều vấn đề mới được đưa vào trong CTĐT, trong các chuyên đề bồi dưỡng theo yêu cầu của địa phương, của các bên liên quan như: bồi dưỡng nâng cao năng lực phát triển chương trình nhà trường, chương trình môn học; bồi dưỡng năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động hướng nghiệp; bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học và hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học; bồi dưỡng năng lực dạy học tích hợp (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội...) [H4.2.04.24].

Bên cạnh đó Trường cũng tập trung việc phát triển chương trình đào tạo văn bằng 2 trình độ cử nhân, phát triển các chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng đối với một số ngành đào tạo nhằm tạo cơ hội học tập cho người học tại các địa phương [H4.2.04.25].

Với nhiệm vụ và sứ mạng là đào tạo giáo viên cho các tỉnh miền núi phía Bắc, đặc biệt là giáo viên phục vụ giáo dục cho vùng dân tộc thiểu số, năm 2018, Trường đã phát triển chương trình đào tạo theo hướng tự chọn, cập nhật, bổ sung các học phần dành riêng cho sinh viên là người dân tộc thiểu số và sinh viên có nhu cầu phục vụ giáo dục miền núi vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số[H4.2.04.26]. Ngoài các học phần tự chọn được bổ sung trong chương trình đào tạo dành cho sinh viên người dân tộc thiểu số, Trường còn xây dựng hệ thống các chuyên đề bồi dưỡng dành cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục là người dân tộc thiểu số[H4.2.04.27].

Từ năm 2018, nhằm hỗ trợ và từng bước nâng cao năng lực giảng dạy các môn học có nội dung thực hành thí nghiệm cho giáo viên phổ thông, Trường tổ chức Hội nghị, ký kết văn bản ghi nhớ với hơn 30 đơn vị, cơ sở giáo dục phổ thông trong địa bàn tỉnh Thái Nguyên về việc sử dụng và khai thác có hiệu quả phòng thí nghiệm đồng thời triển khai các nội dung bồi dưỡng cho giáo viên phổ thông. Chương trình bồi dưỡng đã được triển khai cụ thể, thiết thực, hiệu quả và được các trường phổ thông đánh giá cao, đã góp phần nâng cao năng lực giảng dạy các môn học có nội dung thực hành thí nghiệm cho đội ngũ giáo viên ở phổ thông [H4.2.04.28].

Chỉ số 2.4.3. Chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng giáo viên được định kỳ rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung với sự tham gia của các bên liên quan

Thực hiện các quy định về phát triển các CTĐT, Trường đã xây dựng kế hoạch định kỳ rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung CTĐT và bồi dưỡng giáo viên với sự tham gia của các bên liên quan. Khi xây dựng, rà soát CTĐT và chương trình bồi dưỡng giáo viên, Trường tiến hành khảo sát xin ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu đào tạo, năng lực của người được đào tạo như: nhà tuyển dụng (lãnh đạo các sở GD&ĐT; lãnh đạo các trường phổ thông/trường mầm non); chuyên gia; GV; SV cuối khóa và cựu SV [H4.2.04.29]. Các chương trình chi tiết được biên soạn, thông qua ở bộ môn, thẩm định ở cấp Trường,

được Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện, lưu trữ tại các khoa và Phòng Đào tạo của Trường [H4.2.04.30].

Các CTĐT của Trường được rà soát, chỉnh sửa và bổ sung, cụ thể: Trường đã thực hiện 02 lần điều chỉnh CTĐT hệ đại học chính quy vào các năm 2013 (điều chỉnh và ban hành CTĐT khóa 47), năm 2015 (điều chỉnh và ban hành CTĐT khóa 50); 01 lần điều chỉnh CTĐT hệ đại học VLVH vào năm 2015 dựa trên CTĐT hệ đại học chính quy; 01 lần điều chỉnh CTĐT thạc sĩ vào năm 2015 [H4.2.04.31], năm 2018 tiếp tục rà soát, cập nhật và điều chỉnh CTĐT đối với khóa 53 [H4.2.04.32]. Trong quá trình bổ sung, điều chỉnh chương trình, Trường đều tham khảo CTĐT của các trường sư phạm chủ chốt trong toàn quốc và một số trường nước ngoài để xây dựng bảng đối sánh CTĐT của Trường với các CTĐT của các trường trong và ngoài nước [H4.2.04.33]. Từ năm 2014 đến 2016, Trường đã cử các đoàn công tác đi các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Đức, Úc để tìm hiểu, nghiên cứu CTĐT, xin các ý kiến các chuyên gia quốc tế về phát triển CTĐT và bồi dưỡng giáo viên [H4.2.04.34]. Từ năm 2015, Trường đã thành lập các đoàn khảo sát xin ý kiến các nhà tuyển dụng về mức độ đáp ứng yêu cầu của năng lực SV tốt nghiệp, yêu cầu mới về năng lực của giáo viên và ý kiến của cựu SV về CTĐT và chương trình bồi dưỡng giáo viên hiện hành tại các tỉnh Hà Giang, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên [H4.2.04.35]. Thông qua việc xin ý kiến của các bên liên quan, các chuyên gia giáo dục và kết quả khảo sát thị trường lao động, Trường đã liên tục cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và chương trình bồi dưỡng giáo viên, triển khai mạnh mẽ việc rà soát, điều chỉnh CTĐT nhằm nâng cao chất lượng và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Trường đã thành lập Hội đồng để đánh giá kết quả đổi mới CTĐT [H4.2.04.36].

Các CTĐT của Trường đều được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo hướng thiết kế mở, đảm bảo tính linh hoạt, tính cập nhật. Đầu mỗi năm học, Trường có công văn yêu cầu các đơn vị căn cứ vào tình hình thực tế, nhu cầu học tập của SV và yêu cầu đổi mới đào tạo giáo viên để thực hiện rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT [H4.2.04.37].

Năm 2018, Trường đã triển khai cập nhật và điều chỉnh CTĐT đối với khóa 53. Trường đã tổ chức Hội nghị lấy ý kiến của các bên liên quan về chuẩn đầu ra. Hội nghị diễn ra với sự tham gia của nhiều thành phần đại biểu đến từ các bên liên quan như: đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo, các nhà tuyển dụng là lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo từ các địa phương, lãnh đạo các Trường phổ thông, Mầm non, Các Trung tâm, các Nhà khoa học giáo dục, các chuyên gia giáo dục, các cựu SV...[H4.2.04.38].

Để xác định mức độ phù hợp của CTĐT, Trường đã thực hiện tự đánh giá 100% CTĐT cử nhân sư phạm nhằm chỉ ra điểm mạnh, điểm tồn tại của chương trình [H4.2.04.39].

Năm 2019 dựa trên kết quả tự đánh giá, Trường đã thực hiện đánh giá ngoài đối với 07 CTĐT cử nhân sư phạm gồm: *Sư phạm Toán, Sư phạm Vật lý, Sư phạm Hóa học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử và Giáo dục Mầm non* và cả 07 CTĐT đều được Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc Gia Hà Nội đánh giá đạt chuẩn chất lượng giáo dục đào tạo. Từ kết quả đánh giá ngoài đã giúp nhà trường nhìn nhận rõ về điểm mạnh, điểm tồn tại về CTĐT của Trường, trên cơ sở đó Trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm tồn tại [H4.2.04.40].

Cũng trong năm 2019, để xác định mức độ phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế và khu vực về CTĐT giáo viên, Trường đã xây dựng kế hoạch, đăng ký đánh giá ngoài 02 CTĐT (SP Toán, SP Hóa) theo tiêu chuẩn AUN, kế hoạch đánh giá đã được phê duyệt và thực hiện vào tháng 10/2020 [H4.2.04.41].

2. Điểm mạnh

- Công tác xây dựng, cập nhật và phát triển CTĐT của Trường được thực hiện theo đúng các hướng dẫn và quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Thái Nguyên.

- Trường có ban hành các quy định cụ thể về quy trình xây dựng và cập nhật và phát triển CTĐT.

- Khi xây dựng, rà soát CTĐT và chương trình bồi dưỡng, Trường có tham khảo ý kiến của nhiều bên liên quan và kinh nghiệm quốc tế.

- Trường đã tổ chức nhiều hội thảo với các bên liên quan để tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế phổ thông vào các CTĐT và chương trình bồi dưỡng.

- Các CTĐT và bồi dưỡng được phát triển dựa theo nhu cầu của các bên liên quan.

- CTĐT và bồi dưỡng giáo viên được định kỳ rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung.

- Việc rà soát, đánh giá, chỉnh sửa và bổ sung các CTĐT và bồi dưỡng giáo viên có sự tham gia của các bên liên quan.

- Trường đã tổ chức thực hiện đánh giá ngoài đối với 07 CTĐT.

3. Điểm tồn tại

- Trường chưa có quy định về quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh các chương trình bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý giáo dục.

- Số lượng các chuyên đề bồi dưỡng theo nhu cầu của các bên liên quan còn hạn chế.

- Hoạt động đánh giá các CTĐT sau đại học chưa được thực hiện thường xuyên, chưa xây dựng được hệ thống giám sát kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện định kỳ rà soát, cập nhật các CTĐT cử nhân và thạc sỹ đáp ứng yêu cầu giáo dục phổ thông mới.	Phòng Đào tạo	9/2019	12/2020
2		Cập nhật, hoàn thiện các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên và CB	Trung tâm Phát triển kỹ năng sư phạm	9/2019	12/2020

		quản lý giáo dục phổ thông yêu cầu của địa phương			
3	Khắc phục tồn tại	Xây dựng Quy định về quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh các chương trình bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý giáo dục	Phòng Đào tạo, Trung tâm PTKNSP	9/2019	12/2019
		Xây dựng mới các chuyên đề bồi dưỡng theo nhu cầu của các bên liên quan	Phòng Đào tạo, Trung tâm PTKNSP	9/2019	12/2020
		Thực hiện rà soát, điều chỉnh các CTĐT sau đại học đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan và phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông mới.	Phòng Đào tạo	9/2019	12/2020
4					

5. Tự đánh giá:

<i>Chỉ số</i>	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
<i>Tiêu chí 2.4</i>							
Chỉ số 2.4.1				X			
Chỉ số 2.4.2					X		
Chỉ số 2.4.3				X			
<i>Điểm tiêu chí</i>	4,3						

Tiêu chí 2.5: Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện

1. Mô tả

Chỉ số 2.5.1. Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra, gắn kết với chuẩn nghề nghiệp, đảm bảo tính khoa học, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế.

Nội dung CTĐT của Trường được xây dựng, cập nhật, điều chỉnh trên cơ sở các bộ Chuẩn đầu ra đã được ban hành. Từ năm 2014 đến nay, Trường đã hai lần thực hiện việc xây dựng, rà soát, cập nhật và điều chỉnh chuẩn đầu ra (CĐR) cho CTĐT vào các năm 2015 và 2018. Quá trình xây dựng, rà soát, cập nhật và điều chỉnh chuẩn đầu ra được thực hiện theo đúng các văn bản quy định và hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo, của Đại học Thái Nguyên. Bên cạnh đó, Trường cũng đã xây dựng và ban hành các văn bản quy định cụ thể để chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị trong Trường có liên quan thực hiện xây dựng, rà soát, cập nhật và điều chỉnh chuẩn đầu ra [H5.2.05.01].

Dựa trên chuẩn đầu ra và chuẩn nghề nghiệp giáo viên, Trường thành lập nhóm chuyên gia để xác định các năng lực chung của SV các ngành đào tạo và các học phần tương ứng [H5.2.05.02].

Nội dung chương trình đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT với khối lượng từ 120 đến 135 tín chỉ bao gồm các khối kiến thức: kiến thức giáo dục đại cương chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%; kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (gồm kiến thức cơ sở ngành và kiến thức ngành) chiếm tỷ lệ từ 50% đến 70%; kiến thức nghiệp vụ sư phạm chiếm tỷ lệ từ 25% đến 35%; khóa luận tốt nghiệp và các môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp chiếm tỷ lệ từ 5% đến 7%. Tỷ lệ giữa các khối kiến thức được xác định hợp lý theo từng CTĐT, các môn học được sắp xếp một cách có hệ thống, thuận lợi cho việc tích lũy kiến thức của người học [H5.2.05.03]. Mỗi khối kiến thức đều có các môn học bắt buộc và môn học tự chọn thể hiện tính mềm dẻo, linh hoạt của CTĐT và sự đáp ứng của nội dung chương trình với CĐR được thể hiện rõ nét qua các bảng ma trận thể hiện mối

quan hệ giữa mục tiêu của CTĐT với CDR và ma trận thể hiện mối quan hệ giữa giữa CDR với các môn học trong CTĐT [H5.2.05.04].

Trường đã thực hiện khảo sát các bên liên quan (nhà khoa học, giáo viên, CB quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người học đã tốt nghiệp) để đánh giá về mức độ đáp ứng chuẩn kiến thức và kỹ năng của CTĐT; về cấu trúc, tính khoa học, tính hệ thống, hiện đại và cập nhật, tích hợp các vấn đề giáo dục phát sinh trong thực tế và những thay đổi trong bối cảnh địa phương, quốc gia và quốc tế của CTĐT. Kết quả khảo sát cho thấy các CTĐT được các bên liên quan đánh giá đáp ứng chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu của thị trường lao động; đảm bảo tính khoa học, hiện đại và có tính hệ thống [H5.2.05.05].

Năm 2017, Trường đã thực hiện đánh giá chu kỳ 2 các CTĐT. Trường đã thành lập 14 hội đồng tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT được ban hành tại Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016. Những kiến nghị của Hội đồng đánh giá giúp Trường chỉ đạo các khoa/bộ môn hoàn thiện chuẩn đầu ra, phát triển CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội. Sau đánh giá, Trường đã có hướng dẫn các Khoa/Bộ môn xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến chất lượng [H5.2.05.06].

Hàng năm, kết hợp với việc rà soát, cập nhật và chỉnh sửa chuẩn đầu ra các CTĐT, Trường triển khai việc đánh giá SV tốt nghiệp theo chuẩn đầu ra để có được những số liệu phản ánh kết quả chính xác nhất về chất lượng CTĐT và chất lượng SV khi tốt nghiệp từ đó có kế hoạch điều chỉnh phù hợp, kịp thời [H5.2.05.07].

Để CB, GV trong Trường được tiếp cận sâu sát đối với thực tế giáo dục phổ thông, hàng năm Trường cũng đã xây dựng kế hoạch và thực hiện cử GV đi nghiên cứu thực tế ở các trường phổ thông/trường mầm non; nghiên cứu, chỉnh sửa và ban hành mới Quy định cử GV đi nghiên cứu thực tế ở các trường phổ thông/trường mầm non [H5.2.05.08].

Năm 2018, Trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai Bồi dưỡng, hỗ trợ giáo viên phổ thông với mục tiêu hỗ trợ giáo viên giảng dạy các môn: Địa lý,

Vật lý, Công nghệ, Sinh học, Hóa học, Tiếng Anh tại các trường THPT của tỉnh Thái Nguyên nâng cao năng lực thiết kế bài giảng, thực hiện các giờ dạy hiệu quả đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới [H5.2.05.09].

Trường cũng đã xây dựng và ban hành Quy định hoạt động cộng đồng học tập chuyên môn thuộc Trường ĐHSPT-ĐHTN đồng thời triển khai kế hoạch hoạt động cộng đồng học tập chuyên môn nhằm tạo điều kiện, cơ hội cho mọi người được học tập thường xuyên, học tập suốt đời, đặc biệt để tạo sự ảnh hưởng của GV tới giáo viên cùng chuyên ngành ở trường phổ thông, cơ sở giáo dục mầm non, tạo sự kết nối, chia sẻ, hợp tác và môi trường học tập trong GV, giáo viên phổ thông, giáo viên mầm non phát triển nghề nghiệp liên tục, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non [H5.2.05.10].

Chỉ số 2.5.2. Chương trình thể hiện tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho người học có sự hiểu biết toàn diện, có đầy đủ các năng lực và phẩm chất để thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học.

Trường đã hướng dẫn các khoa xây dựng các CTĐT theo hướng phân bổ hợp lý tỷ lệ thời lượng giữa lý thuyết và thực hành hợp lý đáp ứng chuẩn đầu ra [H5.2.05.11]. Từ năm 2015, Trường tổ chức biên soạn, thẩm định và ban hành đề cương môn học riêng đảm bảo chất lượng của CTĐT [H5.2.05.12]. Để phát triển đầy đủ năng lực và phẩm chất của người học, Trường đã chỉ đạo các khoa xây dựng CTĐT đảm bảo 100% học phần có thiết kế các giờ bài tập, thực hành, thảo luận và ban hành hướng dẫn xây dựng đề cương môn học đảm bảo triển khai CTĐT. Đề cương chi tiết môn học đều thể hiện tính hợp lý giữa lý thuyết và thực hành, trong đó tăng thời lượng các tiết thực hành, thực tế phổ thông đối với các học phần có liên quan đến giáo dục phổ thông/mầm non [H5.2.05.13].

CTĐT đảm bảo tăng cường kỹ năng thực tế chuyên sâu (chuyên ngành); tăng thời lượng thực hành, thực tập, xêmina môn học chuyên đề, có sự tham gia giảng dạy của các CB có kinh nghiệm trong và ngoài Trường [H5.2.05.14]. Các hoạt động thực tập sư phạm, thực tế chuyên môn được tổ chức có hiệu quả, là cơ hội để người học tiếp xúc, vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học tại Trường

để giải quyết các tình huống sư phạm thực tế qua đó người học được rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, phát triển năng lực chuyên môn một cách toàn diện. Từ năm học 2014, mỗi năm Trường đã cử hơn 6000 lượt SV (từ năm thứ nhất) đi thực tế môn học ở các trường phổ thông và trường mầm non trong thời gian từ 02 đến 03 tuần. Đây là hoạt động giúp SV vận dụng lý luận vào thực tiễn giáo dục đối với các môn học như: Tâm lý học, Giáo dục học và PPDH bộ môn [H5.2.05.15].

Hàng năm, thông qua các hội nghị tổng kết thực tập sư phạm, hội nghị tổng kết hoạt động thực tế môn học, Trường đã điều chỉnh tỷ lệ giờ lý thuyết – thực hành – thực tế phổ thông nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đầy đủ năng lực và phẩm chất để SV thực hiện hiệu quả các hoạt động dạy học sau khi tốt nghiệp [H5.2.05.16].

Chỉ số 2.5.3. Việc phân bổ các học phần đảm bảo tính hợp lý đáp ứng nhu cầu cá nhân và kế hoạch học tập của người học.

Tất cả CTĐT của Trường đều được thiết kế theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Thái Nguyên. Hàng năm, Trường thực hiện việc rà soát, cập nhật và chỉnh sửa CTĐT cho phù hợp với thực tế đào tạo. Tỷ lệ giữa các khối kiến thức được xác định hợp lý theo từng CTĐT, các môn học được sắp xếp một cách có hệ thống, thuận lợi cho việc tích lũy kiến thức của người học. Mỗi khối kiến thức đều có các môn học bắt buộc và môn học tự chọn thể hiện tính mềm dẻo, linh hoạt của CTĐT. Trong các CTĐT đều có các học phần tiên quyết, học phần học trước được tổ chức khoa học thuận lợi cho phân công giảng dạy, đăng ký học tập và lập kế hoạch học tập của người học. Các học phần tự chọn được sắp xếp từ học kỳ 2 giúp người học chủ động, linh hoạt trong việc lựa chọn những kiến thức, kỹ năng chuyên môn đáp ứng được những đòi hỏi của thực tế thị trường lao động. Tất cả học phần đều được đánh mã số môn học theo quy định của ĐHTN [H5.2.05.17].

Khung chương trình, kế hoạch đào tạo toàn khoá, các văn bản hướng dẫn, các quy định, quy chế đào tạo và những thông tin cần thiết để cung cấp cho người học đều được in trong các Niên giám, Sổ tay SV... và công khai trên trang Website của trường hoặc các phương tiện truyền thông [H5.2.05.18].

Đối với chương trình VLVH, từ năm 2016, Trường đã chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ. CTĐT hệ VLVH có nội dung như CTĐT chính quy, được tổ chức theo từng học kỳ, mỗi học kỳ từ 15 đến 30 tín chỉ. Kế hoạch tổ chức đào tạo thường vào các ngày cuối tuần (thứ 7, chủ nhật) hoặc vào thời gian nghỉ hè nhằm tạo thuận lợi cho người học vừa đi làm vừa đi học [H5.2.05.19].

Các CTĐT của Trường được thiết kế đảm bảo tính liên thông giữa các CTĐT cùng trình độ (liên thông ngang) và liên thông giữa các trình độ đào tạo (liên thông dọc). Tính liên thông giữa các CTĐT cùng trình độ đại học (liên thông ngang) thể hiện ở khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục nghề nghiệp (kiến thức dành cho nhóm ngành và kiến thức nghiệp vụ sư phạm) [H5.2.05.20]. Tính liên thông của chương trình đã tạo điều kiện thuận lợi để SV có thể học cùng lúc 2 chương trình hoặc học văn bằng 2 trong trường hoặc trong các trường thành viên của ĐHTN. SV theo học chương trình thứ hai không phải học lại khối kiến thức giáo dục đại cương và một số kiến thức nghiệp vụ sư phạm. Điều kiện để SV có thể học cùng lúc 2 chương trình được thực hiện đúng theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Thái Nguyên. Từ năm 2015, Trường cũng đã ban hành Quy định về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai theo Quyết định số 4465/QĐ-ĐHSP ngày 08/12/2015 để quản lý và tổ chức đào tạo văn bằng 2 và đào tạo chương trình hai tại trường [H5.2.05.21].

Các chương trình bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý giáo dục của Trường được triển khai theo kế hoạch bồi dưỡng trên cơ sở đề xuất thời gian học tập của người học thông qua các đơn vị liên kết, do đó các học phần có thể linh động dịch chuyển sao cho phù hợp. Kế hoạch bồi dưỡng được thực hiện chủ yếu vào dịp hè, thứ 7 và chủ nhật hàng tuần [H5.2.05.22].

Từ năm 2018, Trường đã nghiên cứu triển khai hoạt động tổ chức dạy học Elearning kết hợp với dạy học truyền thống nhằm phát huy tính chủ động, tích cực sáng tạo của GV trong việc đổi mới hình thức, phương pháp dạy học, tạo sự hứng thú cho người học, người học chủ động được thời gian học tập nhằm đạt kết quả tốt nhất. Trường cũng đã ban hành Quy định dạy học Elearning kết hợp

với dạy học truyền thống để giám sát hoạt động này thực hiện có hiệu quả [H5.2.05.23].

Cũng từ năm 2018, Trường thực hiện việc điều chỉnh và ban hành mới Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ kèm theo Quyết định số 3030/QĐ-ĐHSP ngày 01 tháng 08 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học sư phạm để thay thế cho Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ trước đây đã ban hành kèm theo Quyết định số 1838/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 06 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học sư phạm; Trường cũng đã tổ chức Hội nghị sơ kết 10 năm đào tạo theo hệ thống tín chỉ để rút kinh nghiệm, phát huy những mặt tích cực, khắc phục những mặt hạn chế, tồn tại về công tác đào tạo theo hệ thống tín chỉ [H5.2.05.24].

Chỉ số 2.5.4. Việc tổ chức thực hiện chương trình tích hợp/bao quát được nhiều tình huống học tập đa dạng thường xảy ra trong trường sư phạm và trường phổ thông.

Trường đã ban hành quy chế thực tế chuyên môn của SV ở các trường phổ thông/trường mầm non nhằm giúp SV được sớm tiếp xúc với giáo dục phổ thông/giáo dục mầm non. Nội dung của quy chế thực tế chuyên môn đã tích hợp/bao quát được nhiều tình huống học tập thường xảy ra ở trường sư phạm và trường phổ thông. Hằng năm, Trường đã xây dựng kế hoạch thực tế chuyên môn ở các trường phổ thông/trường mầm non cho SV [H5.2.05.25]. Hoạt động thực tế chuyên môn được triển khai thực hiện ở các học phần có liên quan đến giáo dục phổ thông/mầm non như: Tâm lý học. Giáo dục học, Phương pháp dạy học các bộ môn,... Các hoạt động thực tế giúp SV được trải nghiệm các tình huống học tập đa dạng thường xảy ra ở các trường phổ thông/trường mầm non.

Trong năm học 2014 - 2015, Trường đã tổ chức các đoàn khảo sát tại các địa phương (Quảng Ninh, Bắc Kạn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Hà Giang, Thái Nguyên) để lấy ý kiến của nhà sử dụng lao động, cựu SV về mức độ đáp ứng công việc của SV tốt nghiệp các ngành: SP Toán học, SP Vật lý, SP Lịch sử, Giáo dục học và Giáo dục Thể chất. Trường đã thực hiện khảo sát và phỏng vấn trực tiếp 85 CB quản lý và 331 cựu SV (trong đó có 19 cựu SV đang công tác

ngoài ngành giáo dục). Kết quả khảo sát cho thấy, SV tốt nghiệp của Trường được đánh giá cao, đáp ứng được yêu cầu công việc của trường phổ thông [H5.2.05.26]. Kết quả từ khảo sát thị trường lao động đã giúp Trường điều chỉnh CTĐT theo hướng tích hợp nhiều tình huống học tập đa dạng ở các trường phổ thông/trường mầm non. Các tình huống này được thể hiện trong đề cương chi tiết các học phần và quy định trong quy chế thực tế chuyên môn [H5.2.05.27].

Từ năm 2014 đến nay, Trường đã tổ chức rất nhiều hội nghị, hội thảo với các bên liên quan (gồm lãnh đạo sở GD&ĐT, lãnh đạo trường phổ thông và mầm non, GV, nhà khoa học, cựu SV,...) nhằm xác định nhu cầu đào tạo và điều chỉnh hoạt động đào tạo gắn với thực tiễn giáo dục phổ thông [H5.2.05.28]. Ngoài ra, hằng năm Trường đã tổ chức hội nghị tổng kết thực tập sư phạm, thực tế chuyên môn nhằm đánh giá lại hiệu quả của các hoạt động thực hành, thực tế và bổ sung các tình huống học tập cho SV trong thời gian thực hành, thực tế ở trường phổ thông/trường mầm non [H5.2.05.29].

Hàng năm, Trường đã tổ chức ký kết các biên bản hợp tác với các trường thực hành sư phạm vệ tinh trong tổ chức các hoạt động trải nghiệm, thực hành, thực tế của SV [H5.2.05.30]. Ngoài ra Trường còn triển khai các hoạt động như: khuyến khích, động viên GV thực hiện các giờ giảng dạy trên lớp bằng tiếng Anh; mời giáo viên phổ thông tới báo cáo chuyên đề hay chia sẻ kinh nghiệm giảng dạy, giáo dục ở trường phổ thông với GV, SV giúp cho SV sớm được làm quen với các hoạt động giáo dục ở phổ thông và từng bước hoàn thiện năng lực sư phạm của mình [H5.2.05.31].

Năm 2018, để thực hiện có hiệu quả tốt hơn nữa trong công tác thực tập, thực tế của SV ở trường phổ thông, Trường thực hiện việc sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế thực tập sư phạm ban hành kèm theo Quyết định số 2158/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 10 năm 2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học sư phạm [H5.2.05.32].

Chỉ số 2.5.5. Trường đảm bảo tính phù hợp của nguồn lực, thời lượng của chương trình, sự phân bổ thời gian và thời khóa biểu cho các hoạt động

đào tạo và bồi dưỡng trong suốt quá trình thực hiện chương trình để đáp ứng chuẩn đầu ra.

Đầu mỗi năm học, Trường xây dựng và ban hành sơ đồ kế hoạch năm học cho các loại hình đào tạo [H5.2.05.33]. Trường ban hành các văn bản hướng dẫn các khoa/bộ môn lập kế hoạch giảng dạy cho từng học kỳ đảm bảo tính phù hợp của nguồn lực (cơ sở vật chất, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, đội ngũ GV,...). Dựa trên kế hoạch giảng dạy của các khoa/bộ môn và đăng ký học của SV, Phòng Đào tạo xây dựng thời khóa biểu dự kiến cho các hoạt động đào tạo của nhà trường theo từng học kỳ và gửi cho các đơn vị trong trường có liên quan để thực hiện việc kiểm tra, rà soát, điều chỉnh cho phù hợp trước khi ban hành chính thức. Các hoạt động thực hành, thực tế chuyên môn của SV ở các trường phổ thông được tổ chức theo nhóm và đảm bảo sự phù hợp với các điều kiện thực tế (thời gian, kế hoạch, giáo viên...) ở các trường phổ thông [H5.2.05.34].

Kế hoạch bồi dưỡng GV, giáo viên và CB quản lý giáo dục được sắp xếp linh hoạt dựa theo nhu cầu của người học nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho việc tổ chức bồi dưỡng, trong đó Trường cử nhiều chuyên gia, GV tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng tại một số tỉnh Hà Giang, Bắc Kạn, Hà Nội, Bắc Giang và nhiều huyện của tỉnh Thái Nguyên [H5.2.05.35].

Từ năm học 2013 - 2014, Trường đã tổ chức hoạt động đánh giá chất lượng SV tốt nghiệp theo chuẩn đầu ra. Hội đồng đánh giá của các CTĐT là các chuyên gia đến từ Bộ GD&ĐT, Học viện Quản lý giáo dục, Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP Hà Nội 2 và nhà sử dụng lao động [H5.2.05.36]. Những kiến nghị của hội đồng đánh giá giúp Trường chỉ đạo các khoa/bộ môn hoàn thiện chuẩn đầu ra, phát triển CTĐT đáp ứng nhu cầu xã hội. Thông qua các kết quả khảo sát của nhà sử dụng lao động và cựu SV, Trường đã phân tích, đánh giá, thực hiện điều chỉnh CTĐT và hoạt động đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu xã hội. Một số ý kiến của người sử dụng lao động và cựu SV về CTĐT như: giảm lý thuyết, tăng thực hành, thực tế ở các trường phổ thông, trường mầm non; rèn luyện kỹ năng mềm cho SV; nâng cao năng lực ngoại ngữ và tin học; bồi dưỡng các kỹ thuật dạy học tích cực [H5.2.05.37]. Trên cơ sở đó, Trường đã thực hiện

điều chỉnh hoạt động đào tạo như: tăng cường đưa SV đi thực tế môn học ở các trường phổ thông (chủ yếu là các môn học liên quan đến giáo dục phổ thông); tăng cường cử GV dự giờ ở các trường phổ thông, mầm non để cập nhật kiến thức thực tiễn phổ thông trong dạy học, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho người học; tăng số giờ thực hành trong chương trình [H5.2.05.38]. Đối với các chương trình bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý giáo dục, chuẩn đầu ra được quy định cụ thể trong phần mục tiêu của đề cương chi tiết các chuyên đề. Từ năm học 2018, Trường đã bắt đầu tổ chức đào tạo và bồi dưỡng theo hình thức dạy học trực tuyến ở một số môn học [H5.2.05.39].

Kết quả lấy ý kiến đánh giá phản hồi của người học về chất lượng CTĐT và chương trình bồi dưỡng cho thấy, phần lớn người học hài lòng về hình thức đào tạo theo tín chỉ, kế hoạch bồi dưỡng có tính linh hoạt và thích hợp tạo điều kiện thuận lợi cho người học về lựa chọn nội dung, thời gian và địa điểm học tập, bồi dưỡng [H5.2.05.40].

Chỉ số 2.5.6. Việc thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt và đáp ứng nhu cầu và mối quan tâm của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.

Trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức các đoàn khảo sát thực tế tại các địa phương để tìm hiểu nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý giáo dục phổ thông [H5.2.05.41]. Ngoài ra, từ năm học 2015 – 2016, Trường đã cử hàng trăm GV đi nghiên cứu thực tế tại các trường phổ thông/trường mầm non thuộc các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Quảng Ninh, Tuyên Quang và Cao Bằng với mục tiêu khảo sát nhu cầu, trao đổi, thảo luận với giáo viên và CB quản lý phổ thông để xây dựng nội dung các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu thực tế của các trường phổ thông/trường mầm non [H5.2.05.42].

Trường đã thành lập nhóm GV cốt cán tham gia vào quá trình biên soạn tài liệu và bồi dưỡng giáo viên, đảm bảo mỗi chuyên đề có từ 2 GV trở lên tham gia giảng dạy [H5.2.05.43]. Do đó, việc tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng đảm bảo tính linh hoạt, đáp ứng nhu cầu học tập nâng cao trình độ của đội ngũ giáo viên và CB quản lý giáo dục ở các địa phương [H5.2.05.44].

Hàng năm, Trường đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị với các sở GD&ĐT, các trường phổ thông/trường mầm non để thu nhận ý kiến phản hồi về nội dung, phương pháp bồi dưỡng và hình thức đánh giá kết quả bồi dưỡng. Từ đó, Trường tiến hành rà soát, điều chỉnh, cập nhật và bổ sung nội dung bồi dưỡng theo nhu cầu của các địa phương [H5.2.05.45]. Trường đã tổ chức Hội nghị, ký kết văn bản ghi nhớ với hơn 30 đơn vị, cơ sở giáo dục phổ thông trong địa bàn tỉnh Thái Nguyên về việc sử dụng và khai thác có hiệu quả phòng thí nghiệm, thực hành đồng thời triển khai các hoạt động bồi dưỡng cụ thể cho giáo viên phổ thông nhằm hỗ trợ và từng bước nâng cao năng lực giảng dạy các môn học có nội dung thí nghiệm thực hành cho đội ngũ giáo viên phổ thông [H5.2.05.46].

Từ năm học 2017 đến nay, thực hiện nhiệm vụ do Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho, Trường đã triển khai thực hiện Bồi dưỡng và cấp chứng chỉ theo chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên cho hàng chục nghìn giáo viên Mầm non, THCS, THPT ở nhiều địa phương trong cả nước. Bên cạnh đó, Trường cũng xây dựng đề án Chương trình Bồi dưỡng năng lực tư vấn cho giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn cho học sinh trình Bộ Giáo dục và Đào tạo và đã được phê duyệt theo Quyết định số 1876/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 5 năm 2018 [H5.2.05.47].

Triển khai Dự án “Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, CB quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP) của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, Trường được giao nhiệm vụ xây dựng, phát triển các chương trình bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam. Việc triển khai, xây dựng các bồi dưỡng này đến nay cơ bản đã hoàn thành, dự kiến tổ chức nghiệm thu trong năm 2019 [H5.2.05.48].

Trường đã và đang triển khai kế hoạch hoạt động cộng đồng học tập chuyên môn đồng thời xây dựng và ban hành Quy định hoạt động cộng đồng học tập chuyên môn thuộc Trường ĐHSP-ĐHTN nhằm tạo điều kiện, cơ hội cho mọi người được học tập thường xuyên, học tập suốt đời, đặc biệt để tạo sự ảnh

hưởng của GV tới giáo viên cùng chuyên ngành ở trường phổ thông, cơ sở giáo dục mầm non; tạo sự kết nối, chia sẻ, hợp tác và tạo môi trường học tập tích cực giữa GV sư phạm với đội ngũ giáo viên phổ thông, giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non. [H5.2.05.49].

Từ năm học 2018, Trường xây dựng kế hoạch Bồi dưỡng, hỗ trợ giáo viên phổ thông với mục tiêu hỗ trợ giáo viên giảng dạy các môn: Địa lý, Vật lý, Công nghệ, Sinh học, Hóa học, Tiếng Anh tại các trường THPT của tỉnh Thái Nguyên nâng cao năng lực thiết kế bài giảng, thực hiện các giờ dạy hiệu quả đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới [H5.2.05.50]. Để thực hiện các chương trình bồi dưỡng được linh hoạt ngoài việc triển khai tổ chức đào tạo theo hình thức truyền thống, Trường đã và đang xây dựng hệ thống đào tạo, bồi dưỡng theo hình thức trực tuyến nhằm phát huy tính chủ động, tích cực sáng tạo của GV trong việc đổi mới hình thức, phương pháp dạy học, tạo sự hứng thú cho người học, người học chủ động được thời gian học tập nhằm đạt kết quả tốt nhất [H5.2.05.51].

2. Điểm mạnh

- Các CTĐT, chương trình bồi dưỡng được xây dựng theo quy định hiện hành của bộ Giáo dục và Đào tạo, của Đại học Thái Nguyên, có chuẩn đầu ra rõ ràng và được cập nhật, điều chỉnh theo định kỳ.

- CTĐT đảm bảo tính liên thông giữa các ngành đào tạo, trình độ đào tạo tạo điều kiện thuận lợi cho người học có cơ hội học tập (học văn bằng 2, học cùng lúc 2 chương trình, học sau đại học...).

- Nội dung các chương trình bồi dưỡng phong phú, gắn với điều kiện thực tế tại các địa phương qua đó tạo sự kết nối, chia sẻ, hợp tác và tạo môi trường học tập tích cực giữa GV sư phạm với đội ngũ giáo viên phổ thông, giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non.

- Trường tổ chức cho SV được xuống trường phổ thông sớm hơn, tích cực và chủ động hơn trong hoạt động nghề nghiệp, giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn giáo dục.

3. Điểm tồn tại

- Số lượng các môn học tự chọn trong CTĐT còn ít và việc tổ chức cho SV học các môn tự chọn còn hạn chế.

- Tỷ lệ các môn học liên thông thuộc khối kiến thức giáo dục nghề nghiệp giữa các chương trình, các hệ đào tạo trong cùng nhóm ngành còn thấp.

- Việc tổ chức bồi dưỡng theo hình thức trực tuyến (Elearning) còn hạn chế.

- Nội dung các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý giáo dục chưa được các địa phương đánh giá cao về tính đa dạng và tính phù hợp với thực tế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các CTĐT theo hướng tăng tính tích hợp, liên thông ngang, liên thông dọc và tăng số lượng các môn học tự chọn	Phòng Đào tạo, các khoa/bộ môn	9/2019	12/2020
2	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch và thực hiện khắc phục những điểm còn tồn tại trong đào tạo bồi dưỡng theo tín chỉ	Phòng Đào tạo	9/2019	12/2020
		Tổ chức khảo sát thực tế; phát triển chương trình bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý đáp ứng nhu cầu của các địa phương	Phòng Đào tạo, Phòng Hành chính – Tổ chức, các khoa/bộ môn	9/2019	12/2020

		Xây dựng kế hoạch và triển khai bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý đáp ứng nhu cầu của các địa phương	Phòng Đào tạo, các khoa/bộ môn	9/2019	12/2020
		Xây dựng các chương trình bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý giáo dục ở vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam	Phòng Đào tạo	9/2019	12/2020
		Xây dựng kế hoạch và Chương trình bồi dưỡng giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông	Phòng Đào tạo	9/2019	12/2020
		Nghiệm thu và triển khai các CTBD theo chương trình ETEP	Phòng Đào tạo	9/2019	12/2020

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Tiêu chí 2.5							
Chỉ số 2.5.1				X			
Chỉ số 2.5.2				X			

Chỉ số 2.5.3			X				
Chỉ số 2.5.4			X				
Chỉ số 2.5.5			X				
Chỉ số 2.5.6					X		
Điểm tiêu chí	3,7						

Tiêu chuẩn 3. Nghiên cứu, phát triển và đổi mới

Tiêu chí 3.6: Chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới

1. Mô tả

Chỉ số 3.6.1. Trường có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu, phát triển và đổi mới phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, kế hoạch chiến lược của Trường và nhiệm vụ được giao.

Trường có chính sách và kế hoạch dài hạn về nghiên cứu phát triển và đổi mới giai đoạn 2016-2020, nó quy định các nguyên tắc, quyền hạn, trách nhiệm của cá nhân, đơn vị khi thực hiện các hoạt động KHCN, quy định về công tác quản lý đề tài các cấp [H6.3.06.01]; quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H6.3.06.02]; kế hoạch hoạt động KHCN của năm học 2017-2018, năm học 2018-2019, năm học 2019-2020 [H6.3.06.07] quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của ĐHTN, quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường [H6.3.06.04], [H6.3.06.05]; quy định hoạt động của các nhóm nghiên cứu chuyên sâu về xác định các hướng nghiên cứu trọng tâm của lĩnh vực khoa học giáo dục với nhiệm vụ tăng cường công bố quốc tế trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus [H6.3.06.06]; Các kế hoạch và chính sách nêu trên phù hợp với mục tiêu, giải pháp trong bản kế hoạch chiến lược của Trường đó là phát triển KHCN gắn với đào tạo bồi dưỡng phát triển giáo dục phổ thông, phát triển cộng đồng, đẩy mạnh phối hợp NCKH với địa phương vùng miền, tăng số lượng các bài báo quốc tế trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus,... Để nâng cao năng lực đào tạo, bồi dưỡng GV&CBQLCSGD phổ thông, Trường triển khai thực hiện các nhiệm vụ KHCN trong Thỏa thuận thực hiện Chương trình ETEP đã ký kết với Bộ GD&ĐT [H6.3.06.03]. Trường có quy định cụ thể về hoạt động NCKH của đội ngũ GV [H6.3.06.08], quy định về

hỗ trợ GV viết báo quốc tế [H6.3.06.09], tham dự hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước [H6.3.06.10].

Trường có quy trình xây dựng các chính sách về NCKH của GV [H6.3.06.12] và quy trình này phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường và nhiệm vụ được giao. Điều này thể hiện trong kế hoạch hoạt động của Thỏa thuận thực hiện Chương trình ETEP [H6.3.06.03]. Ngoài ra, Trường đã ban hành quy định về sử dụng nguồn thu từ hoạt động hợp tác quốc tế tăng cường các công bố quốc tế cho CB, GV của Trường [H6.3.06.14]. Các chính sách nghiên cứu của Trường phản ánh xu hướng toàn cầu trong nghiên cứu về đào tạo giáo viên thông qua các kết quả nghiên cứu được tổng kết hằng năm.

Với các kế hoạch nêu trên năm học 2016-2017, Trường đã đạt được những kết quả sau đây: quản lý triển khai 01 đề tài Tây Bắc, 03 đề tài Nafosted, 33 đề tài cấp Bộ, 03 đề tài cấp tỉnh, 58 đề tài cấp Đại học, 36 đề tài cấp Trường, 301 đề tài NCKH SV; tổ chức 05 hội nghị hội thảo trong nước và 04 hội thảo chuyên đề có yếu tố nước ngoài; đăng tải 162 bài báo trong nước, 22 bài ISI, 8 bài quốc tế khác; xuất bản 21 giáo trình; các hoạt động hỗ trợ công bố báo khoa học, hỗ trợ khen thưởng SV NCKH diễn ra đúng kế hoạch. Năm học 2017-2018, Trường đã đạt được những kết quả sau đây: Quản lý 03 đề tài độc lập cấp Nhà nước của ngành Văn học, 01 đề tài độc lập cấp Nhà nước thuộc Chương trình Khoa học Giáo dục; 06 đề tài Nafosted (đã nghiệm thu 01 đề tài ngành Văn học, 02 đề tài chuyển tiếp từ năm 2016, 02 đề tài mới phê duyệt năm 2017, 01 đề tài mới phê duyệt năm 2018) và 01 đề tài thuộc Chương trình Tây Bắc; 01 dự án FCB; 01 chương trình ETEP (gồm 10 nhiệm vụ nghiên cứu theo đặt hàng); 26 đề tài cấp Bộ; 21 đề tài cấp Đại học (12 đề tài cấp Đại học năm 2017, 09 đề tài cấp Đại học năm 2018); Xây dựng 03 đề xuất đề tài cấp tỉnh với tỉnh Thái Nguyên cho năm 2018; 01 đề xuất đề tài cấp tỉnh với tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Lào Cai và tỉnh Lai Châu, xây dựng đề xuất của nhiệm vụ Giáo dục môi trường năm 2018, 2019; Tổ chức nghiệm thu 26 giáo trình, xuất bản 05 giáo trình, và đang tiếp tục hoàn thiện nghiệm thu 33 giáo trình khác; Đã triển khai biên soạn 38 tín

chỉ bài giảng e-Learning; đăng tải 340 bài báo khoa học, trong đó có 35 bài thuộc danh mục ISI/Scopus; Tổ chức 16 hội nghị, hội thảo khoa học, trong đó 08 hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài. Đạt 13 giải Olympic SV (02 giải Nhất, 04 giải Nhì, 04 giải Ba, 03 giải Khuyến khích của SV các khoa: Toán, Hóa học, Vật lý). Đạt 05 giải NCKH SV cấp Bộ năm 2017 (gồm 01 giải Nhì, 02 giải Ba, 02 giải Khuyến khích của SV các khoa: Toán, Hóa học, Giáo dục Chính trị, Ngữ văn). Năm học 2018-2019, Trường đã hỗ trợ CB, GV đề xuất, viết thuyết minh và được phê duyệt mới thực hiện 04 đề tài Nafosted, 08 đề tài cấp Bộ, 01 dự án KHCN cấp Tỉnh, 11 đề tài cấp Đại học, 10 đề tài cấp Cơ sở năm 2019. Trường tiếp tục quản lý thực hiện 03 đề tài cấp Nhà nước, 10 đề tài cấp Bộ, 02 đề tài Nafosted, 12 đề tài cấp Đại học, 07 đề tài cấp Cơ sở, 167 đề tài NCKH SV đã được nghiệm thu. Tổng kinh phí thực hiện đề tài các cấp năm học 2018-2019 đạt trên 26 tỷ đồng. CB, GV của Trường đã công bố 406 bài báo, trong đó có 43 bài báo quốc tế, 32 bài báo trong danh mục ISI/Scopus. Đặc biệt, với chính sách hỗ trợ NCKH giáo dục, GV của Trường đã công bố 13 bài báo thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và giáo dục trên các tạp chí thuộc danh mục Scopus [H6.3.06.16].

Trường có báo cáo tổng kết đánh giá lại những kết quả đã đạt được về các hoạt động KHCN của năm học 2016-2017, năm học 2017-2018, năm học 2018-2019 [H6.3.06.16]. Đặc biệt, Trường đã tổ chức Hội nghị KHCN năm 2018 để đánh giá những kết quả đạt được trong giai đoạn 2012-2017, định hướng hoạt động KHCN trong giai đoạn 2018-2022 và ký kết biên bản hợp tác với sở KHCN tỉnh Thái Nguyên, các viện nghiên cứu và các trường đại học trong hợp tác đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ và bồi dưỡng GV [H6.3.06.17]. Năm học 2018-2019, Trường đã tổ chức thành công khoảng 20 hội nghị, hội thảo, seminar chuyên đề về nhiều lĩnh vực. Các hội thảo đã tạo ra diễn đàn sinh hoạt khoa học và chuyên môn cho CB GV và SV. Trong năm học 2018-2019, Trường cũng đã cử nhiều lượt CB và SV tham dự và báo cáo tại nhiều hội thảo khoa học được tổ chức ở nhiều trường đại học trong cả nước như Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc, Úc, Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc,... [H6.3.06.16]. Năm học 2019-2020, Trường đã phê duyệt kế hoạch KHCN với chỉ tiêu hỗ trợ phê

duyet mới từ 01-02 đề tài cấp Nhà nước/Nafosted, 02-05 đề tài cấp Bộ, 03-07 đề tài cấp Đại học, 10-15 đề tài cấp Cơ sở; hỗ trợ GV công bố từ 200-250 bài báo (trong đó có 20-30 bài báo quốc tế; có 10-15 bài ISI/Scopus); hỗ trợ xuất bản 20 đầu sách, giáo trình mới; triển khai thực hiện từ 120-150 đề tài NCKH SV; tìm kiếm cơ hội và đấu thầu thành công từ 01-03 đề tài cấp Tỉnh; tìm kiếm 01-03 cơ hội hợp tác quốc tế về NCKH thông qua việc tổ chức các seminar chuyên đề khoa học chuyên ngành có các chuyên gia nước ngoài báo cáo hoặc tham dự [H6.3.06.18].

Chỉ số 3.6.2. Trường có chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới khoa học giáo dục

Trường có chính sách ưu tiên về trang thiết bị và ngân sách phục vụ NCKH, điều này thể hiện rõ trong quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H6.3.06.19], kế hoạch hoạt động trong Thỏa thuận thực hiện Chương trình ETEP [H6.3.06.03]. Ngoài ra, Trường có kế hoạch đầu tư trang thiết bị NCKH và phát triển công nghệ giai đoạn 2016-2020 và đến 2030 đạt mục tiêu đầu tư 475.393.000.000 đồng cho trang thiết bị NCKH giai đoạn 2016-2020, dùng để xây dựng trung tâm thực hành, thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, sản xuất các thiết bị thí nghiệm, thiết bị dạy học, phục vụ công tác đổi mới trong giáo dục và sáng tạo trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, bồi dưỡng CBQL giáo dục [H6.3.06.20]. Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường đề cập tới quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (tối thiểu 15% kinh phí chênh lệch do thu lớn hơn chi). Quỹ này được dùng để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc; phát triển năng lực hoạt động sự nghiệp; chi áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ vào hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên [H6.3.06.09], [H6.3.06.21], [H6.3.06.22].

Năm học 2016-2017, Trường đã xây dựng thêm Trung tâm Phát triển kỹ năng sư phạm gồm 7 tầng với nhiều phòng học phục vụ công tác giảng dạy, bồi dưỡng và phục vụ công tác NCKH của lĩnh vực khoa học giáo dục [H6.3.06.23], [H6.3.06.24], Trường đang xây dựng thêm 01 giảng đường, 01 trung tâm thể dục thể thao, và 01 tòa nhà 05 tầng phục vụ hoạt động giảng dạy và NCKH, danh

mục trang thiết bị các loại mới được lắp đặt, danh sách nâng cấp thiết bị tin học [H6.3.06.25]. Năm học 2017-2018, Trường đã được Bộ GD&ĐT đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm phục vụ các nhóm nghiên cứu mạnh thông qua Dự án phát triển phòng thí nghiệm thực hành Lý – Hóa – Sinh với kinh phí gần 30 tỷ đồng [H6.3.06.26]. Trên cơ sở đó, Trường đã xây dựng quy chế phối hợp với các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên khai thác phòng thí nghiệm Lý – Hóa – Sinh và tổ chức Hội nghị với sở GD&ĐT và với các trường phổ thông, ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác trong việc khai thác các trang thiết bị của phòng thí nghiệm phục vụ NCKH của GV [H6.3.06.26]. Ngoài ra, với sự hỗ trợ của Dự án THPT giai đoạn 2, Trường đã được cung cấp thêm các trang thiết bị cho các phòng học nghiệp vụ sư phạm, phòng học trực tuyến của Trung tâm Phát triển kỹ năng sư phạm [H6.3.06.24]. Đặc biệt, Trường được hỗ trợ Đề án Thư viện điện tử có tổng kinh phí đầu tư khoảng 80 tỷ đồng với trang thiết bị hiện đại nhằm phục vụ nhu cầu học tập của người học [H6.3.06.27]. Ngoài ra, hằng năm Trường đã hỗ trợ cho GV đi nghiên cứu thực tế ở các trường phổ thông, mầm non với kinh phí hỗ trợ khoảng 20 triệu/đơn vị; hình thành và phát triển các cộng đồng học tập; tổ chức các hội thảo, hội nghị với các sở GD&ĐT để xác định nhu cầu bồi dưỡng giáo viên và thúc đẩy chuyên giao kết quả NCKH giáo dục phục vụ quá trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên [H6.3.06.28].

Hằng năm, Trường có lấy ý kiến phản hồi về trang thiết bị tin học, trang thiết bị thí nghiệm, trang thiết bị thư viện, trang thiết bị giảng đường,... [H6.3.06.29], [H6.3.06.30]. Sự đổi mới của Trường được thể hiện qua những thành tựu về khoa học và công nghệ trong những năm gần đây [H6.3.06.17], [H6.3.06.31], [H6.3.06.32], [H6.3.06.33].

Để cải thiện môi trường đầu tư trang thiết bị cho phát triển và đổi mới, Trường tiếp tục hoàn thiện việc vận hành và khai thác Trung tâm phát triển Kỹ năng sư phạm. Trường cũng đã xây dựng Đề án nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng CNTT nhằm nâng cao năng lực của Trường trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục phổ thông. Trong đó, Trường lập kế hoạch xây

dựng mới 02-03 phòng Studio quay video bài giảng và sản xuất học liệu phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng theo hình thức trực tuyến. Năm học 2018-2019, Trường đã ký hợp đồng với Trung tâm Học liệu và Công nghệ thông tin – ĐHTN để biên soạn và đưa vào sử dụng 36 tín chỉ bài giảng e-Learning (tương đương 13 học phần) [H6.3.06.31].

Chỉ số 3.6.3. Kết quả nghiên cứu của Trường được tích hợp và ứng dụng vào hoạt động dạy và học

Kế hoạch hoạt động năm học 2016-2017, Trường đã chú trọng tích hợp kết quả NCKH ứng dụng vào hoạt động dạy và học, theo đó Trường định hướng cho các lĩnh vực KHTN, KHXX nhân văn và KHGD để đẩy mạnh NCKH nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, dần hoàn thiện CTĐT đáp ứng yêu cầu mới [H6.3.06.07].

Trong năm 2016-2017, Trường quản lý 133 đề tài các cấp của CB trong đó có 34 đề tài đã nghiệm thu. Sản phẩm NCKH năm 2016-2017 đã xuất bản 21 giáo trình phục vụ công tác đào tạo trực tiếp các học phần cho Trường, 192 bài báo trong nước và quốc tế [H6.3.06.36], trong đó phần nhiều các bài báo trong số đó sẽ trở thành các chủ đề dành cho đào tạo sau đại học của Trường, ngoài ra Trường còn có một số sản phẩm là giáo trình, phần mềm mô phỏng/ thiết bị thí nghiệm/ phần mềm online/ sách bồi dưỡng kiến thức là sản phẩm của đề tài cấp trường và cấp tỉnh theo hướng áp dụng vào giảng dạy phổ thông [H6.3.06.37], [H6.3.06.38]. Đặc biệt, Trường đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị, seminar chuyên đề có yếu tố nước ngoài nhằm ứng dụng những nghiên cứu trong và ngoài nước vào hoạt động dạy học của Trường [H6.3.06.39].

Trong báo cáo tổng kết cuối năm học 2016-2017, mặc dù Trường có đánh giá tổng quan các kết quả đạt được từng hoạt động KHCN, tuy nhiên chưa có mục đánh giá riêng cụ thể về các kết quả NCKH được tích hợp vào hoạt động giảng dạy và học tập [H6.3.06.16].

Năm học 2017-2018, trong triển khai kế hoạch hoạt động KHCN, Trường có đặt hàng cụ thể hơn về sản phẩm của các đề tài cấp Đại học và cấp Trường, đối với các sản phẩm ứng dụng về KHGD cần đạt được yêu cầu phải được sử

dụng để bồi dưỡng cho các đơn vị ngoài trường và đem lại nguồn thu cho Trường [H6.3.06.33]. Tuy nhiên, kế hoạch tổng thể về hoạt động KHCN chưa thể hiện hết được các định hướng chi tiết cho từng hoạt động KHCN. Kế hoạch hoạt động năm học 2017-2018, Trường đã chú trọng tích hợp kết quả NCKH ứng dụng vào hoạt động dạy và học, theo đó Trường định hướng cho các lĩnh vực KHTN, KHXX – nhân văn, và KHGD để đẩy mạnh NCKH nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, dần hoàn thiện CTĐT đáp ứng yêu cầu mới [H6.3.06.40].

Trong năm 2017-2018, Trường quản lý 04 đề tài KHCN cấp Quốc gia, trong đó có 01 đề tài KHCN thuộc Chương trình Khoa học Giáo dục với tổng kinh phí được phê duyệt khoảng 20 tỷ đồng [H6.3.06.16]. Ngoài ra, Trường còn quản lý 54 đề tài Nafosted, cấp Bộ và cấp Đại học; 13 đề tài KHCN cấp cơ sở theo đặt hàng của Trường, trong đó có 09 đề tài KHCN cấp cơ sở thuộc Chương trình ETEP năm 2018. Nhiều sản phẩm nghiên cứu của các đề tài KHCN các cấp được sử dụng trong tích hợp và ứng dụng vào hoạt động dạy học của Trường. Năm học 2018-2019, Trường đã phê duyệt thực hiện 10 đề tài KHCN cấp Cơ sở theo đặt hàng, trong đó có 05 đề tài của các nhóm nghiên cứu chuyên sâu về khoa học giáo dục. Các sản phẩm nghiên cứu của các đề tài KHCN cấp Cơ sở đều được tích hợp và ứng dụng vào đổi mới hoạt động dạy học của GV của Trường [H6.3.06.16], [H6.3.06.38].

Trong báo cáo tổng kết cuối năm học 2017-2018, mặc dù Trường có đánh giá tổng quan các kết quả đạt được từng hoạt động KHCN, tuy nhiên chưa có mục đánh giá riêng cụ thể về các kết quả NCKH được tích hợp vào hoạt động giảng dạy và học [H6.3.06.16].

Năm học 2018-2019, trong triển khai kế hoạch hoạt động KHCN, Trường có đặt hàng cụ thể hơn về sản phẩm của các đề tài cấp Đại học và cấp Trường, đối với các sản phẩm ứng dụng về KHGD cần đạt được yêu cầu phải được sử dụng để bồi dưỡng cho các đơn vị ngoài trường và đem lại nguồn thu cho Trường [H6.3.06.16]. Tuy nhiên, tổng kinh phí chuyển giao cho các địa phương

từ các hoạt động KHCN còn ít, chưa tương xứng với nguồn lực đội ngũ của Trường.

Chỉ số 3.6.4. Kết quả nghiên cứu của Trường thúc đẩy sự phát triển, hoạch định chính sách, đổi mới khoa học giáo dục và được phổ biến trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế

Trường đã phối hợp với các viện nghiên cứu, các trường đại học trong nước để tổ chức một số hoạt động khoa học, đào tạo và bồi dưỡng (tổ chức hội nghị chuyên đề, bồi dưỡng GV, tổ chức hội thảo khoa học về vấn đề đổi mới giáo dục, đổi mới CTĐT giáo viên,...). Các hội thảo, hội nghị, seminar chuyên đề nhằm chia sẻ các kết quả nghiên cứu ứng dụng trong đổi mới CTĐT đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá SV [H6.3.06.17]. Đặc biệt, Trường đã phối hợp với Viện Toán học tổ chức hội nghị khoa học CB trẻ và ngày hội Toán học nhằm tạo diễn đàn khoa học để CB trẻ có cơ hội công bố các kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực Toán học và những vấn đề đổi mới chương trình môn Toán ở trường phổ thông. Hội nghị có sự tham gia của nhiều giáo viên của các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, tạo diễn đàn thảo luận sôi nổi về những kết quả nghiên cứu mới trong phát triển chương trình giáo dục phổ thông và ứng dụng trong đổi mới CTĐT giáo viên ở các trường sư phạm [H6.3.06.43]. Từ năm học 2016-2017 đến nay, hằng năm Trường tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế về đổi mới CTĐT giáo viên trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đổi mới đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, phát triển giáo dục STEM ở Việt Nam,... Các hội thảo có sự tham gia của báo cáo viên, đại biểu đến từ nhiều nước như: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc, Đài Loan, Úc, New Zealand, Singapore, Hồng Kông, Ireland, Thái Lan,... trong đó nhóm nghiên cứu về giáo dục STEM của Trường đã phối hợp với nhóm nghiên cứu của Đại học Khon Kaen (Thái Lan) tổ chức hội thảo tại Thái Lan và Việt Nam, công bố nhiều bài báo khoa học chung trên các tạp chí quốc tế có uy tín [H6.3.06.45].

Thực hiện kế hoạch về phát triển KHCN giai đoạn 2016-2020, và kế hoạch năm học 2017-2018, kết quả NCKH gắn với việc thúc đẩy sự phát triển khoa học giáo dục [H6.3.06.07].

Năm học 2016-2017, GV của Trường xuất bản 21 giáo trình phục vụ công tác đào tạo của Trường, 192 bài báo [H6.3.06.36] với gần 70% trong số đó là các bài viết về chủ đề giáo dục, về hoạch định chính sách đổi mới khoa học giáo dục, đổi mới phương pháp dạy và học, tìm hiểu thực trạng giáo dục và cải tiến thực tiễn giáo dục trong các môn học, về vận dụng phương pháp dạy theo hướng tiếp cận năng lực [H6.3.06.46], và hầu hết chúng sẽ trở thành chủ đề cho đào tạo sau đại học. Đó là sự lan tỏa của các kết quả NCKH của Trường ra cộng đồng ngành giáo dục và khu vực, trong đó nhiều kết quả về sự phát triển CTĐT giáo viên, môi trường NCKH giáo dục trong trường sư phạm, giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho SV sư phạm [H6.3.06.46]. Ngoài ra sản phẩm NCKH của Trường đã tạo ra 07 hợp đồng đào tạo bồi dưỡng kiến thức cho giáo viên, GV các cơ sở giáo dục khác và ở các địa phương và cũng đã tạo nguồn thu nhập thêm cho Trường. Một số công trình của Trường được phổ biến trên quốc tế thể hiện ở 30 bài báo quốc tế được công bố và phần nhiều trong số đó đã được báo cáo ở các hội nghị, hội thảo quốc gia và quốc tế [H6.3.06.36].

Năm học 2017-2018, Trường có 26 giáo trình phục vụ công tác đào tạo của Trường đã được nghiệm thu, trong đó xuất bản 05 giáo trình [H6.3.06.42], 340 bài báo được đăng tải trên các tạp chí trong và ngoài nước với gần 70% trong số đó là các bài viết về chủ đề giáo dục, về hoạch định chính sách đổi mới khoa học giáo dục, đổi mới phương pháp dạy và học, tìm hiểu thực trạng giáo dục và cải tiến thực tiễn giáo dục trong các môn học, về vận dụng phương pháp dạy theo hướng tiếp cận năng lực và hầu hết chúng sẽ trở thành chủ đề cho đào tạo sau đại học [H6.3.06.42]. Đó là sự lan tỏa của các kết quả NCKH của Trường ra cộng đồng ngành giáo dục và khu vực, trong đó nhiều kết quả về sự phát triển CTĐT giáo viên, môi trường NCKH giáo dục trong trường sư phạm, giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho SV sư phạm. Một số công trình của Trường được phổ biến trên quốc tế thể hiện ở 35 bài báo quốc tế được công bố

trên các tạp chí ISI/Scopus và phần nhiều trong số đó đã được báo cáo ở các hội nghị, hội thảo quốc gia và quốc tế [H6.3.06.36]. Đặc biệt, Trường đã xây dựng quy định sử dụng nguồn thu từ hợp tác quốc tế để phát triển công bố quốc tế, khuyến khích CB, GV tham dự và báo cáo tại các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, đặc biệt là khuyến khích các nghiên cứu về khoa học giáo dục. Trường sẽ hỗ trợ một phần kinh phí đi tham dự hội thảo quốc tế đối với các CB, GV có báo cáo và bài viết được đăng tại các tạp chí quốc tế hoặc kỷ yếu hội thảo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus [H6.3.06.45]. Năm học 2017-2018, Trường đã cử đoàn 13 CB, GV của Trường tham dự và báo cáo tại Hội thảo quốc tế I AM STEM tại Trường Đại học Khon Kaen của Thái Lan. Các báo cáo tại Hội thảo đều tập trung thảo luận kinh nghiệm phát triển chương trình giáo dục STEM tại các nước trong khu vực và giải pháp triển khai mô hình này tại các trường phổ thông của Việt Nam. Các bài viết của GV của Trường được Ban tổ chức Hội thảo xuất bản trên tạp chí thuộc danh mục Scopus [H6.3.06.45]. Trên cơ sở đó, Trường đã triển khai đề xuất đề tài KHCN về “Phát triển chương trình giáo dục STEM cho các trường phổ thông” của tỉnh Thái Nguyên, Lai Châu, Lào Cai, Lạng Sơn và Hà Giang. Đề xuất được các địa phương đánh giá cao và đưa vào nội dung chương trình hợp tác với ĐHTN nhằm nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông cho các tỉnh miền núi phía Bắc [H6.3.06.46].

Năm học 2017-2018 và năm học 2018-2019, các sản phẩm của các đề tài KHCN cấp Quốc gia, đề tài cấp Bộ thuộc Chương trình ETEP, đề tài KHCN thuộc Chương trình Tây Bắc đã góp phần xây dựng chính sách, có ảnh hưởng ở phạm vi quốc gia và khu vực, ví dụ xây dựng bộ chuẩn nghề nghiệp GV sư phạm (năm 2017) được chuyển giao cho Bộ GD&ĐT dự thảo Thông tư về ban hành Chuẩn nghề nghiệp GV sư phạm; hoàn thiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại mạng lưới các trường sư phạm và hình thành một số trường sư phạm trọng điểm; nghiên cứu đánh giá năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài,... [H6.3.06.46].

2. Điểm mạnh

Trường có chính sách thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và đổi mới. Đã triển khai thực hiện mạnh mẽ chính sách ưu tiên thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và

đổi mới vào thực tiễn của Trường. Các kết quả NCKH được ứng dụng trong các hoạt động dạy và học của Trường. Trường đã ký kết nhiều biên bản hợp với các viện nghiên cứu, trường đại học và các địa phương trong đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ.

3. Điểm tồn tại

Công bố quốc tế của các nhóm nghiên cứu còn ít, chưa có nhiều bài báo của GV được đăng tải trên các tạp chí ISI/Scopus, đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học giáo dục; chưa có chính sách cụ thể gắn NCKH với nhu cầu KHCN ở địa phương, chính sách thúc đẩy các đề tài KHCN ứng dụng có thể chuyển giao KHCN. Số lượng các nhóm nghiên cứu giảng dạy và nghiên cứu ứng dụng còn hạn chế và chưa có đánh giá cụ thể về kết quả NCKH được tích hợp vào dạy và học. Nguồn kinh phí dành cho hoạt động KHCN hằng năm còn ít, chưa tương xứng với năng lực đội ngũ CB, GV có trình độ cao của Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Đẩy mạnh hoạt động của các nhóm nghiên cứu chuyên sâu, với sản phẩm của nhóm là các bài báo ISI/ Scopus.	Các nhóm nghiên cứu chuyên sâu	9/2019	12/2020
		Khuyến khích, đặt hàng các nhiệm vụ NCKH cấp cơ sở và áp dụng vào đổi mới hoạt động đào tạo của nhà trường.	Phòng KH-CN&HTQT	9/2019	12/2020
		Tăng nguồn kinh	Phòng KH-	9/2019	12/2020

		phí hằng năm dành cho thực hiện các đề án, đề tài KHCN cấp cơ sở theo đặt hàng của nhà trường.	CN&HTQT		
2	Phát huy điểm mạnh	Triển khai các hoạt động hợp tác với các viện nghiên cứu, các trường đại học/học viện, các địa phương trong NCKH và chuyển giao công nghệ.	Phòng KHCN&HTQT	9/2019	12/2020
		Ban hành các chính sách hỗ trợ GV và người học trong NCKH; sử dụng nguồn thu từ hoạt động hợp tác quốc tế nhằm phát triển công bố quốc tế.	Phòng KHCN&HTQT	9/2019	12/2020

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 3.6							
Chỉ số 3.6.1				X			
Chỉ số 3.6.2				X			
Chỉ số 3.6.3				X			

Chỉ số 3.6.4				X			
Điểm tiêu chí:				4,0			

Tiêu chí 3.7: Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới

1. Mô tả

Chỉ số: 3.7.1. Trường hỗ trợ giảng viên về mặt tổ chức để thực hiện các đề tài nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

Kế hoạch chiến lược của Trường xác định phải hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý hỗ trợ và thúc đẩy kết quả nghiên cứu khoa học của giảng viên [H7.3.07.01]. Văn bản quy định công tác quản lý khoa học và công nghệ của Trường đã chỉ rõ các cơ chế, chính sách khuyến khích, khen thưởng, hỗ trợ đối với cá nhân đơn vị của Trường trong hoạt động KHCN. Theo đó các hoạt động thực hiện đề tài NCKH và các hoạt động KHCN khác của giảng viên và người học được quy định theo khung pháp lý và quy trình, có chế độ ưu đãi đối với các đề tài NCKH của giảng viên được chuyển giao công nghệ [H7.3.07.02]. Trường có quy định thưởng điểm học phần cho SV có giải cao về NCKH và Olympic quốc gia [H7.3.07.28]. Phòng KH-CN&HTQT là đơn vị giúp Trường tổ chức quản lý các hoạt động NCKH của giảng viên và người học.

Trường có kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm và các thông báo thường kỳ hướng dẫn chi tiết việc thực hiện các đề tài NCKH và các hoạt động KHCN khác của GV cho phù hợp với điều kiện thực tế [H7.3.07.03], [H7.3.07.11]. Trường có văn bản quy định về cách thức sử dụng khai thác phương tiện kỹ thuật thực hành thí nghiệm đối với GV trong NCKH và trong hợp tác với các trường phổ thông [H7.3.07.04]. Trường có quy định về quản lý, sử dụng thiết bị và vật tư tiêu hao trong thực hành, thí nghiệm giúp cho GV và người học có thể khai thác và sử dụng các phòng thực hành thí nghiệm một cách hiệu quả khi thực hiện các đề tài NCKH và các hoạt động KHCN khác [H7.3.07.05]. Trường đã xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu khoa học của GV và người học, từ đó GV có thể cập nhật các kết quả nghiên cứu của cá nhân lên hệ thống, đó cũng là dữ liệu để các giảng viên khác có thể tham khảo trên hệ thống thông qua bản

lí lịch của giảng viên thường xuyên được làm mới [H7.3.07.24]. Trường đã ban hành quy định quản lý các nhóm nghiên cứu chuyên sâu. Theo đó Trường quy định các tiêu chuẩn thành lập các nhóm nghiên cứu chuyên sâu; quy định chức năng quyền hạn của các nhóm nghiên cứu; đồng thời các nội dung hỗ trợ nhóm nghiên cứu chuyên sâu cũng được Trường xác định rõ ràng khi thực hiện các đề tài NCKH được giao [H7.3.07.07]. Trường đã kí kết văn bản hợp tác với 9 viện nghiên cứu và trường đại học trong nước và 3 trường đại học nước ngoài, đó là những thuận lợi về hành lang pháp lý cho các GV của Trường có thể hợp tác NCKH với các đối tác ngoài Trường [H7.3.07.08]. Trường đã tổ chức nhiều hội thảo khoa học quốc tế về khoa học giáo dục để GV có điều kiện công bố các kết quả NCKH mới [H7.3.07.09].

Trường có chính sách hỗ trợ tài chính cho GV thực hiện các đề tài NCKH và các hoạt động KHCN khác. Theo đó, các đề tài cấp Cơ sở, cấp Đại học được cấp kinh phí thực hiện theo định mức của từng loại sản phẩm; giảng viên có công bố các bài báo khoa học được Trường hỗ trợ theo định mức cao 10 triệu/1 bài Scopus, 15 triệu/1 bài ISI, và được cộng thêm 5 triệu nếu là bài báo ISI/Scopus về khoa học giáo dục; GV và người học được thưởng tiền khi đạt các giải cao về NCKH; GV có trình độ cao được hỗ trợ kinh phí hàng tháng; GV được hỗ trợ một phần kinh phí tham dự và báo cáo kết quả NCKH tại các hội thảo khoa học ngoài Trường [H7.3.07.29], [H7.3.07.10], [H7.3.07.06]; các nhóm nghiên cứu chuyên sâu được hỗ trợ kinh phí thực hiện các nội dung theo kế hoạch hoạt động đã được phê duyệt [H7.3.07.07]; đặc biệt các giảng viên có kết quả NCKH được chuyển giao sẽ được thưởng kinh phí theo định mức thưởng của các bài báo quốc tế [H7.3.07.02].

Với vai trò là đơn vị chức năng được sự phân công của Trường, Phòng KH-CN&HTQT là đơn vị tham mưu và trực tiếp quản lý các hoạt động KHCN của Trường đã thường xuyên hỗ trợ CB GV về mặt tổ chức để GV thực hiện các đề tài NCKH như: Cung cấp thông tin để đăng kí đề tài, để đăng kí dự hội thảo khoa học, để đấu thầu đề tài, để hoàn chỉnh các thủ tục hồ sơ liên quan; Hướng dẫn và hỗ trợ các thủ tục hành chính liên quan đến biểu mẫu đúng quy chuẩn

[H7.3.07.11]; hỗ trợ CB làm thủ tục tham dự và báo cáo các hội nghị hội thảo theo đúng quy định [H7.3.07.10]; Xác nhận các thủ tục sở hữu trí tuệ có liên quan.

	Năm 2016-2017	Năm 2017-2018	Năm 2018-2019	Ghi chú
Đề tài cấp lớn	3 đề tài: - 2 đề tài Nafosted duyệt mới năm 2016 (Kiên, Thường), - 1 đề tài thuộc chương trình Tây bắc duyệt mới năm 2016 (Quý)	5 đề tài (11826tr): - 2 đề tài Nafosted duyệt mới năm 2017 (Dũng, Hà) 1300 triệu, - 3 đề tài cấp Nhà nước duyệt mới năm 2017 (Hằng, Nguyên, Ngọc Anh) 10526 triệu	8 đề tài (14120tr): - 1 dự án Việt Bỉ được duyệt năm 2018 (Quang) 2000 triệu, - 1 chương trình quốc gia được duyệt năm 2018 (Quang) 4750 triệu, - 1 đề tài cấp Nhà nước được duyệt năm 2018 (Thủy) 3428 triệu, - 1 đề tài Nafosted được duyệt năm 2018 (Mậu) 798 triệu, - 4 đề tài Nafosted được duyệt năm 2019 (Kiên, Khang, Thường, Quân) 3144 triệu	Xem hộp về danh mục các đề tài [H7.3.07.13]
Đề tài	17 đề tài	22 đề tài	19 đề tài (10749tr):	Xem hộp về

cấp Bộ và tương đương	(2219tr): - 8 đề tài cấp bộ B2016 ~ 1500 triệu, - 9 đề tài cấp đại học ĐH2016 ~ 719 triệu	(3352tr): - 10 đề tài cấp bộ B2017 ~ 3040 triệu, - 12 đề tài cấp đại học ĐH2017 ~ 312 triệu	- 1 đề tài cấp bộ B2018 ~ 600 triệu, - 5 đề tài cấp bộ B2019 ~ 3650 triệu, - 9 đề tài cấp đại học ĐH2018 ~ 400 triệu, - 3 đề tài cấp đại học ĐH2019 ~ 150 triệu - 1 đề tài cấp tỉnh duyet mới năm 2019 (Phuong) ~ 5949 triệu	danh mục các đề tài [H7.3.07.13]
Đề tài cấp cơ sở	14 đề tài (392tr): - 36 đề tài CS2015 kết thúc 2016	36 đề tài (465tr): - 36 đề tài CS2016 kết thúc 2017	17 đề tài (963tr): - 7 đề tài CS2018 ~ 80 triệu, - 10 đề tài CS2019 ~ 883 triệu	Xem hộp về danh mục các đề tài [H7.3.07.13]
Báo trong nước	287 bài (52 qt): - 85 bài (12 bài qt) 5 tháng cuối năm 2016, - 202 bài (40 bài qt) 7 tháng đầu năm 2017, (85+202=287 bài) (12+40=52 bài	355 bài (42 qt): - 145 bài (18 bài qt) 5 tháng cuối năm 2017, - 210 bài (24 bài qt) 7 tháng đầu năm 2018, (145+210=355 bài) (18+24=42 bài qt)	307 bài (45 qt): - 150 bài (16 bài qt) 5 tháng cuối năm 2018, - 157 bài (39 bài qt) 7 tháng đầu năm 2019 (chưa đầy đủ), (150+157=307 bài) (16+39=45 bài qt)	Xem hộp về danh mục các bài báo [H7.3.07.14]

	qt)			
--	-----	--	--	--

Căn cứ kết quả hoạt động KHCN ở các năm học trước, thông qua số liệu ở các báo cáo tại các hội nghị công nhân viên chức, ở các báo cáo tổng kết gửi cấp trên, cứ vào đầu năm học tiếp theo 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, Trường đều có những điều chỉnh bổ sung cân đối kịp thời các bản kế hoạch, lựa chọn các định hướng lớn cho các hoạt động KHCN khác nhau cho phù hợp nhất với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của Trường trong năm học đó [H7.3.07.03].

Chỉ số: 3.7.2. Trường xác định các hoạt động nghiên cứu khác nhau để giảng viên hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu của mình.

Căn cứ vào nhiệm vụ NCKH của GV được cấp trên quy định tại văn bản số 2537 của ĐHTN [H7.3.07.12], căn cứ kế hoạch hoạt động KHCN giai đoạn 2016-2020 của Trường [H7.3.07.30], Trường đã ban hành và cập nhật Quy định quản lý KHCN của Trường ĐHSP-ĐHTN [H7.3.07.02]. Theo đó tất cả các loại hình hoạt động NCKH của GV và người học đều được quy định và hướng dẫn cụ thể, chẳng hạn như: công tác đề xuất, triển khai, thực hiện đề tài KHCN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp đại học, cấp tỉnh, cấp cơ sở; công tác tổ chức hội nghị khoa học tại Trường; việc hướng dẫn NCKH SV; hoạt động khởi nghiệp SV, viết báo và công bố báo khoa học...; đồng thời các chính sách hỗ trợ GV trong NCKH cũng được thể hiện ở đó. Trường có quy định quản lý các nhóm nghiên cứu chuyên sâu [H7.3.07.07] nhằm tạo môi trường thuận lợi cho các nhóm nghiên cứu hoạt động để nâng cao chất lượng các kết quả NCKH giáo dục của Trường. Để tạo thuận lợi hơn cho GV, hàng năm Trường ban hành kế hoạch hoạt động KHCN vào đầu mỗi năm học, năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 [H7.3.07.03]. Trong đó Trường chỉ rõ một số nhiệm vụ KHCN được ưu tiên trong năm cũng như đặt ra chỉ tiêu và cách thức thực hiện để GV dễ dàng lựa chọn được những hoạt động NCKH phù hợp nhất với bản thân, như: đề xuất, triển khai đề tài KHCN các cấp; hướng dẫn đề tài NCKH SV; viết bài tham gian hội thảo do Trường tổ chức; viết báo khoa học; biên soạn giáo trình,...

Kết quả thực hiện các kế hoạch trên, trong năm 2017-2018 Trường được duyệt mới 15 đề tài với tổng kinh phí là 15.178 triệu (5 đề tài cấp quốc gia, 10

đề tài cấp bộ, 12 đề tài cấp đại học) và năm 2018-2019 Trường được duyệt mới 27 đề tài với kinh phí là 24.869 triệu (8 đề tài cấp quốc gia, 6 đề tài cấp bộ, 12 đề tài cấp đại học, 1 đề tài cấp tỉnh) [H7.3.07.13]; ba năm gần đây 2017, 2018 và nửa đầu năm 2019 GV của Trường đã đăng tải 862 bài báo khoa học (trong đó 128 bài báo quốc tế, với 79 bài ISI/Scopus) [H7.3.07.14]. Ba năm gần đây 2017, 2018, 2019, Trường đã tổ chức cho GV hướng dẫn 546 đề tài NCKH SV [H3.3.07.15], Trường xuất bản 26 giáo trình [H7.3.07.16]; Trường cử nhiều lượt CB đi tham dự và báo cáo hội thảo khoa học ở ngoài trường [H7.3.07.17]. Trường tổ chức 10 hội nghị hội thảo trong nước và 10 hội thảo chuyên đề có yếu tố nước ngoài nhằm tạo môi trường cho CB tham dự trao đổi học thuật và trình bày kết quả nghiên cứu [H7.3.07.09]. Trường đã kết nối với một số đơn vị ngoài Trường thông qua nhiều biện pháp, chẳng hạn đã tổ chức hội nghị kí kết văn bản hợp tác về hoạt động KHCN hoặc tổ chức các buổi tọa đàm giữa các bên,... nhằm tạo môi trường thuận lợi cho các GV có cơ hội kết nối với các chuyên gia ở các đơn vị bạn cùng lĩnh vực chuyên môn để hợp tác phát triển NCKH; đồng thời tạo cầu nối giữa Trường và các trường phổ thông để GV có điều kiện áp dụng các kết quả nghiên cứu về KHGD của mình [H7.3.07.09].

Tổng kết các hoạt động KHCN khác nhau được thực hiện đầy đủ ở báo cáo tổng kết cuối năm ở hội nghị công nhân viên chức các năm 2017, 2018, 2019 [H3.3.07.18]. Tháng 7/2017, 7/2018, 7/2019 tổ công tác của ĐHTN đến khảo sát kiểm tra lại kết quả thực hiện các hoạt động KHCN của Trường và có nhật kí của các đợt kiểm tra [H7.3.07.19].

Căn cứ kết quả hoạt động KHCN của các năm học trước, đầu năm học kế tiếp của các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, Trường đều đã điều chỉnh bổ sung cân đối các định hướng lớn cho các hoạt động KHCN khác nhau để phù hợp với điều kiện hoàn cảnh năng lực của từng GV cho từng năm [H7.3.07.03].

Chỉ số: 3.7.3. Danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu được cập nhật và công khai trong toàn Trường.

Việc cập nhật và phổ biến danh sách đề tài, phương tiện, thiết bị phục vụ nghiên cứu được Trường thực hiện hằng năm theo Quy chế 3 công khai của Bộ GD&ĐT và Văn bản hướng dẫn của Trường được công khai [H7.3.07.20] (Danh sách đề tài công khai trên toàn Trường ở website: http://dhsptn.edu.vn/uploads/news/2019_07/bieu-18.pdf).

Danh mục đề tài các cấp và trạng thái thực hiện và danh sách các bài báo khoa học quốc tế được cập nhật trên mạng để CB GV Trường theo dõi tình hình, từ đó lựa chọn các chủ đề nghiên cứu thích hợp với các hướng nghiên cứu hiện nay [H7.3.07.21] (Công khai tại website của Trường: http://dhsptn.edu.vn/uploads/news/2019_05/baoqt_1998-2018.pdf) và [H7.3.07.22]. Đồng thời danh sách các trang thiết bị tin học, thiết bị thí nghiệm, thiết bị phòng thực hành sư phạm, phòng nghiệp vụ sư phạm, phòng thư viện,... được công khai trên website Trường để GV, người học, các nhà khoa học theo dõi nắm bắt và liên hệ sử dụng khi có nhu cầu [H7.3.07.23] (Danh mục trang thiết bị cơ sở vật chất được công khai trên website của Trường: http://dhsptn.edu.vn/uploads/news/2018_04/bacongkhai-bieu22.pdf). Trường đã xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu khoa học riêng để quản lý danh sách đề tài, danh sách các bài báo khoa học, danh sách giáo trình,... và cập nhật lí lịch khoa học của GV; điều này giúp việc tìm kiếm thông tin để khai thác thông tin sẽ thuận lợi hơn [H7.3.07.24] (Địa chỉ website của phần mềm quản lý CSDL khoa học của GV trong Trường: <http://daotao.dhsptn.edu.vn/login/Login.aspx>).

Trong quá trình sử dụng trang thiết bị thí nghiệm, phương tiện phục vụ dạy và học, Trường có lấy ý kiến phản hồi từ người sử dụng về trang thiết bị [H7.3.07.25] (tích hợp trong phần mềm IU). Hằng năm ĐHTN có biên bản kiểm tra đánh giá các hoạt động của Trường về trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH năm 2017, 2018, 2019 [H7.3.07.26].

Năm 2019, Trường đã xây dựng và ban hành quy chế hợp tác với các trường phổ thông trong sử dụng thiết bị phòng thí nghiệm [H7.3.7.04]. Đã triển khai dự án phòng thí nghiệm thực hành Lý - Hóa - Sinh được đầu tư 30 tỷ đồng nhằm hỗ trợ trang thiết bị thí nghiệm thực hành hiện đại phục vụ CB thực hiện

các đề tài NCKH, và phục vụ công tác đào tạo và bồi dưỡng [H7.3.7.27]. Trường đang xây dựng nhưng chưa xong quy định khai thác và sử dụng trang thiết bị thực hành thí nghiệm tại Trường.

2. Điểm mạnh

- Trường có nhiều chế độ chính sách hỗ trợ về nhiều mặt (tổ chức, tài chính, phương pháp và cách thức) để GV thực hiện các đề tài NCKH và các hoạt động KHCN khác.

- Trường đã ban hành quy định quản lý hoạt động KHCN để hỗ trợ tốt hơn nữa các hoạt động NCKH GV và người học, đặc biệt là các NCKH về lĩnh vực khoa học giáo dục.

- Trường đã xây dựng xong phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu khoa học của GV để hỗ trợ CB GV thực hiện các đề tài NCKH.

- Trường đã ban hành quy định quản lý các nhóm nghiên cứu chuyên sâu và quy định sử dụng nguồn thu từ HTQT để phát triển công bố báo quốc tế để khuyến khích, hỗ trợ GV thực hiện các hoạt động NCKH.

- Trường đã cập nhật sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ để hỗ trợ tài chính tốt hơn nữa cho hoạt động NCKH của GV và người học.

- Trường xác định rõ các tiêu chí, điều kiện, yêu cầu trong nhiều hoạt động KHCN để GV lựa chọn cho phù hợp với mình (thực hiện đề tài các cấp, viết giáo trình, viết bài tham dự hội thảo quốc tế, hướng dẫn SV làm NCKH, viết báo khoa học,...).

- Trường thường xuyên tổ chức và triển khai nhiều hoạt động KHCN khác nhau tại Trường để các CB GV có cơ hội tham gia cho phù hợp với từng điều kiện hoàn cảnh (tổ chức hội thảo khoa học quốc tế để GV về lĩnh vực khoa học giáo dục, có cơ hội phát triển khả năng công bố quốc tế về giáo dục, có cơ hội đăng tải các bài kỉ yếu hội thảo quốc tế,...).

- Trường đã triển khai xây dựng phần mềm quản lý CSDL phục vụ CB GV và người học trong NCKH.

- Trường đã ban hành quy chế hợp tác với các trường phổ thông trong khai thác và sử dụng thiết bị thực hành thí nghiệm.

- Trường đang triển khai xây dựng quy định sử dụng trang thiết bị thực hành thí nghiệm dành cho GV, chủ nhiệm đề tài và người học.

- Trường đã công khai danh mục đề tài trang thiết bị phục vụ hoạt động NCKH của GV trên website.

3. Điểm tồn tại

- Trường đang xây dựng nhưng chưa xong quy định hướng dẫn GV, các chủ nhiệm đề tài, và các đối tượng khác trong khai thác sử dụng các trang thiết bị thí nghiệm thực hành tại Trường.

- Phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu đã xây dựng xong nhưng khâu nhập dữ liệu còn chưa xong.

- Còn một số nội dung trong định hướng của các hoạt động KHCN khác nhau tại Trường chưa thực sự phù hợp với nhiều đối tượng GV hiện nay, nên khi triển khai kế hoạch có ít GV có khả năng tham gia (việc tổ chức các hội thảo quốc tế chưa thu hút được đa số GV của Trường tham gia viết bài,...).

- Còn một số ít GV chưa tìm được hoạt động KHCN phù hợp với bản thân nên vẫn có tình trạng GV thiếu giờ NCKH theo quy định.

- Từ khi ban hành kế hoạch đến khi triển khai một số hoạt động KHCN ở Trường còn khá ít thời gian, nên CB GV và những người quan tâm không thể sắp xếp thời gian tham dự được.

- Việc giới thiệu về trang thiết bị và tra cứu thiết bị thực hành thí nghiệm chưa dễ dàng cho CB GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Kết thúc
1	Khắc phục tồn tại	Ban hành quy định sử dụng trang thiết bị thí nghiệm thực hành tại	Phòng QT-PV	1/2020	9/2020

		Trường			
2		Lựa chọn kĩ càng các chủ đề trong các hoạt động KHCN tại Trường	Phòng KH-CN&HTQT	1/2020	9/2020
3		Triển khai xây dựng phần mềm quản lý trang thiết bị thực hành thí nghiệm để quảng bá giới thiệu cho người sử dụng	Phòng QP-PV và các khoa Lý-Hóa-Sinh	1/2020	12/2021
4	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch hoạt động sớm hơn nữa để khâu chuẩn bị và tổ chức hoạt động được tốt hơn	Phòng KH-CN&HTQT	1/2020	9/2020
5		Tổ chức hướng dẫn GV cập nhật dữ liệu NCKH vào phần mềm	Phòng KH-CN&HTQT	1/2020	9/2020
6		Cập nhật dữ	Phòng KH-	1/2020	6/2020

		liệu khoa học của GV lên phần mềm	CN&HTQT		
--	--	---	---------	--	--

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Tiêu chí 3.7							
Chỉ số 3.7.1				X			
Chỉ số 3.7.2					X		
Chỉ số 3.7.3				X			
Điểm tiêu chí:	4,3						

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đối ngoại

Tiêu chí 4.8: Hợp tác vùng, địa phương

1. Mô tả

Chỉ số 4.8.1. Trường lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các khóa đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục phổ thông.

Sứ mạng của Trường đã chỉ rõ: *Trường là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu về đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục có chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ trong lĩnh vực giáo dục, phục vụ sự nghiệp giáo dục - đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, đặc biệt là khu vực Trung du miền núi phía Bắc. Đến năm 2030, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên là trường đại học trọng điểm hàng đầu của cả nước theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng trong giáo dục với ưu tiên phát triển về giáo dục STEM, giáo dục đa văn hóa, dạy - học theo tiếp cận chuẩn đầu ra; ngang tầm với các trường đại học sư*

phạm trong khu vực Đông Nam Á và xu hướng hội nhập quốc tế; kiến tạo và cung cấp môi trường học tập, NCKH giáo dục chuyên nghiệp, đảm bảo cho người học sau tốt nghiệp, đặc biệt là người dân tộc thiểu số có nền tảng học vấn rộng, chuyên sâu, có đủ năng lực cạnh tranh và thích ứng với sự thay đổi của bối cảnh giáo dục Việt Nam và Đông Nam Á [H8.4.08.01]. Như vậy, có thể thấy, sứ mạng và tầm nhìn chiến lược của Trường đã cho thấy nhu cầu hợp tác với cộng đồng địa phương và khu vực trong các hoạt động về giáo dục và chuyển giao kết quả NCKH.

Để xác định nhu cầu hợp tác với các địa phương, nhu cầu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên và CB quản lý giáo dục phổ thông, Trường đã tổ chức các đoàn công tác tới các địa phương; tổ chức các cuộc họp, các Hội nghị với lãnh đạo các địa phương, lãnh đạo các trường phổ thông của tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn, Cao Bằng, Bắc Giang, Hà Giang, Lạng Sơn... để xác định nhu cầu hợp tác. Qua đó, Trường đã tổ chức ký kết các biên bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác và hợp đồng đào tạo, bồi dưỡng với các trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường phổ thông trên địa bàn các tỉnh [H8.4.08.02].

Năm 2014, với sự hỗ trợ của Dự án Phát triển Giáo dục đại học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng giai đoạn 2 (Dự án POHE 2), Trường đã tổ chức nhiều đoàn chuyên gia thực hiện khảo sát nhu cầu đào tạo và bồi dưỡng giáo viên ở các tỉnh miền núi phía Bắc như Quảng Ninh, Tuyên Quang, Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn, Bắc Kạn,... Từ kết quả khảo sát nhu cầu của các địa phương, Trường đã thành lập nhóm chuyên gia xây dựng hơn 100 chuyên đề bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý giáo dục phổ thông [H8.4.08.03]. Ngoài ra, Trường đã hợp tác với các địa phương thực hiện nhiều đề tài NCKH, chuyển giao công nghệ nhằm bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên góp phần nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, mầm non; giáo dục kỹ năng, giá trị sống cho học sinh phổ thông; phát triển chương trình bồi dưỡng giáo viên, CB quản lý phổ thông khu vực miền núi phía Bắc. Đề tài “Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục tỉnh Bắc Kạn” đã được chuyển giao cho tỉnh Bắc Kạn và các giải pháp bồi dưỡng giáo viên được đánh giá là có

hiệu quả cao; Đề tài “Biên soạn tài liệu bồi dưỡng môn Ngữ văn cho học sinh THPT tỉnh Thái Nguyên” đã đề xuất giải pháp phát huy tính chủ động, tích cực của học sinh và biên soạn tài liệu tham khảo theo định hướng phát huy năng lực học tập môn Ngữ văn cho học sinh tỉnh Thái Nguyên. Đề tài “Nghiên cứu triển khai bồi dưỡng thường xuyên môn Địa lí bằng hình thức đào tạo từ xa cho giáo viên THPT tỉnh Thái Nguyên” đã nghiên cứu, xây dựng trang web của Trường và cơ sở dữ liệu, triển khai bồi dưỡng thường xuyên giáo viên THPT môn Địa lí bằng hình thức đào tạo từ xa [H8.4.08.04].

Năm 2017, nhằm đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng CB quản lý giáo dục phổ thông thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới, Trường đã mời chuyên gia quốc tế đến từ Trường Đại học Wollongong (Australia) tập huấn cho hơn 300 CB quản lý là hiệu trưởng, hiệu phó, tổ trưởng chuyên môn của các trường phổ thông trên địa bàn các tỉnh Thái Nguyên, Quảng Ninh, Bắc Kạn, Lào Cai, Phú Thọ, Hải Dương... về phát triển chương trình nhà trường và kinh nghiệm phát triển chương trình của Australia [H8.4.08.05]. Khóa tập huấn đã cung cấp những kiến thức, kỹ năng nền tảng giúp cho đội ngũ CB quản lý ở các địa phương triển khai thực hiện thành công quá trình đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Từ năm học 2015 – 2016 đến nay, Trường đã cử hàng trăm GV đi nghiên cứu thực tế chuyên môn trong thời gian 01 tuần ở các trường phổ thông/trường mầm non trên địa bàn các tỉnh: Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Quảng Ninh, Cao Bằng... [H8.4.08.06]. Kết quả của các đợt nghiên cứu thực tế giúp GV xây dựng các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý giáo dục phổ thông đáp ứng nhu cầu của các địa phương. Ngoài ra, đã triển khai 08 đề án phát triển cộng đồng học tập [H8.4.08.07], triển khai kế hoạch bồi dưỡng, hỗ trợ giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông mới [H8.4.08.08]. Thông qua những hoạt động này nhằm tạo cơ hội cho mọi người được học tập thường xuyên, học tập suốt đời; nâng cao năng lực cho GV của Nhà trường và năng lực của giáo viên các trường phổ thông. Bên cạnh đó, Trường cũng thường xuyên mời các giáo viên phổ thông có nhiều kinh nghiệm tham gia dạy mẫu, tập

huấn các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho SV trước khi đi thực tập sư phạm [H8.4.08.09].

Hàng năm, Trường đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị với các bên liên quan như: sở GD&ĐT, trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường phổ thông/trường mầm non thực hành sư phạm. Mục tiêu của các hội thảo, hội nghị là xin ý kiến góp ý, tư vấn, đánh giá về nội dung các chương trình bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý giáo dục của các địa phương và các chuyên gia giáo dục. Trên cơ sở phân tích các ý kiến đóng góp tại các hội thảo, hội nghị, Trường đã điều chỉnh CTĐT và bồi dưỡng giáo viên, CB quản lý giáo dục theo hướng đáp ứng nhu cầu của các trường phổ thông. Các hội nghị, hội thảo đã được tổ chức định kỳ như: hội nghị tổng kết công tác thực tập sư phạm; hội nghị tổng kết công tác thực tế chuyên môn; Hội nghị hiệu trưởng các trường phổ thông và trường mầm non; hội thảo về đổi mới CTĐT, bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý giáo dục,... [H8.4.08.10]. Thông qua các ý kiến trao đổi, thảo luận tại các hội nghị, hội thảo, Trường đã đánh giá hiệu quả của công tác phối hợp đào tạo, bồi dưỡng giữa Trường với các địa phương, với các trường phổ thông/mầm non, từ đó đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác trong phát triển CTĐT và bồi dưỡng của Trường.

Từ năm 2018, Trường đã triển khai thực hiện chương trình Bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non, THCS, THPT và Chương trình Bồi dưỡng năng lực tư vấn cho giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn cho học sinh cho hàng ngàn học viên là giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông các cấp của nhiều địa phương trên toàn quốc [H8.4.08.11]. Trường cũng đã tổ chức Hội nghị, ký kết văn bản ghi nhớ với hơn 30 đơn vị, cơ sở giáo dục phổ thông trong địa bàn tỉnh Thái Nguyên về việc sử dụng và khai thác có hiệu quả phòng thí nghiệm, thực hành đồng thời triển khai các hoạt động bồi dưỡng cụ thể cho giáo viên phổ thông nhằm hỗ trợ và từng bước nâng cao năng lực giảng dạy các môn học có nội dung thí nghiệm thực hành cho đội ngũ giáo viên phổ thông [H8.4.08.12].

Trường cũng đã xây dựng và triển khai kế hoạch Bồi dưỡng, hỗ trợ giáo viên phổ thông với mục tiêu hỗ trợ giáo viên giảng dạy các môn: Địa lý, Vật lý, Công nghệ, Sinh học, Hóa học, Tiếng Anh tại các trường THPT của tỉnh Thái Nguyên nâng cao năng lực thiết kế bài giảng, thực hiện các giờ dạy hiệu quả đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới [H8.4.08.13].

Hiện nay, Trường có 03 chương trình cấp chứng chỉ bồi dưỡng dành cho GV, giáo viên và CB quản lý giáo dục đó là: Bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ quản lý giáo dục; Bồi dưỡng cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dành cho GV các cơ sở giáo dục đại học; Bồi dưỡng cấp chứng chỉ theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên các cấp [H8.4.08.14].

Nhằm tạo điều kiện, cơ hội cho mọi người được học tập thường xuyên, học tập suốt đời, đặc biệt để tạo sự ảnh hưởng của GV tới giáo viên cùng chuyên ngành ở trường phổ thông, cơ sở giáo dục mầm non; tạo sự kết nối, chia sẻ, hợp tác và môi trường học tập trong GV, giáo viên phổ thông, giáo viên mầm non phát triển nghề nghiệp liên tục, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non, Trường đã xây dựng quy định và triển khai hoạt động cộng đồng học tập chuyên môn thuộc Trường DHSP-ĐHTN [H8.4.08.15].

Chỉ số 4.8.2. Trường thường xuyên phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục.

Trường thường xuyên phối kết hợp với các trường đại học và các bên có liên quan triển khai các hoạt động và tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục.

Hằng năm, Trường thường tổ chức các hoạt động các hoạt động tư vấn tuyển sinh nhằm giới thiệu, quảng bá rộng rãi trong xã hội về hình ảnh, thương hiệu Nhà trường; giúp thí sinh có cái nhìn tổng quát và đầy đủ nhất về Trường cũng như phương án tuyển sinh của Nhà trường. Từ đó, nhằm thu hút đông đảo thí sinh, đăng ký xét tuyển vào Trường [H8.4.08.16].

Nhằm giúp SV trau dồi kỹ năng nghề nghiệp cũng như tạo cho SV năm cuối sau khi ra trường có thêm nhiều cơ hội việc làm, Trường tổ chức các hoạt động ngày hội việc làm cho SV, tạo cơ hội cho SV được giao lưu, tìm hiểu về cơ

hội việc làm cũng như lắng nghe những chia sẻ đến từ những thầy cô là quản lý các trường phổ thông. Trong buổi giao lưu của ngày Hội, SV được giải đáp những thắc mắc về thông tin tuyển dụng, cơ hội việc làm cũng như trau dồi cho mình những kinh nghiệm nghiệp vụ sư phạm quý báu [H8.4.08.17].

Trường đã phối hợp với Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo), Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương tổ chức khóa tập huấn về “Phát triển CTĐT giáo viên phổ thông” cho 133 cơ sở đào tạo giáo viên trong cả nước. Trường cử nhiều đoàn chuyên gia xuống trực tiếp các trường đại học, cao đẳng để chia sẻ kinh nghiệm về phát triển CTĐT giáo viên như: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, Trường Đại học Đồng Tháp, Trường Đại học Tài chính – Marketing Thành phố Hồ Chí Minh, Trường CĐSP Ngô Gia Tự (Bắc Giang), Trường CĐSP Lạng Sơn, Trường CĐSP Điện Biên, Trường CĐSP Vĩnh Phúc, Trường CĐSP Hà Giang,...[H8.4.08.18]. Trường đã phối hợp với trường Cao đẳng Đông Khăm Xang nước CHDCND Lào để tổ chức các lớp bồi dưỡng về phương pháp NCKH giáo dục, phát triển CTĐT giáo viên cho GV của 7 trường cao đẳng sư phạm nước CHDCND Lào [H8.4.08.19].

Từ năm 2012 đến năm 2015, cùng với 7 trường đại học khác trong cả nước, Trường đã được tham gia Dự án Phát triển Giáo dục đại học theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng (POHE) giai đoạn 2. Với sự tư vấn, hỗ trợ của các chuyên gia giáo dục Hà Lan, Trường đã tiến hành xây dựng CTĐT, bồi dưỡng năng lực GV và đào tạo SV theo định hướng nghề nghiệp - ứng dụng [H8.4.08.20]. Thông qua việc thực hiện Dự án POHE 2, Trường đã nâng cao được năng lực phát triển chương trình và tổ chức quá trình đào tạo theo định hướng nghề nghiệp ứng dụng cho đội ngũ GV của Trường. Ngoài ra, Trường đã phối hợp với 6 trường đại học sư phạm chủ chốt trong cả nước tổ chức nhiều hội nghị về phát triển CTĐT, đổi mới chương trình bồi dưỡng giáo viên và nâng cao năng lực cho đội ngũ GV sư phạm [H8.4.08.21].

Năm 2015, Trường đã tổ chức hội thảo quốc tế “Phát triển CTĐT giáo viên: Cơ hội và thách thức” với sự tham gia của 14 chuyên gia giáo dục đến từ Nhật Bản, Đài Loan, CHDCND Lào và nhiều GV của các trường sư phạm trong cả nước, tạo diễn đàn học thuật cho GV của Trường và các nhà khoa học trao đổi kinh nghiệm [H8.4.08.22]. Năm 2016, Trường đã tiếp tục tổ chức thành công hội thảo quốc tế “Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục” với sự tham gia của hàng chục chuyên gia giáo dục đến từ Australia, Đức, Đài Loan, Thái Lan, Lào và các chuyên gia giáo dục trong cả nước [H8.4.08.23]. Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, bối cảnh của đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và khẳng định vai trò của giáo dục STEM/STEAM trong chương trình giáo dục phổ thông mới, Tháng 7/2018, Trường tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế ICTER với chủ đề “Đào tạo giáo viên trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0” và tháng 9/2019, Trường tổ chức Hội thảo khoa học quốc tế ICTER với chủ đề "I AM STEM 2019" [H8.4.08.24] .

Năm 2018, Trường đã phối hợp với Viện Toán học – Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam tổ chức thành công “Hội thảo khoa học CB trẻ về Toán học – Nói chuyện chuyên đề và hoạt động khóa ngày với toán học”. Tham dự Hội thảo gồm có nhiều nhà khoa học và CB của Viện Toán học, hơn 30 GV, 250 SV, học viên cao học, nghiên cứu sinh của khoa Toán. Đặc biệt hội thảo thu hút hơn 60 giáo viên là Hiệu trưởng, hiệu phó, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên chủ chốt ở các trường THPT, THCS và Tiểu học trên địa bàn Thái Nguyên tham gia [H8.4.08.25].

Để thực hiện rà soát CTĐT, tháng 11/2018, Trường tổ chức Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về chuẩn đầu ra các CTĐT nhằm thực hiện việc rà soát, cập nhật và điều chỉnh các CTĐT để nâng cao chất lượng đào tạo SV đáp ứng yêu cầu của xã hội, của nhà tuyển dụng [H8.4.08.26].

Nhằm tạo tạo sự kết nối, chia sẻ, hợp tác và môi trường học tập trong GV, giáo viên phổ thông, giáo viên mầm non phát triển nghề nghiệp liên tục, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non, hàng năm Trường

thường xuyên cử khoảng 25-30 giáo viên đi nghiên cứu thực tế tại trường phổ thông/mầm non, triển khai hoạt động cộng đồng học tập chuyên môn thuộc Trường DHSP-ĐHTN [H8.4.08.27].

Hàng năm, Trường đã triển khai thực hiện chương trình Bồi dưỡng theo chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên Mầm non, THCS, THPT và Chương trình Bồi dưỡng năng lực tư vấn cho giáo viên phổ thông làm công tác tư vấn cho học sinh cho hàng ngàn học viên là giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông các cấp của nhiều địa phương trên toàn quốc [H8.4.08.28]. Trường cũng đã tổ chức Hội nghị, ký kết văn bản hợp tác với hơn 30 đơn vị, cơ sở giáo dục phổ thông trong địa bàn tỉnh Thái Nguyên về việc sử dụng và khai thác có hiệu quả phòng thí nghiệm, thực hành đồng thời triển khai các hoạt động bồi dưỡng cụ thể cho giáo viên phổ thông nhằm hỗ trợ và từng bước nâng cao năng lực giảng dạy các môn học có nội dung thí nghiệm thực hành cho đội ngũ giáo viên phổ thông [H8.4.08.29].

2. Điểm mạnh

- Trường đã ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác với các địa phương, các trường đại học trong nước để tổ chức nhiều sự kiện về khoa học giáo dục, phối hợp bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên, CB quản lý giáo dục phổ thông và đội ngũ GV sư phạm.

- Trường thường xuyên phối kết hợp tổ chức các hội thảo, hội nghị, sự kiện về khoa học giáo dục nhằm đổi mới CTĐT, chương trình bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý giáo dục phổ thông.

3. Điểm tồn tại

- Số lượng các lớp bồi dưỡng thường xuyên dành cho giáo viên và CB quản lý giáo dục phổ thông ở các địa phương còn ít.

- Hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ giáo viên, CB quản lý giáo dục phổ thông của Trường với các địa phương mới chỉ tập trung chủ yếu ở phạm vi các tỉnh miền núi phía Bắc.

- Đề tài NCKH; các hoạt động chuyển giao công nghệ giữa Nhà trường với các địa phương còn ít.

- Hoạt động tư vấn, truyền thông giới thiệu về các sự kiện giáo dục, công tác tuyển sinh, quảng bá hình ảnh Nhà trường chưa phong phú, đa dạng.

- Hiệu quả của các hoạt động hợp tác với các bên liên quan chưa được định kỳ đánh giá để xây dựng kế hoạch cải tiến.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch và phối kết hợp với các địa phương, các viện nghiên cứu và các trường đại học trong cả nước để tổ chức các sự kiện về khoa học giáo dục	Phòng Đào tạo, Phòng Hành chính – Tổ chức, Phòng KHCN&HTQT	1/2020	12/2020
2	Khắc phục tồn tại	Xây dựng chương trình hợp tác với các địa phương trong công tác bồi dưỡng thường xuyên dành cho giáo viên và CB quản lý giáo dục phổ thông	Phòng Đào tạo, Phòng Hành chính – Tổ chức	1/2020	12/2020

		Đẩy mạnh các hoạt động NCKH thuộc lĩnh vực KHGD để chuyển giao các nghiên cứu của KHGD cho các địa phương	Phòng Đào tạo, Phòng KHCN&HTQT	1/2020	12/2020
		Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sự kiện về khoa học giáo dục và phối kết hợp với các địa phương, các viện nghiên cứu và các trường đại học trong NCKH giáo dục	Phòng Đào tạo, Phòng Hành chính – Tổ chức, Phòng KHCN&HTQT	1/2020	12/2020
		Triển khai phong phú, đa dạng các hoạt động tư vấn, truyền thông giới thiệu về các sự kiện giáo dục, công tác tuyển sinh và quảng bá về hình ảnh của Nhà trường	Phòng Đào tạo, Phòng Hành chính – Tổ chức, Phòng KHCN&HTQT; Phòng CTHS-SV	1/2020	12/2020
		Xây dựng kế	Phòng Đào tạo,	1/2020	12/2020

		hoạch định kỳ đánh giá các hoạt động hợp tác với các bên liên quan	Phòng KT&BĐCLGD, Các Khoa/Bộ môn		
--	--	---	---	--	--

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.8.1				X			
Chỉ số 4.8.2				X			
Điểm tiêu chí	4,0						

Tiêu chí 4.9: Hợp tác quốc tế

1. Mô tả

Chỉ số 4.9.1. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên và người học tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản trong các mạng lưới này.

Chính sách khuyến khích GV và người học của Trường tham gia các mạng lưới quốc tế, các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030, Quy định về quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế, Quy định sử dụng nguồn thu từ hoạt động hợp tác quốc tế để phát triển công bố quốc tế và Quy chế chi tiêu nội bộ, Thỏa thuận thực hiện Chương trình ETEP [H9.4.9.01], [H9.4.9.02], [H9.4.9.03], [H6.3.06.03], [H6.3.06.05]. Trường coi trọng việc “tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi để CB, GV có thể đi học ở nước ngoài nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và mở rộng mối quan hệ với các cá nhân, đối tác quốc tế”; “tạo điều kiện để SV, học viên được học tập trong một môi trường giáo dục phát triển” [H9.4.9.01]. Trường xác định nguyên tắc tổ chức thực hiện

các hoạt động hợp tác quốc tế là “*khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho các đơn vị và cá nhân phát triển hoạt động hợp tác quốc tế*” [H9.4.9.02].

Trường hỗ trợ về tài chính (chi vé máy, tiền ở, tiền ăn, tiền đi lại ...) theo đúng Thông tư số 102/2012/TT-BTC cho VC và người lao động của Trường đi công tác ở nước ngoài. Đồng thời Trường cũng xem xét, tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ thủ tục ra quyết định, làm hộ chiếu và visa, các thủ tục xuất nhập cảnh cho GV và người học trong các chuyến công tác và học tập tại nước ngoài [H9.4.9.02], [H9.4.9.03], [H6.3.06.05].

Năm học 2016-2017, Trường đã tổ chức 10 đoàn CBQL và GV đi trao đổi kinh nghiệm quản lý, bàn bạc triển khai các hoạt động hợp tác trong đào tạo, NCKH ngắn hạn, nghiên cứu chuyên đề, hội nghị, hội thảo ở Nhật Bản, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Thái Lan [H9.4.9.04]; 05 GV đi học tiến sĩ ở nước ngoài [H9.4.9.08]; 12 SV đi tham gia trao đổi nghiên cứu, giao lưu văn hóa ở Đài Loan [H9.4.09.05].

Năm học 2017-2018, Trường đã tổ chức 13 đoàn CB, GV, SV đi công tác, học tập, tập huấn, tham dự trại hè quốc tế tại Úc, Philippines, Đài Loan, Lào, Thái Lan, Trung Quốc với tổng số lượt khách ra là 54 người [H.9.4.09.04]. Từ tháng 8/2018 đến nay, Trường đã cử 04 đoàn CB, GV đi công tác, tham dự khóa tập huấn và hội thảo quốc tế tại Trung Quốc, Mỹ, Hungary, Phần Lan với tổng số lượt khách ra là 10 người [H.9.4.09.04]; 12 GV đi học nghiên cứu sinh và 02 GV đi học thạc sĩ ở nước ngoài [H.9.4.09.08].

Trong năm học 2016-2017, Trường đã tổ chức 01 hội thảo quốc tế và 07 hội thảo chuyên đề có yếu tố nước ngoài với sự tham gia của các chuyên gia giáo dục đến từ Nhật Bản, Australia, Hoa Kỳ, Đức, Đài Loan, Thái Lan, Lào [H9.4.09.11].

Trong năm học 2017-2018, Trường đã tổ chức 01 hội thảo quốc tế và 12 hội thảo, hội nghị có yếu tố nước ngoài. Từ tháng 8/2018 đến nay, Trường đã tổ chức 01 hội thảo quốc tế và 02 hội nghị, hội thảo có yếu tố nước ngoài [H.9.4.09.11].

Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, nguồn thu từ các hoạt động hợp tác quốc tế tăng lên [H9.4.09.02]; SV quốc tế học tập tại Trường ở tất cả các diện tăng lên về số lượng và ngày càng đa dạng về quốc tịch [H9.4.09.13]; số lượng bài báo được đăng tải trên các tạp chí uy tín của quốc tế trong năm học 2016-2017 đã tăng 150% so với năm học trước và số lượng bài báo quốc tế trong năm học 2017-2018 tăng 160% so với năm học 2016-2017 [H9.4.09.13]; năng lực ngoại ngữ và phong cách làm việc của GV và SV đều được cải thiện; môi trường giáo dục đang dần được quốc tế hóa; vai trò và vị thế của Trường cũng được khẳng định và nâng cao trong khu vực và trên thế giới.

Các hoạt động này được đánh giá hằng năm trong các báo cáo tổng kết năm học, trong đó xác định các thành tựu đã đạt được của Trường và những tồn tại trong việc thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển hợp tác quốc tế. Trên cơ sở đó, Trường cũng đề ra phương hướng hoạt động và các giải pháp nhằm thực hiện các phương hướng đó [H9.4.09.13].

Trong hai năm học 2015-2016 và 2016-2017, Trường đã kí kết 05 Biên bản ghi nhớ, Thỏa thuận hợp tác và Hợp đồng đào tạo với các cơ sở giáo dục của Đài Loan, Thái Lan và Lào [H9.4.09.07].

Trong năm học 2016-2017, Trường đã tiếp nhận 03 GV và 14 học viên cao học của Trường Đại học Wollongong (Australia) thực tập nghề nghiệp tại các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; 18 SV chuyên ngành tiếng Việt du lịch của Đại học Udon Thani Rajabhat (Thái Lan) tham dự Khóa học Ngôn ngữ, Văn hóa và Nghệ thuật Việt Nam; 29 SV của Trường Đại học Fengchia (Đài Loan) tham gia các khóa học Tiếng Việt và trải nghiệm văn hóa Việt Nam [H9.4.09.05]; đào tạo liên thông từ cao đẳng lên đại học cho hàng chục SV tốt nghiệp các trường cao đẳng sư phạm của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào [H9.4.09.09].

Năm học 2016-2017, Trường mua vé máy bay, hỗ trợ kinh phí đi lại, giảng dạy, bố trí chỗ ăn, ở cho 32 chuyên gia giáo dục từ các trường đại học có uy tín ở trên thế giới từ Nhật Bản, Đức, Australia, Đài Loan ... đến giảng dạy các chuyên đề cho học viên cao học, tổ chức hội thảo chuyên đề tại các khoa và

tham gia hội thảo quốc tế [H9.4.09.07]. 10 GV được cử đi bồi dưỡng, tập huấn về phát triển chương trình và phát triển chuyên môn ở các nước có nền giáo dục phát triển như Australia, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Thái Lan [H9.4.09.04]. 12 SV của Trường cũng được thụ hưởng các hỗ trợ của trường đối tác để tham gia các chương trình trao đổi nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ, hiểu biết về văn hóa và được mở rộng, giao lưu trao đổi quốc tế [H9.4.09.05].

Những hoạt động hợp tác này tiếp tục được duy trì và đẩy mạnh phát triển trong năm học 2018. Trường đang xây dựng cơ chế chính sách thu hút GV, chuyên gia, thực tập sinh, SV, học viên nước ngoài. Cơ chế, chính sách này sẽ được ban hành vào năm 2019 [H9.4.09.03]. Trường đã kí kết 09 Biên bản ghi nhớ hợp tác với các trường đại học nước ngoài [H9.4.09.07].

Từ tháng 7/2017 đến tháng 12/2018, Trường đã kí kết 11 Biên bản ghi nhớ và 05 Hợp đồng đào tạo với các trường đại học nước ngoài. Đây là những căn cứ quan trọng để Trường triển khai các hoạt động hợp tác trong đào tạo, trao đổi SV, bồi dưỡng GV và hợp tác NCKH, công bố các công trình chung.

Trường đã tiếp nhận 45 đoàn khách quốc tế tới công tác, học tập với 312 người (tăng 10 đoàn khách và 91 khách so với năm 2017) [H9.4.09.10]. Cụ thể: tiếp nhận 02 GV và 11 học viên cao học của Trường Đại học Wollongong (Australia) thực tập nghề nghiệp tại các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; 09 SV chuyên ngành tiếng Việt du lịch của Đại học Udon Thani Rajabhat và Sipalkorn (Thái Lan) tham dự Khóa học Tiếng Việt nâng cao; 40 SV của Trường Đại học Fengchia (Đài Loan) tham gia các khóa học Tiếng Việt và trải nghiệm văn hóa Việt Nam; 11 GV, SV Trường Đại học Giáo dục Đài Bắc đến giao lưu và trải nghiệm văn hóa địa phương [H9.4.09.32]; 40 GV, học viên, SV Nhật Bản tham dự Trường quốc tế về đại số giao hoán; 01 trợ giảng tiếng Anh thuộc Chương trình Fulbright [H9.4.09.10]; cấp học bổng đào tạo tiếng Việt, liên thông từ cao đẳng lên đại học, cao học, nghiên cứu sinh cho 36 SV thuộc các trường cao đẳng của nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào [H9.4.09.09]. Trường huy động nhiều nguồn lực khác nhau hỗ trợ kinh phí đi lại, giảng dạy, bố trí chỗ ăn, ở thu hút 73 GV, chuyên gia nước ngoài từ Mỹ,

Nhật Bản, Đức, Australia, New Zealand, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan đến giảng dạy các chuyên đề cho học viên cao học, tổ chức hội thảo chuyên đề tại các khoa và tham gia hội thảo quốc tế [H9.4.09.11]. Năm học 2018-2019, Trường đã ký kết mới 12 biên bản hợp tác với các trường đại học nước ngoài với 16 đoàn công tác và làm việc với các trường đối tác ở Đài Loan, Hồng Kông, Campuchia, Thái Lan, Úc, Mỹ, Nga, Hungary, Nhật Bản, Hàn Quốc và CHDCND Lào [H9.4.09.07]. Ngoài ra, trong năm học 2018-2019, Trường cũng đã cử nhiều đoàn CB, GV đi tham dự, báo cáo, chia sẻ kết quả nghiên cứu của các đề tài KHCN tại các hội thảo quốc tế tại Nhật Bản, Campuchia, Thái Lan và Úc [H9.4.09.11]. Trường đã ban hành chính sách thu hút chuyên gia quốc tế, thực tập sinh và SV quốc tế đến giảng dạy, học tập tại Trường [H9.4.09.03]. Các chính sách này hỗ trợ GV tham gia các hội thảo, hội nghị quốc tế và công bố bài báo trên các tạp chí quốc tế có uy tín, góp phần nâng cao vị thế của Trường trong khu vực và trên thế giới.

Chỉ số 4.9.2. Trường hỗ trợ phát triển các chương trình liên kết đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và các đối tác nước ngoài; tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường, toàn cầu hóa trong chương trình đào tạo và bồi dưỡng.

Chương trình liên kết đào tạo ở các bậc học với các đối tác đến từ các nước phát triển, hoặc các nước có sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính thức vẫn là điểm tồn tại của Trường. Trường đặt mục tiêu xây dựng 01 chương trình liên kết đào tạo quốc tế trong năm 2019 để khắc phục hạn chế này [H6.3.06.03]. Năm học 2018-2019, Trường đã mời 01 GV khoa Toán – Tin của Trường Đại học Feng Chia (Đài Loan) sang giảng dạy cho SV ngành Cử nhân Sư phạm giảng dạy Toán bằng tiếng Anh [H9.4.09.15]. Ngoài ra, Trường đã được Quỹ Fulbright cử 01 GV Hoa Kỳ tham gia giảng dạy tiếng Anh cho SV Bộ môn Ngoại ngữ trong năm học 2019-2020 và nhiều thực tập sinh đến từ các nước Thái Lan, Đài Loan,... Trường cũng đã phối hợp với các trường đại học đối tác như trường Đại học Khon Kaen (Thái Lan), trường Đại học Wollongong (Úc) và trường Đại học Sunshine Coast (Úc) để tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng

nâng cao năng lực cho đội ngũ CB, quản lý về giáo dục STEM, xây dựng kế hoạch chiến lược, đổi mới phương pháp dạy học, giáo dục khởi nghiệp,... [H9.4.09.11]. Trường đã phối hợp với Đại học Quốc gia Đài Loan để xây dựng CTĐT liên kết quốc tế ngành thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh, phối hợp với Học viện Ngoại ngữ Hà Bắc xây dựng CTĐT tiếng Việt cho lưu học sinh Trung Quốc [H9.4.09.16].

Trường thường niên đánh giá hiệu quả và xác định những tồn tại trong các hoạt động hợp tác quốc tế. Qua đó, Trường cũng đưa ra những đề xuất, kiến nghị nhằm tăng cường và mở rộng hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa Trường và các đối tác quốc tế [H9.4.09.07].

Trường đã tích hợp các vấn đề toàn cầu về giới tính, môi trường và toàn cầu hóa trong CTĐT thể hiện qua các môn học như Môi trường và phát triển, Biến đổi khí hậu, Kỹ thuật xử lý môi trường, Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa, Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, Tâm lý học giới tính, Chuyên đề Giới và việc làm, Giáo dục giới tính cho trẻ mầm non, Cơ sở Văn hóa Việt Nam [H9.4.09.23]. Nhằm đánh giá thực trạng chất lượng của các CTĐT và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng, tháng 2/2017, Trường đã tiến hành tự đánh giá các CTĐT của 14 khoa và bộ môn trực thuộc theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT ban hành. Năm học 2018-2019, Trường đã hoàn thành đánh giá ngoài 07 CTĐT nhằm cải tiến chất lượng đào tạo, qua đó tích hợp, cập nhật những vấn đề toàn cầu hóa vào các CTĐT và bồi dưỡng của Trường [H9.4.09.11]. Trường cũng đã tổ chức Hội thảo quốc tế ICTER về “Đổi mới đào tạo giáo viên trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0” để đưa những vấn đề như phát triển chương trình, giáo dục STEM, công nghệ 4.0,... vào CTĐT. Ngoài ra, Trường đã tổ chức thành công 05 hội thảo chuyên đề, seminar có yếu tố nước ngoài. Các hội thảo chuyên đề có yếu tố nước ngoài đều tập trung vào nâng cao năng lực đổi mới chương trình, phương pháp dạy học cho đội ngũ CB GV, SV phù hợp với chiến lược phát triển của Trường [H9.4.09.11], [H6.3.06.36], [H9.4.09.12].

Chỉ số 4.9.3. Trường có chính sách và triển khai thực hiện để giảng viên và người học đạt được mức độ thông thạo ngoại ngữ theo quy định.

Trường xác định bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho CBQL, VC là một trong giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ trong “Các đề án toàn khóa của Đảng bộ Trường Đại học Sư phạm nhiệm kỳ 2015-2020” [H9.4.09.20]. Trường cũng ban hành “Đề án Bồi dưỡng ngoại ngữ và chiến lược ngoại ngữ cho CB GV giai đoạn 2012-2015, hướng tới 2020”, quy định năng lực ngoại ngữ của GV và SV Trường Đại học Sư phạm, xây dựng lộ trình bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV theo năm học và giao cho Trung tâm Ngoại ngữ Sư phạm Việt Bắc triển khai thực hiện đề án [H9.4.09.22]. Năm học 2018-2019, để giúp SV đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định, Trường đã tổ chức các khóa học bồi dưỡng cho SV đạt chuẩn ngoại ngữ theo các lớp tiếng Anh tăng cường [H9.4.09.22].

Để tạo động lực cho GV hoàn thành chuẩn ngoại ngữ, Trường đã có quy định đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ bồi dưỡng ngoại ngữ theo nhiệm vụ năm học, đồng thời lấy kết quả bồi dưỡng làm căn cứ để xét thi đua cuối năm và xét lương tăng thêm cho GV [H9.4.9.28]. Ngoài ra, Trường có hướng dẫn khuyến khích GV đạt chuẩn ngoại ngữ soạn đề cương bài giảng và tổ chức giảng dạy bằng tiếng Anh. Đạt chuẩn về ngoại ngữ (A2 với chuyên viên, B1 với GV) cũng là một yêu cầu của Trường khi tuyển dụng [H9.4.9.26]. Năm học 2018-2019, Trường đã ban hành chính sách thu hút chuyên gia quốc tế, thực tập sinh và SV quốc tế đến giảng dạy, học tập tại Trường nhằm tạo môi trường trao đổi học thuật quốc tế cho GV trong sử dụng tiếng Anh. Ngoài ra, Trường đã hoàn thiện Đề án ngoại ngữ, quy định chuẩn ngoại ngữ đối với GV và các chính sách hỗ trợ GV nâng cao năng lực ngoại ngữ, ví dụ như miễn giờ dạy cho GV đi học ngoại ngữ để đạt chuẩn quy định. Tổ chức câu lạc bộ CLB tiếng Anh dành cho GV với sự hỗ trợ của GV đến từ Hoa Kỳ thuộc Chương trình Fulbright [H9.4.9.28].

Hằng năm, Trường tổ chức các kì thi đánh giá năng lực ngoại ngữ nhằm xác định trình độ, đánh giá việc thực hiện lộ trình nâng cao năng lực ngoại ngữ

của GV và đưa ra những giải pháp giúp GV đạt được yêu cầu quy định [H9.4.09.20]. Đồng thời, Trường tổ chức các kì thi đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào và thường xuyên cho người học [H9.4.09.29]. Thông qua kết quả đánh giá người học, Trường đã có những điều chỉnh về CTĐT, hình thức tổ chức dạy học và về CDR cho phù hợp với thực tiễn [H9.4.09.26].

Nhằm hỗ trợ GV và người học đạt chuẩn về trình độ ngoại ngữ, Trường xây dựng nhiều chương trình học tập và bồi dưỡng miễn phí ngoại ngữ do GV của Trường và người nước ngoài giảng dạy cho GV và SV [H9.4.09.22]. Thông qua các hoạt động quốc tế hóa và các chính sách hỗ trợ của Trường, nhiều GV và SV đã đi học tập, nghiên cứu, bồi dưỡng, trao đổi, tham dự hội thảo, hội nghị quốc tế ở nước ngoài, hợp tác nghiên cứu và công bố chung [H6.3.06.36]. Từ năm học 2018-2019, Trường đã triển khai xây dựng 04 CTĐT giáo viên giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh (Sur phạm Toán, Sur phạm Sinh học, Sur phạm Vật lý, Sur phạm Hóa học) và một số môn học được yêu cầu giảng dạy bằng tiếng Anh, trong đó CTĐT giáo viên giảng dạy môn Toán bằng tiếng Anh đã được thực hiện từ năm học 2019-2020 với khoảng 50% số học phần được giảng dạy bằng tiếng Anh [H9.4.09.23]. Ngoài ra, Trường có các chính sách khuyến khích GV công bố quốc tế, chính sách khuyến khích CB, GV tham gia và báo cáo tại các hội thảo quốc tế ở nước ngoài và định kỳ hằng năm tổ chức hội thảo quốc tế tại Trường nhằm tạo cơ hội giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm và trao đổi học thuật giữa GV của Trường với các nhà khoa học đến từ nhiều nước trên thế giới [H9.4.09.11].

2. Điểm mạnh

Trường có nhiều hoạt động hợp tác quốc tế, qua đó năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và trình độ ngoại ngữ của CB, GV và người học được nâng cao. SV quốc tế đến học tập tại Trường thuộc tất cả các diện ngày càng tăng về số lượng và đa dạng về quốc tịch. Trường đã có các chính sách cụ thể khuyến khích GV và người tham gia các các hội thảo, dự án, các chương trình nghiên cứu và xuất bản các công trình trong mạng lưới quốc tế. Hội thảo quốc tế và hội thảo chuyên đề có yếu tố nước ngoài được tổ chức định kì và thường xuyên. Hoạt động hợp

tác với các cơ sở giáo dục nước ngoài được tăng cường về số lượng và chất lượng, phù hợp với mục tiêu phát triển của Trường. Ban hành được các quy định nhằm thúc đẩy công bố quốc tế, đặc biệt là công bố quốc tế trong lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn và khoa học giáo dục.

3. Điểm tồn tại

Trường chưa có các chương trình liên kết đào tạo với các đối tác nước ngoài. Các công bố quốc tế và NCKH với các đối tác nước ngoài của các ngành khoa học xã hội và khoa học giáo dục còn ít. Năng lực ngoại ngữ của nhiều CB, GV và SV chưa đạt yêu cầu quy định. Hoạt động hợp tác, chia sẻ trong mạng lưới các trường đại học sư phạm và mạng lưới các trường đại học trong khu vực ASEAN còn ít, hiệu quả thấp.

4. Kế hoạch hành động

Xây dựng đề án liên kết đào tạo với một trường đại học của Đài Loan hoặc Philipines. Xây dựng kế hoạch kí kết các văn bản hợp tác với các Viện nghiên cứu và các trường ĐH khác ở trong nước. Xây dựng chính sách hỗ trợ GV của Trường thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học giáo dục công bố các công trình nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế. Xây dựng cơ chế khuyến khích, tạo động lực cho GV hoàn thành chuẩn ngoại ngữ theo quy định. Tổ chức hội thảo quốc tế và hội thảo chuyên đề có yếu tố nước ngoài. Ban hành chính sách hỗ trợ người học tham gia hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo khoa học, công bố kết quả NCKH.

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng 01 chương trình liên kết đào tạo với một trường đại học của Đài Loan hoặc	Phòng Đào tạo, BQL Chương trình ETEP, Bộ môn Ngoại	01/2020	12/2020

		Philippines	ngữ		
		Ban hành quy định điều chỉnh về chuẩn năng lực ngoại ngữ cho GV	Phòng HC-TC	12/2019	12/2020
		Xây dựng kế hoạch và tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa nhằm nâng cao năng lực ngoại ngữ cho GV, SV	Phòng HC-TC phối hợp với Bộ môn Ngoại ngữ, Đoàn TN&Hội SV	12/2019	12/2020
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức 01 hội thảo quốc tế và 05 hội thảo chuyên đề có yếu tố nước ngoài.	Phòng KH-CN&HTQT	12/2019	12/2020
		Xây dựng và ban hành cơ chế, kế hoạch thu hút chuyên gia nước ngoài, thực tập sinh quốc tế đến trao đổi học thuật, giảng dạy ngoại ngữ.	Phòng KH-CN&HTQT	12/2019	12/2020

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.9.1				X			
Chỉ số 4.9.2			X				
Chỉ số 4.9.3				X			

Điểm tiêu chí:	3,7
-----------------------	------------

Tiêu chí 4.10: Hợp tác với các tổ chức khác

1. Mô tả

Chỉ số 4.10.1. Trường cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác theo nhiều mục tiêu khác nhau.

Trường xác định sứ mạng “là cơ sở đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, CBQL giáo dục có chất lượng cao”. Việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho các trường đại học, cao đẳng sư phạm và các trường đại học, cao đẳng khác được thực hiện thông qua các CTĐT thạc sĩ, nghiên cứu sinh và các chương trình bồi dưỡng ngắn hạn.

Năm học 2018-2019, Trường tiếp tục đào tạo các nghiên cứu sinh, các NCS đều là các CB GV, nghiên cứu viên đến từ các trường Đại học, Cao đẳng và THPT như Trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh, Đại học Công nghiệp Hà Nội, Đại học Tân Trào, Hùng Vương, ĐHTN và nước CHDCND Lào... [H4.10.01.01].

Trường cũng đang đào tạo nhiều học viên cao học là CB, GV các trường đại học, cao đẳng như Trường Đại học Hùng Vương, Đại học Tân Trào, Đại học Nông Lâm Bắc Giang, Đại học Y Dược, Khoa Ngoại ngữ, Đại học Khoa học, Đại học Nông lâm thuộc ĐHTN,... Số lượng học viên cao học từ nước CHDCND Lào ngày một tăng [H4.10.01.02].

Trong năm học 2018-2019, Trường đã bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp GV cho các trường Đại học Lâm Nghiệp, ĐH Giao Thông vận tải TP HCM, CĐSP Điện Biên, CĐSP Bắc Ninh, Cao đẳng Thống Kê Bắc Ninh, Cao đẳng Nghề Buôn Mê Thuật, CĐSP Thái Nguyên, các trường Đại học thuộc ĐHTN. Trường đã hỗ trợ Trường Đại học Thủ Đức, Đại học Hải Phòng và Đại học Đồng Tháp về phát triển chương trình, chuẩn chức danh nghề nghiệp; đã bồi dưỡng ngoại ngữ cho Trường dự bị Đại học Việt Trì. Ngoài ra, Trường đã bồi dưỡng chuẩn chức

danh giáo viên, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên các trường phổ thông với số lượng lớn [H4.10.01.03].

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cung cấp cho các cơ sở giáo dục đại học, năm 2018-2019, Trường đã triển khai xây dựng 04 CTĐT cử nhân sư phạm Toán, Vật lý, Hóa học và Sinh học bằng tiếng Anh và đang triển khai xây dựng 01 chương trình thạc sĩ ngôn ngữ Anh [H4.10.01.04].

Những hoạt động đào tạo, bồi dưỡng này đều được tổng kết, rút kinh nghiệm tại các hội nghị thường niên của Trường. Trường cũng thường xuyên tổ chức khảo sát lấy ý kiến của cựu SV, cựu học viên, các nhà tuyển dụng để điều chỉnh hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhằm cung cấp nguồn nhân lực chất lượng tốt hơn cho các trường trong năm học tiếp theo [H4.10.01.05]. Tuy nhiên, để đào tạo được nguồn nhân lực có chất lượng tốt hơn, trong thời gian tới Trường cần xây dựng nhiều hơn các CTĐT bằng tiếng Anh, CTĐT chất lượng cao, chương trình liên kết quốc tế.

Chỉ số 4.10.2. Trường tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm, các trường đại học và các tổ chức khác nhằm chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn.

Việc tham gia mạng lưới các trường đại học sư phạm và các trường đại học khác đã được xác định trong Kế hoạch chiến lược Trường: “giữ gìn, phát huy, mở rộng các quan hệ hợp tác với các trường đại học và các tổ chức quốc tế một cách có hiệu quả”. Thực hiện kế hoạch này, Trường đã ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác đào tạo, NCKH với các trường đại học và cao đẳng sư phạm. Đặc biệt, trong năm học 2018-2019, Trường đã tổ chức ký kết các biên bản ghi nhớ hợp tác về đào tạo và NCKH với các viện nghiên cứu trong nước như Viện Địa lý, Viện Hóa học, Viện Toán, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Đại học Thể dục Thể thao Từ Sơn, Viện Công nghệ Sinh học... [H4.10.02.01]. Trường đã phối hợp với các trường đại học sư phạm trọng điểm, các trường đại học, cao đẳng có đào tạo giáo viên khác trong công tác xây dựng đề án quy hoạch và sắp xếp lại các cơ sở đào tạo giáo viên.

Năm 2018, Trường cũng tổ chức 01 hội thảo quốc tế, nhiều hội thảo chuyên đề quốc tế, nhiều hội thảo quốc gia và các seminar nhằm chia sẻ những

kinh nghiệm trong phát triển CTĐT, bồi dưỡng giáo viên, cũng như các chính sách quốc gia có vai trò phát triển, chiến lược đã thu hút sự tham gia của nhiều GV từ các trường đại học, cao đẳng trong cả nước. Trường cũng đã mời các chuyên gia đầu ngành về Toán học, về xây dựng bài giảng trực tuyến đến từ các viện nghiên cứu và trường đại học trọng điểm để hỗ trợ cho GV, CB. Trong năm 2109, Trường tiếp tục tổ chức 01 hội thảo quốc tế với chủ đề nâng cao chất lượng giáo dục STEM/STEAM cho CB, GV, giáo viên các trường đại học, cao đẳng và THPT; Hội nghị câu lạc bộ các Trường Sư phạm [H4.10.02.02].

Hiệu quả của những hoạt động hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm này được phân tích, đánh giá, tổng kết, rút kinh nghiệm hàng năm. Trường cũng đề ra những giải pháp để nâng cao chất lượng của việc hợp tác với các trường đại học, cao đẳng đồng thời xác định tầm quan trọng của mở rộng mối quan hệ hợp tác trong đào tạo, bồi dưỡng, NCKH với các Trường đại học, các sở GD&ĐT, các trường phổ thông ở khu vực và cả nước [H4.10.02.03]. Để nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, các hoạt động hợp tác giữa các trường đại học sư phạm cần đi vào chiều sâu như tăng cường trao đổi nguồn học liệu, nguồn lực GV, trao đổi SV.

Chỉ số 4.10.3. Trường hỗ trợ giảng viên và người học tham gia, đóng góp cho các hoạt động chuyên môn trong ngành.

Trường khuyến khích GV tham gia các hoạt động phát triển nghề nghiệp như trải nghiệm thực tế tại các trường phổ thông, mầm non. Năm 2018-2019, Trường đã xây dựng các dự án phát triển cộng đồng học tập nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ GV trẻ, nâng cao năng lực cho các giáo viên phổ thông dưới sự hướng dẫn của GV chủ chốt của Trường; xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn phát triển GV sư phạm chủ chốt, tổ chức các nhóm chuyên gia, biên soạn tài liệu, tổ chức hội thảo với sở Thái Nguyên để xây dựng các chương trình bồi dưỡng giáo viên đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới. Số lượng GV được cử đi thực tế phổ thông tăng mạnh về số lượng và chất lượng, cũng như hiệu quả của chuyến đi. Đặc biệt, Trường đã ban hành Quy định thực tế phổ thông và hỗ trợ kinh phí cho đoàn đi [H4.10.03.01].

Năm 2018-2019, Trường đã ban hành quy định quản lý hoạt động của các nhóm nghiên cứu chuyên sâu, quy định về hợp tác và NCKH với các viện/trường nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu của GV. Trường cũng đã đầu tư kinh phí và tạo điều kiện về thời gian cho CB, GV, SV tham gia nghiên cứu, tổ chức các hoạt động và tham dự giải thưởng SV NCKH và NCKH của GV nhằm chia sẻ kinh nghiệm, quảng bá hình ảnh của Trường [H4.10.03.02].

Năm 2018-2019, các GV chủ chốt của Trường đã triển khai các hoạt động đóng góp cho việc phát triển của ngành. Đề tài “Nghiên cứu chính sách và giải pháp bảo tồn những ngôn ngữ dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một” và “Hoạt động truyền thông bằng ngôn ngữ dân tộc thiểu số của Việt Nam” có ảnh hưởng lan tỏa tới toàn quốc thông qua việc truyền thông ngôn ngữ dân tộc thiểu số và góp phần bảo tồn các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một. Đề tài “Nghiên cứu quy hoạch mạng lưới các trường sư phạm ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2035” góp phần quy hoạch lại các trường sư phạm ở Việt Nam trong thời gian tới; nghiên cứu có ảnh hưởng lớn tới các trường đại học, cao đẳng có đào tạo giáo viên [H4.10.03.03].

Thông qua việc thực hiện các đề tài trên, nhiều lượt GV, CB của Trường đã được cử đi chủ trì, tổ chức và báo cáo tại các Trường Đại học, cao đẳng, các trung tâm sự nghiệp hành chính về các chính sách, các giải pháp đóng góp cho ngành [H4.10.03.03].

Kết quả và kinh phí hỗ trợ cho GV, SV tham gia đóng góp cho mạng lưới nghề nghiệp được tổng kết ở hội nghị tài chính và hội nghị CBVC của Trường hàng năm. Kết quả cho thấy, Chính sách hỗ trợ của Trường đã tác động tích cực tới GV và người học. Tuy nhiên, sự tác động của những chính sách hỗ trợ này tới người học chưa nhiều. Trường cần thực hiện những chính sách hỗ trợ hiệu quả hơn nữa để khuyến khích người học tham gia vào các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.

Chỉ số 4.10.4. Trường khuyến khích các hoạt động hợp tác về đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

Để khuyến khích GV của Trường tham gia các hoạt động hợp tác với các trường đại học sư phạm và trường đại học khác nhằm trao đổi kinh nghiệm, góp phần nâng cao năng lực giảng dạy và nghiên cứu của GV, tăng thu nhập hợp pháp và tăng cường mối liên kết giữa trường với nhau. Trong năm 2018-2019, Trường đã xây dựng và ban hành nhiều Quy định như: Quy định về hoạt động hợp tác giữa trường ĐHSP với trường PT trong khai thác và sử dụng phòng thí nghiệm; Quy định sử dụng nguồn thu từ hoạt động hợp tác quốc tế để phát triển công bố quốc tế; Quy định về công tác quản lý KH&CN của Trường ĐHSP-ĐHTN năm 2019, trong đó có các cơ chế chính sách khuyến khích hoạt động tăng cường chuyển giao KHCN; Quy định quản lý các nhóm nghiên cứu chuyên sâu. Các quy định được Trường ban hành góp phần hỗ trợ giảng viên, cán bộ và người học trong hoạt động bồi dưỡng, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ [H4.10.04.01]. Trường đã chủ động phối hợp với Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hồ Chí Minh, Các trường đại học sư phạm, trường đại học của Trung Quốc, Úc, Đài Loan để cử cán bộ tham gia học tập, tham dự hội thảo, hội nghị và chia sẻ kinh nghiệm trong quản trị đại học, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và trong công bố các bài báo khoa học [4.10.04.02]. Trường chủ động trong kí kết nhiều biên bản thỏa thuận hợp tác với các trường đại học, cao đẳng, sở GD&ĐT, sở Khoa học - Công nghệ, trường phổ thông, tạo môi trường cho giảng viên và người học của Trường thực hiện các hoạt động hợp tác trong đào tạo, NCKH. Đặc biệt, Trường đã phối hợp với Sở GD&ĐT Lạng Sơn thực hiện dự án giáo dục STEM, góp phần nâng cao năng lực bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học của giảng viên khi được thực hiện bồi dưỡng các chuyên đề về STEM/STEAM [H4.10.04.03]. Trường khuyến khích các khoa tự nhiên trong hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nhằm sử dụng hiệu quả phòng thí nghiệm thông qua việc đầu tư dự án máy móc, trang thiết bị cho Phòng thí nghiệm Lý Hóa Sinh với tổng kinh phí 30 tỉ góp phần [H4.10.04.04].

Trong năm học 2018-2019, Trường đã cử nhiều GV và CBQL tham gia tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ do Bộ GD&ĐT và các tổ chức khác thực hiện. Trường cũng đã cử nhiều lượt CB GV tham dự hội nghị, hội thảo trong

nước và quốc tế như Australia, Trung Quốc, Anh, Đài Loan,... Thông qua hợp tác với các trường và các bên liên quan khác, Trường có cơ hội đưa các vấn đề chuyên môn vào CTĐT. Trường đã xây dựng văn bản QLKH, công bố QT khuyến khích GV, người học; Trong năm học, Trường cũng đã mời các chuyên gia đến từ một số trường đại học như ĐH Fenchia Đài Loan, Đại học Wollong Úc để tập huấn, bồi dưỡng cho GV của Trường. Trường cũng hợp tác đào tạo với ĐHTN phân hiệu Lào Cai [H4.10.04.05];

Kết quả của những hoạt động hợp tác này được phân tích trong các báo cáo tổng kết hoạt động năm học 2018-2019. Trường đã đa dạng hóa nội dung, hình thức hợp tác với các tổ chức, cá nhân, đẩy mạnh chất lượng của việc hợp tác trong các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng. Tuy nhiên, hiệu quả và quy mô hợp tác trong NCKH và chuyển giao công nghệ chưa tương xứng với tiềm lực và vị thế của Trường.

2. Điểm mạnh

- Trường đã bổ sung kịp thời các văn bản quy định về việc hỗ trợ, khuyến khích CB, GV liên quan đến phát triển nghề nghiệp

- Trường đã kí kết nhiều biên bản hợp tác; thực hiện nhiều hoạt động hợp tác trong đào tạo, bồi dưỡng cho GV các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trong và ngoài nước. Hợp tác tổ chức Hội thảo với Thái Lan, Công bố quốc tế trong lĩnh vực giáo dục tăng. Hỗ trợ các trường ĐH/CĐSP trong đào tạo giáo viên, CBQL như ĐH Hùng Vương, CĐSP Thái Bình, CĐSP Điện Biên, Yên Bái, Hà Giang, Lào Cai, Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Bắc Kạn,...

- Trường luôn chú trọng tới việc phát triển đội ngũ CB, bồi dưỡng nâng cao đội ngũ tham gia đóng góp cho các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn và NCKH.

- Trường tích cực tổ chức, tham gia các hoạt động chia sẻ và học hỏi kinh nghiệm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, NCKH và chuyển giao công nghệ với mạng lưới các trường đại học.

3. Điểm tồn tại

- Hiệu quả và quy mô hợp tác với các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong NCKH và chuyển giao công nghệ chưa tương xứng với tiềm lực và vị thế của Trường.

- Chính sách hỗ trợ người học tham gia vào các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp chưa nhiều.

- Hoạt động hợp tác, chia sẻ trong mạng lưới các trường đại học sư phạm cần đi vào chiều sâu.

- Chưa đánh giá được hiệu quả của việc hợp tác với các viện nghiên cứu và các trường đại học ở trong và ngoài nước.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Ban hành chính sách hỗ trợ người học tham gia hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo khoa học, công bố kết quả NCKH.	Phòng KH-CN&HTQT	1/2020	12/2020
2		Kí kết các biên bản thỏa thuận hợp tác trong trao đổi nguồn lực GV, trao đổi SV, nguồn học liệu với các trường đại học sư phạm trong cả nước	Phòng Đào tạo	1/2020	08/2022
3	Phát huy	Đẩy mạnh hiệu quả	Phòng	1/2020	08/2022

	điểm mạnh	hoạt động của các nhóm chuyên gia theo chuyên ngành của Trường nhằm tăng cường trao đổi, chia sẻ chuyên môn, nghiệp vụ, hợp tác trong NCKH.	KHCN&HT QT		
4		Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thúc đẩy hiệu quả của các văn bản quản lý và các văn bản ký kết với các viện nghiên cứu	Phòng KHCN&HT QT	1/2020	08/2022

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 4.10.1			x				
Chỉ số 4.10.2					x		
Chỉ số 4.10.3				x			
Chỉ số 4.10.4				x			
Điểm tiêu chí	4,0						

Tiêu chí 4.11: Thông tin và truyền thông

1. Mô tả

Chỉ số: 4.11.1. Trường đảm bảo việc xuất bản các ấn phẩm chuyên môn tuân thủ các quy định quốc gia và quốc tế về luật bản quyền, sở hữu trí tuệ, chống đạo văn và tôn trọng quyền riêng tư.

Trường quy định hướng dẫn triển khai công tác biên soạn xuất bản giáo trình [H11.4.11.01] (Quy định biên soạn giáo trình của Trường), quy định này tuân thủ nghiêm túc và cụ thể hóa hơn các quy định của Bộ GD&ĐT [H11.4.11.02] (Quy định viết giáo trình của Bộ). Trường có các văn bản hướng dẫn triển khai biên soạn giáo trình hàng năm [H11.4.11.03] (Các thông báo kế hoạch viết giáo trình các năm 2017, 2018, 2019) và [H11.4.11.06] (các quyết định phê duyệt giáo trình 2016, 2017, 2018). Để hoạt động sở hữu trí tuệ được phổ biến rộng rãi, Trường đã tham khảo văn bản về sở hữu trí tuệ của Bộ GD&ĐT [H11.4.11.04] (Quy định hoạt động sở hữu trí tuệ của Bộ năm 2008) để ban hành văn bản mới quy định trách nhiệm, quyền và lợi ích hợp pháp trong hoạt động sở hữu trí tuệ, và được áp dụng cho đơn vị, cá nhân, người học của Trường [H11.4.11.05] (Quy định hoạt động sở hữu trí tuệ của Trường năm 2016).

Năm học 2017-2018 và năm học 2018-2019, Trường đã công bố 662 bài báo trong nước và quốc tế [H7.3.07.14] (Danh mục các công bố báo khoa học năm 2017, 2018, 2019), các công bố này đã tuân thủ đúng các quy định về sở hữu trí tuệ của quốc gia và quốc tế, đến nay không có xung đột lợi ích nào về bản quyền sở hữu trí tuệ. Trường cũng xuất bản 26 đầu giáo trình tại Nhà xuất bản ĐHTN [H7.3.07.16] (Danh mục giáo trình mới xuất bản năm 2017, 2018, 2019), xây dựng được một số CTĐT/bồi dưỡng, các sản phẩm này cũng tuân thủ các quy định nghiêm ngặt của Bộ GD&ĐT và Trường, vì thế cũng không có các tranh chấp xảy ra.

Hiện nay Trường đang xây dựng quy định đánh giá độ trùng lặp của các tài liệu do Trường chịu trách nhiệm phát hành (luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, khóa luận tốt nghiệp, giáo trình, sách chuyên khảo,...) kết hợp sử dụng phần mềm Turnitin để kiểm tra trước khi Trường ra quyết định gửi đi thẩm định tài

liệu [H11.4.11.07] (địa chỉ web của phần mềm Turnitin: https://www.turnitin.com/login_page.asp?lang=en_us).

Việc công khai các dữ liệu khoa học lên trang web, Trường vừa đảm bảo theo quy định ba công khai [H11.4.11.08] (Quy định ba công khai của Bộ), vừa bảo đảm quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí [H11.4.11.09] (Quy chế tiếp xúc, phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí) vừa bảo đảm quyền riêng tư cho CB GV theo luật định, chẳng hạn Điều 38 bộ luật dân sự năm 2015. Đồng thời Trường tuân thủ các quy định về lưu hành và bản quyền các bài báo đã đăng theo quy định của các tạp chí khoa học và nhà xuất bản.

Chỉ số 4.11.2. Trường công khai các thông tin, đặc biệt là dữ liệu về đội ngũ giảng viên, sinh viên nhập học, sinh viên tốt nghiệp và tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm.

Để thực hiện công khai các thông tin, Trường đã phân công các đơn vị có liên quan phụ trách việc rà soát, bổ sung, cập nhật các nội dung theo quy định của Quy chế công khai đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân [H11.4.11.10, H11.4.11.11, H11.4.11.12].

Phòng Khảo thí và ĐBCCLGD là đơn vị đầu mối chủ trì việc triển khai nội dung ba công khai theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, có nhiệm vụ tổng hợp báo cáo ba công khai của các đơn vị, hoàn thành báo cáo ba công khai của Trường. Các đơn vị có liên quan có nhiệm vụ hoàn thành báo cáo về nội dung ba công khai thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị hoặc theo sự phân công phụ trách công việc của Trường. Hằng năm, các đơn vị tiến hành rà soát cập nhật các thông tin ba công khai vào tháng 3 và tháng 10 [H11.4.11.12].

Hiện nay, Trường đang sử dụng website tại địa chỉ <http://dhsptn.edu.vn> để đăng tải các thông tin liên quan đến hoạt động của Trường như: tuyển sinh, hoạt động đào tạo, công tác HSSV, hoạt động NCKH, hoạt động khảo thí, 3 công khai [H11.4.11.13]. Tuy nhiên, các thông tin trên website còn phân tán, chưa thành hệ thống và việc tra cứu các thông tin trên website còn gặp khó khăn.

Để thuận lợi cho người học trong việc tiếp cận các thông tin, Trường đã ban hành Sổ tay SV nhằm cung cấp cho SV những thông tin cơ bản về quy chế công tác HSSV, quy chế đào tạo, CTĐT [H11.4.11.14].

Ngoài ra, người học cũng được cung cấp các thông tin qua các kênh như: đợt sinh hoạt chính trị hằng năm, cố vấn học tập – giáo viên chủ nhiệm và qua các đơn vị chức năng của Trường... nhằm đảm bảo người học nắm vững các quy định về đào tạo, chế độ chính sách được thụ hưởng khi theo học tại Trường [H11.4.11.15].

Các thông tin của Trường khi được công bố ra bên ngoài luôn được kiểm tra và sử dụng số liệu tin cậy. Đội ngũ CB, GV và SV của Trường được quản lý bằng phần mềm nên việc chiết suất các số liệu như tỉ lệ SV nhập học, SV tốt nghiệp, đội ngũ GV đảm bảo nhanh chóng và chính xác [H11.4.11.16].

Các số liệu công khai luôn được Trường thực hiện đầy đủ và cập nhật đúng quy định trên trang thông tin điện tử (website) [H11.4.11.17]. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về việc hướng dẫn người học tiếp nhận các quy định của Trường cho thấy trên 95% SV hài lòng [H11.4.11.18].

Hằng năm, ĐHTN đã tổ chức các đợt kiểm tra việc thực hiện công tác công khai và các hoạt động giáo dục của Trường [H11.4.11.19]. Dựa trên kết luận của đoàn kiểm tra [H11.4.11.20], Trường đã xây dựng kế hoạch khắc phục các tồn tại trong việc công khai các hoạt động giáo dục của từng năm học. [H4.4.11.21].

2. Điểm mạnh

- Trường có văn bản quy định đạo đức của GV trong đào tạo và NCKH.
- Trường có quy định về công tác biên soạn giáo trình tuân theo quy định của bộ.
- Trường có quy định công tác sở hữu trí tuệ trong Trường.
- Trường chưa có tranh chấp nào về bản quyền sở hữu trí tuệ.

- Trường đã xây dựng quy định trách nhiệm, quyền và lợi ích hợp pháp trong hoạt động sở hữu trí tuệ, và được áp dụng cho đơn vị, cá nhân, người học của Trường.

- Các thông tin được công khai đảm bảo cập nhật, chính xác.

3. Điểm tồn tại

- Việc tra cứu thông tin công khai trên website còn hạn chế, gây khó khăn cho việc tra cứu.

- Trường chưa ban hành xong quy định để kiểm tra văn bản trước khi gửi đi thẩm định.

- Trường chưa có biện pháp phối hợp với cơ quan chức năng trong việc ngăn chặn nạn sao chép bản quyền giáo trình do GV biên soạn và xuất bản.

4. Kế hoạch hành động

T T	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng lại website của trường để việc tra cứu thông tin được thuận lợi	Trung tâm TT-TV	8/2017	5/2020
2		Sớm liên hệ với các cơ quan chức năng để khắc phục vấn đề copy sách	Phòng KH- CN&HTQT	1/2020	12/2022
3	Phát huy điểm mạnh	Cập nhật hệ thống văn bản quản lý của nhà trường lên website	Trung tâm TT-TV	1/2020	11/2020
4		Sớm ban hành quy định kiểm tra văn bản bằng Turnitin trước khi gửi đi thẩm định	Phòng KT&ĐBCGD	1/2020	9/2020

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 4.11.1			x				
Chỉ số 4.11.2				x			
Điểm tiêu chí	3,5						

Tiêu chuẩn 5: Môi trường giáo dục và các nguồn lực**Tiêu chí 5.12: Môi trường sư phạm****1. Mô tả**

Chỉ số 5.12.1. Cảnh quan, môi trường giảng dạy và học tập phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu giáo dục của Trường.

Để cảnh quan, môi trường dạy học phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu, trong từng giai đoạn Trường đã xây dựng Quy hoạch xây dựng chi tiết, các Kế hoạch chiến lược phát triển Trường, các Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ GV và đổi mới CTĐT, phương pháp giảng dạy [H12.5.12.01, H12.5.12.02, H12.5.12.03, H12.5.12.04].

Cảnh quan, môi trường dạy học của Trường được xây dựng theo định hướng lấy người học làm trung tâm, khi thiết kế và xây dựng các tòa nhà mới luôn chú ý đến mục đích sử dụng, tác động của thời tiết, khai thác tối đa ánh sáng tự nhiên, chống ồn... [H12.5.1.05]. Hiện nay, vị trí của các tòa nhà (nhà làm việc, giảng đường, hội trường, thư viện, nhà thí nghiệm, ký túc xá...), vườn cây, bãi xe, căng tin, sân bãi TDTT đã được bố trí một cách hợp lý (chẳng hạn, khu thể thao liền kề với khu học tập và khu nhà ở của người học) phục vụ tốt các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, CBQL giáo dục, công tác NCKH và chuyển giao công nghệ [H12.5.1.06]. Ngoài việc phục vụ dạy học và nghiên cứu, cảnh quan và môi trường dạy học của Trường cũng tạo điều kiện thuận lợi cho người học tham gia nhiều hoạt động ngoại khóa, văn hóa văn nghệ, TDTT, vui chơi, giải trí... (Công tác Đoàn, Đội, hoạt động tình nguyện, từ thiện, nhảy dân vũ, tham gia giữ gìn cảnh quan môi trường: trồng cây xanh, chăm sóc

cây cảnh, vệ sinh khuôn viên giảng đường) nhằm rèn luyện những kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, giáo dục ý thức tự phục vụ cho SV [H12.5.12.07]. Môi trường dạy học hiện nay đảm bảo cho Trường thực hiện được mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông và là trường đại học trọng điểm theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng.

Trường tổ chức Hội nghị đối thoại với đội ngũ CB Lóp - Đoàn - Hội để trực tiếp nghe các ý kiến, nguyện vọng, đề xuất của SV về tất cả các hoạt động của Trường, trong đó có các vấn đề liên quan tới cảnh quan của Trường, tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV để kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm xây dựng môi trường dạy học tốt hơn [H12.5.12.08, H12.5.12.09].

Chỉ số 5.12.2. Khuôn viên, môi trường tự nhiên của trường, được quy hoạch và xây dựng phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.

Để khuôn viên, môi trường tự nhiên của Trường phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, Trường cùng DHTN đã xây dựng Bản đồ quy hoạch mặt bằng tổng thể (tỷ lệ 1:500) với các khu chức năng theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN: 3981 và đã được UBND tỉnh Thái Nguyên phê duyệt. Năm 2012, UBND tỉnh Thái Nguyên đã cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường được 15,8ha [H12.5.12.03, H12.5.12.10].

Theo TCVN: 3981, Trường đã xây dựng các tòa nhà cao tầng kiên cố, hiện đại theo các khu chức năng: Khu nhà làm việc (Năm 2018 đưa vào sử dụng 01 tòa nhà làm việc 5 tầng - Nhà làm việc A5); Khu vực giảng đường hội trường (Năm 2019 đưa vào sử dụng 01 tòa nhà giảng đường 5 tầng - Giảng đường B5); Khu sân tập TDTT và bể bơi (Năm 2018 đưa vào sử dụng 01 tòa nhà tập đa năng); Tòa nhà Trung tâm phát triển kỹ năng sư phạm; Khu KTX (Năm 2018 đã nghiệm thu đưa vào sử dụng 01 tòa nhà KTX 5 tầng mới) [H12.5.12.11, H12.5.12.15].

Các khu vực được nối với nhau bằng đường bê tông hoặc rải nhựa asphalt đi lại thuận tiện. Khu vực Trường THPT thực hành rộng 6028m² có đủ sân chơi,

bãi tập cho học sinh, khuôn viên của Trường được trồng cây xanh với khoảng 35% diện tích, (năm 2018 đã trồng thêm 0,2%) [H12.5.12.16] có vườn hoa cây cảnh, ghề đá, hồ nước, có biểu tượng ghi ơn các liệt sỹ và biểu tượng tôn vinh người giáo viên [H12.5.12.12]. Để đảm bảo an ninh, an toàn về tài sản và con người, Trường đã xây dựng hệ thống hàng rào bảo vệ quanh [H12.5.12.14]. Tuy nhiên, trong khuôn viên vẫn còn một số đoạn đường nội bộ xuống cấp [H12.5.12.13].

Năm 2018, Trường đã lập xong kế hoạch cải tạo nâng cấp khuôn viên Ký túc xá. Năm 2019, các nhà thầu đang tiến hành thi công xây lắp công trình [H12.5.12.17].

2. Điểm mạnh

- Trường có cảnh quan, khuôn viên, môi trường tự nhiên “xanh, sạch, đẹp” được quy hoạch hợp lý phù hợp với hoạt động đào tạo và bồi dưỡng giáo viên.

3. Điểm tồn tại

- Một số đoạn đường nội bộ xuống cấp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Lập kế hoạch và thực hiện cải tạo, nâng cấp khuôn viên, đường đi khu vực quanh sân vận động.	Phòng Quản trị - Phục vụ	9/2019	12/2020
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục trồng thêm cây xanh trong khuôn viên Trường.	Phòng Quản trị - Phục vụ; Đoàn TN	9/2019	12/2020

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Tự đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 5.12.1			X				
Chỉ số 5.12.2			X				
Điểm tiêu chí	3,0						

Tiêu chí 5.13: Cơ sở vật chất, tài nguyên dạy và học**1. Mô tả**

Chỉ số 5.13.1. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được trang bị, bảo trì và sử dụng phù hợp với các mục đích giáo dục của trường.

Trường thực hiện trang bị, bảo trì và sử dụng cơ sở vật chất theo các quy định cụ thể của Nhà nước [H13.5.13.30], có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC phù hợp với các Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2016 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2016 - 2020 điều chỉnh [H13.5.13.01, H5.5.13.02]. Có các kế hoạch khai thác CSVC, các dự án nhằm bổ sung CSVC đáp ứng mục đích giáo dục của Trường [H13.5.13.03, H13.5.13.29].

Trường đã lựa chọn và triển khai được các hạng mục: Nhà làm việc A4, Nhà học đa dụng, Thư viện, Trung tâm phát triển kỹ năng sư phạm, Cụm công trình Nhà làm việc - Nhà đa năng - KTX [H13.5.13.04]. Các tòa nhà hiện có được xây dựng trên diện tích 15,8 ha [H13.5.13.05], bao gồm: 04 tòa nhà làm việc quy mô từ 3 tầng đến 11 tầng với tổng số 228 phòng làm việc; 05 tòa nhà giảng đường và 01 tòa nhà thí nghiệm với 140 phòng học, 58 phòng thực hành, thí nghiệm; 01 Trường THPT thực hành với 16 phòng học, 03 phòng thực hành; KTX gồm 08 tòa nhà gồm 476 phòng được xây dựng độc lập trong khuôn viên có diện tích 4,3ha. [H13.5.13.06]. Hệ thống máy tính, trang thiết bị, tài liệu phục vụ đào tạo và NCKH luôn được Trường chú trọng đầu tư để đáp ứng yêu cầu

đào tạo, phát triển CTĐT và bồi dưỡng trực tuyến, hợp tác quốc tế, đổi mới phương pháp giảng dạy (Các hệ thống thiết bị thí nghiệm, phòng học trực tuyến, máy chiếu gần, bàn ghế đơn, bảng tương tác thông minh, thiết bị CNTT, thư viện trường hiện có hơn 270.000 cuốn tài liệu thuộc 13.000 đầu sách trong các lĩnh vực phù hợp với mục đích giáo dục của Trường....) [H13.5.13.07, H13.5.13.08, H13.5.13.09, H13.5.13.10].

Trường đã ban hành các quy định, nội quy để quản lý, sử dụng tài sản trong Trường [H13.5.13.11]. CSVC của Trường được đưa vào Kế hoạch đào tạo từng năm học để khai thác sử dụng phục vụ đào tạo [H13.5.13.28]. Tài sản và trang thiết bị được giao tới từng đơn vị quản lý, theo dõi tần suất sử dụng, đồng thời cũng đảm bảo phát huy hết tiềm năng để phục vụ cho hoạt động dạy và học, hoạt động NCKH, phù hợp với mục đích của từng ngành đào tạo [H13.5.13.12].

Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị được bảo trì, sửa chữa thường xuyên [H13.5.13.13]. Tại các tòa nhà làm việc, giảng đường, thư viện và KTX đều có hòm thư góp ý, thông tin và địa chỉ liên lạc của Ban giám hiệu được niêm yết công khai trên Website, Phòng Quản trị - Phục vụ với chức năng quản lý tài sản có hướng dẫn cụ thể quy trình mua sắm và sửa chữa CSVC giúp CB GV và người học có thể nhanh chóng gửi thông tin phản hồi về tình trạng cơ sở hạ tầng và trang thiết bị tới lãnh đạo Trường [H13.5.13.14].

Trường đã tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng của giảng đường, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, hệ thống trang thiết bị đối với nhu cầu dạy học và NCKH [H13.5.13.15]. Tháng 12 hằng năm, Phòng Quản trị - Phục vụ và Phòng Kế hoạch - Tài chính tiến hành kiểm kê số lượng, đánh giá về chất lượng, khấu hao tài sản theo quy định của nhà nước [H13.5.13.16].

Hiện nay còn một số hạng mục của nhà thí nghiệm, nhà KTX H4, giảng đường và một số thiết bị thí nghiệm đã được khai thác từ lâu, hiện đang xuống cấp [H13.5.13.19].

Các vấn đề còn tồn tại của cơ sở hạ tầng và trang thiết bị được đưa vào Kế hoạch, dự toán đầu tư để mua sắm thay thế, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị mới

đảm bảo đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH của Trường [H13.5.13.17, H13.5.13.18, H13.5.13.27].

Chỉ số 5.13.2. Các tòa nhà, giảng đường, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, thiết bị, tài liệu học tập được sử dụng linh hoạt để đáp ứng tính sáng tạo và đổi mới của giảng viên và người học, phù hợp cho từng khóa đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng.

Để đảm bảo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và tài liệu học tập được sử dụng linh hoạt, Trường có đề án Đổi mới mô hình phòng học [H13.5.13.11], đề án nâng cấp, sửa chữa và đầu tư CSVC/Hạ tầng CNTT [H13.5.13.27], ban hành Quy định quản lý, sử dụng tài sản giúp người dạy và người học có thể nhanh chóng sử dụng, khai thác thuận lợi hệ thống CSVC của Trường [H13.5.13.20].

Trang thiết bị được đầu tư đa dạng và dễ dàng chuyển đổi về công năng, phòng học được trang bị bảng tương tác, máy chiếu đa vật thể, camera, thiết bị trợ giảng di động, bảng viết ray trượt nhiều lớp, bộ phát sóng wifi,...hệ thống bàn ghế đơn giúp người học có thể nhanh chóng tạo nhóm, chuyển đổi hình thức tổ chức dạy học, năm 2018 Trường được thụ hưởng từ Dự án THPT 2: 01 phòng học trực tuyến, 01 phòng tin học - ngoại ngữ, 04 phòng nghiệp vụ [H13.5.13.21]. Các phòng máy tính sử dụng chung được bố trí ngay tại tòa nhà Giảng đường B3, phục vụ linh hoạt cho đào tạo ngoại ngữ, thi, kiểm tra,... [H13.5.13.22]. Tại tòa nhà làm việc của GV và Trung tâm phát triển kỹ năng cũng bố trí phòng học, phòng sinh hoạt, chuyên môn, phòng trực tuyến có thể kết nối với trường phổ thông, phòng Studio để người học và người dạy có thể nhanh chóng thực hiện hoạt động dạy học và NCKH rút ngắn thời gian và tăng hiệu quả [H13.5.13.23]. Thư viện phối hợp với Trung tâm Học Liệu - ĐHTN để khai thác nguồn học liệu số của Trung tâm Học liệu (là thư viện điện tử dùng chung trong toàn Đại học), có hệ thống mạng LAN, phần mềm quản lý ILIB và phòng máy với 146 máy tính cho phép CB, GV và người học có thể sử dụng máy tính để truy cập tài liệu số hóa luận văn, luận án, đề tài NCKH, tìm tin và thực hiện các hoạt động học tập, NCKH ngay tại thư viện [H13.5.13.24]. GV, người học được tạo điều kiện thuận lợi tối đa khi sử dụng CSVC chung của

Trường để thực hiện hoạt động đào tạo và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm [H13.5.13.25].

Trường đã tiến hành khảo sát mức độ đáp ứng về giảng đường, phòng học, thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, máy tính, trang thiết bị và tài liệu để phục vụ đào tạo và NCKH [H13.5.13.26].

Chỉ số 5.13.3. Môi trường trực tuyến của trường đảm bảo các khóa đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến được thực hiện có chất lượng với các phương pháp dạy học thích hợp.

Ngay từ đầu, vai trò của công nghệ thông tin/môi trường trực tuyến đã được các cấp lãnh đạo nhà Trường quan tâm chú trọng và đã được đề cập đến ngay trong sứ mạng, tầm nhìn của Trường:

- Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHSP giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (Số 4590/QĐ-ĐHSP, ngày 28/11/2016) [H1.1.01.02].

- Đề án 07 của Đảng ủy về xây dựng đại học điện tử. [H13.5.13.71]

- Từ xuất phát điểm đó, nhà trường đã tiến hành khảo sát hiện trạng đề xuất nhu cầu đầu tư CNTT [H13.5.13.64].

Nhà trường đã từng bước đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống CNTT/môi trường trực tuyến ngày càng hoàn thiện:

- Có đề án cải tạo hạ tầng CNTT của Trường [H13.5.13.48], Đề án xây dựng phòng sản xuất học liệu [H13.5.13.49], Đề án xây dựng cổng thông tin điện tử mới của trường [H13.5.13.46].

- Có lộ trình, kế hoạch xây dựng bài giảng Elearning [H13.5.13.51].

- Có hàng loạt các văn bản quản lý nhằm duy trì, điều hành, đánh giá hoạt động và thúc đẩy sự phát triển của hệ thống CNTT/môi trường trực tuyến: Biên bản nghiệm thu cấu trúc cổng thông tin điện tử và hệ thống phần mềm tích hợp [H13.5.13.47], Quy định về hoạt động quản lý và đảm bảo an toàn cho hệ thống mạng LAN và phòng máy chủ [H13.5.13.54], Danh sách và các biên bản nghiệm thu bài giảng Elearning [H13.5.13.52].

Năm 2017: Trường đã có hệ thống 14 máy chủ và các 16 phần mềm quản lý [H13.5.13.32, H13.5.13.33] đáp ứng nhu cầu đào tạo tín chỉ và một số

hoạt động trên môi trường trực tuyến như: đăng ký học online, thi trắc nghiệm trên mạng nội bộ, quản lý hệ thống văn bản trên nền tảng iCloud, chống sao chép và đạo văn...

Năm 2018, Trường được đầu tư thêm về cơ sở vật chất, đồng thời đã triển khai một số hoạt động trực tuyến:

- Thêm 4 phòng trực tuyến (Giảng đường B3 có các phòng 402, 403; Trường Phổ thông Trung học Thái Nguyên có giảng đường 201, Trung tâm Phát triển kỹ năng sư phạm có Phòng họp trực tuyến 204) [H13.5.13.67]

- Đã tiếp nhận cơ sở vật chất và lắp đặt xong thiết bị cho dự án Thư viện Điện tử. Hiện đang triển khai tập huấn, tiếp nhận công nghệ và dần dần đưa vào vận hành chính thức.[H13.5.13.61][H13.5.13.50].

- Tiếp tục lộ trình triển khai cổng thông tin điện tử của Trường [H13.5.13.46]; [H13.5.13.47]

- Xây dựng 132 học phần bài giảng trực tuyến [H13.5.13.52]

- Tổ chức đào tạo trực tuyến (100 tiết bồi dưỡng) cho 49 học viên (Điện biên) lớp học nâng cao năng lực Ngoại ngữ. [H13.5.13.66]

- Mở bồi dưỡng trực tuyến tại Trung tâm phát triển kỹ năng Sư phạm cho 15 CB chủ chốt. [H13.5.13.68].

Ngoài ra, Trường vẫn tiếp tục làm việc với Ban quản lý ETEP để sớm triển khai các đề án đầu tư cải tạo hạ tầng CNTT [H13.5.13.48] và xây dựng phòng sản xuất học liệu [H13.5.13.49].

Trường luôn có kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm; có phương hướng kế hoạch công tác đầu năm học và báo cáo tổng kết cuối năm về hoạt động CNTT. Đó chính là cơ chế cho việc cải tiến liên tục hệ thống CNTT/môi trường trực tuyến [H13.5.13.56] [H13.5.13.57].

Hệ thống CNTT/môi trường trực tuyến liên tục được cập nhật và thay đổi tích cực để đáp ứng nhu cầu đặt ra:

- Khảo sát hiện trạng đề xuất nhu cầu đầu tư CNTT[H13.5.13.69], Sửa chữa mua sắm thiết bị CNTT [H13.5.13.62], Tăng cường thiết bị phòng trực tuyến [H13.5.13.67]

- Tăng cường các hoạt động trực tuyến và phối hợp hành động với Ban quản lý ETEP [H13.5.13.59], [H13.5.13.60] [H13.5.13.68], [H13.5.13.66].
- Đào tạo, tập huấn cho CB GV về kiến thức CNTT [H13.5.13.64].

Chỉ số 5.13.4. Hệ thống công nghệ thông tin của trường được bảo trì thường xuyên, luôn đáp ứng cho giảng viên và người học sử dụng hiệu quả.

Nhà trường có cơ chế cho việc cải tiến liên tục hệ thống CNTT/môi trường trực tuyến: Quy định quản lý tài sản, trang thiết bị [H13.5.13.11], Kế hoạch đầu tư xây dựng, sửa chữa, cải tạo, mua sắm trang thiết bị CNTT [H13.5.13.36]

Công nghệ thông tin/môi trường trực tuyến luôn được cập nhật và thay đổi để đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu:

- Kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước (phần CNTT) đã được phê duyệt [H13.5.13.56].

- Phương hướng, kế hoạch công tác đầu năm học và báo cáo tổng kết đánh giá cuối năm về hoạt động CNTT của Trường [H13.5.13.57].

- Phát triển phần cứng, phần mềm [H13.5.13.62], [H13.5.13.32] [H13.5.13.33], Thiết kế, xây dựng, nghiệm thu và chuyển giao công nghệ đối với Thư viện điện tử [H13.5.13.50], [H13.5.13.61], phòng trực tuyến [H13.5.13.67].

- Có các hợp đồng cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, duy trì dịch vụ v.v... đối với hệ thống phần cứng, phần mềm của đơn vị [H13.5.13.58], Các hoạt động phối hợp giữa nhà trường và Ban quản lý ETEP trong việc tham góp ý kiến xây dựng hệ thống LMS-TEMIS [H13.5.13.60].

Trường có đội ngũ CB kỹ thuật phục vụ mang tính chuyên nghiệp, sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ [H13.5.13.63], [H13.5.13.43].

Trường có các hoạt động nhằm duy trì, quản lý và nâng cấp chất lượng phục vụ của hệ thống:

- Nhật ký phòng máy, Nội quy phòng máy [H13.5.13.39], Các báo cáo tuần của phòng máy [H13.5.13.40].
- Quy định về hoạt động quản lý và đảm bảo an toàn cho hệ thống mạng

LAN và phòng máy chủ [H13.5.13.54]

Trường có các hoạt động đáp ứng yêu cầu của GV và người học:

- Các bản hướng dẫn sử dụng phần mềm [H13.5.13.38], Danh mục phần mềm cài đặt theo yêu cầu của giáo viên [H13.5.13.37].
- Hoạt động đào tạo, tập huấn cho CB GV về kiến thức CNTT [H13.5.13.64].

Kết quả khảo sát của Trường cho thấy hệ thống là thân thiện và dễ sử dụng, dữ liệu khảo sát người học các khóa học trực tuyến đảm bảo chất lượng [H13.5.13.44].

Hằng năm, Trường có báo cáo về thực hiện đảm bảo chất lượng các khóa học trực tuyến:

- Báo cáo tổng kết hoạt động CNTT năm học 2018-2019 [H13.5.13.53]
- Báo cáo tổng kết hoạt động biên soạn bài giảng Elearning năm 2018-2019 [H13.5.13.65].
- Báo cáo đánh giá hoạt động của hệ thống mạng LAN và phòng máy chủ năm học 2018-2019 [H13.5.13.55].
- Báo cáo kết quả thực hiện các đề án toàn khóa của Đảng ủy ĐHTN nhiệm kỳ 2015-2020 [H13.5.13.70].

Năm 2018, Trường đã tiến hành khảo sát hạ tầng CNTT [H13.5.13.69] và tiếp tục đề xuất các đề án phát triển hạ tầng CNTT [H13.5.13.48], xây dựng phòng sản xuất học liệu [H13.5.13.49], phát triển cổng thông tin điện tử [H13.5.13.46] nhằm phát triển tốt hơn nữa hệ thống phần cứng, phần mềm của Trường.

2. Điểm mạnh

- Trường tạo điều kiện, cung cấp các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH đáp ứng nhu cầu hoạt động của CBQL, GV, nhân viên và SV.
- Hằng năm, trên cơ sở đề xuất của đơn vị sử dụng CSVC, trang thiết bị, Trường đã có kế hoạch và kinh phí để cải tạo, sửa chữa, nâng cấp kịp thời CSVC và trang thiết bị đảm bảo cho việc triển khai CTĐT.

- Trường thường xuyên khảo sát mức độ đáp ứng của CSVC đối với hoạt động đào tạo, NCKH của GV và người học.

- Về CNTT và TV, Trường có chủ trương đường lối và kế hoạch phát triển lâu dài đối với nền tảng CNTT và môi trường trực tuyến, có cơ sở vật chất và kỹ thuật ban đầu cho việc triển khai môi trường trực tuyến. Trường có đội ngũ CB kỹ thuật chuyên biệt về CNTT; có quy trình quy phạm quản lý, vận hành, sửa chữa thiết bị, nâng cấp phần mềm... đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; có hệ thống sổ sách, nhật ký và hồ sơ kỹ thuật đầy đủ; có quy trình và mẫu phiếu khảo sát lấy ý kiến của GV và người học để đáp ứng yêu cầu trong quá trình đào tạo và NCKH.

3. Điểm tồn tại

- Một số hạng mục của giảng đường và nhà thí nghiệm, nhà KTX H4, một số thiết bị thí nghiệm đã được khai thác từ lâu, hiện đang xuống cấp.

- Hệ thống máy chủ đa phần đã cũ (đầu tư chủ yếu từ năm 2009), bắt đầu xuống cấp, hoạt động không ổn định, đôi khi gây sự cố bất ngờ (hỏng nguồn, lỗi main, lỗi RAM...); Đường truyền dung lượng còn thấp. Mạng trục chính (Backbone), mạng lõi (core network) đã cũ, cần thay thế, nâng cấp. Hệ thống thiết bị an ninh mạng còn sơ khai.

- Trường chưa có cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu đào tạo trực tuyến; chưa có phòng sản xuất học liệu. Số lượng phần mềm bản quyền còn ít, nhiều phần mềm có lỗi, khó sử dụng.

- Thư viện điện tử mới tiếp nhận, chưa có kinh nghiệm về vận hành. Khối lượng sách cần hồi cố rất nhiều. Thư viện chưa kết nối được với thư viện Quốc gia và thư viện của các trường đại học trong hệ thống các trường đại học sư phạm trong nước.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc	Cải tạo sửa chữa GD B4,	Phòng QT-	1/2019	12/2020

	phục tồn tại	KTX H4. Mua sắm trang thiết bị cần thay thế, bổ sung	PV		
2		Khảo sát về tính linh hoạt khi sử dụng CSVC đối với yêu cầu sáng tạo, đổi mới của GV và người học.	Phòng Khảo thí và ĐBCLGD	1/2019	12/2019
3		Nâng cấp hạ tầng CNTT	QT-PV, TT- TV	2019	2020
4		Xây dựng cổng Thông tin điện tử	TT-TV	2019	2020
5		Xây dựng phòng Sản xuất học liệu	QT-PV, TT- TV	2019	2020
6		Tuyển chọn bổ sung chuyên gia CNTT	HCTC, TT- TV	2019	2022
7		Xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn đội ngũ nhân sự để vận hành thư viện điện tử; Kế hoạch kết nối với thư viện Quốc gia và thư viện của các trường đại học trong hệ thống sư phạm trong nước	HCTC, QT- PV, TT-TV	2019	2022
8		Đầu tư phát triển phần mềm, khắc phục nhược điểm “Số lượng phần mềm bản quyền còn ít, nhiều phần mềm có lỗi, khó sử dụng”.	KHTC, QT- PV, TT-TV	2019	2022
1	Phát	Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ	HCTC, TT-	2019	2022

	huy	kỹ thuật hiện có	TV		
2	điểm mạnh	Triển khai số hóa và hội cố sách theo mô hình thư viện điện tử	KHTC, TT-TV	2019	2022
3		Xây dựng hệ thống bài giảng Elearning	Các Khoa, QLKH, ĐT,	2019	2022
4		Bổ sung, điều chỉnh qui trình mẫu phiếu lấy ý kiến khảo sát. Cải tiến quy trình xử lý đối với các kiến nghị của GV và người học	Khảo thí ĐBCL GD, TT-TV	2019	2022

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Tự đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 5.13.1			x				
Chỉ số 5.13.2			x				
Chỉ số 5.13.3			x				
Chỉ số 5.13.4				x			
Điểm tiêu chí	3,3						

Tiêu chí 5.14: Nguồn tài chính

1. Mô tả

Chỉ số 5.14.1. Trường có các nguồn thu đa dạng và hợp pháp từ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của trường.

Trường đã xây dựng Kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030 và có rà soát, điều chỉnh bổ sung cho phù hợp [H14.5.14.01]. Hằng năm, Trường căn cứ nhiệm vụ của các đơn vị và cân đối nguồn kinh phí để triển khai thực hiện quy trình xây dựng kế hoạch ngân sách thông qua các bước:

Thông báo triển khai kế hoạch đến các đơn vị trong Trường, xác định nhu cầu và nhiệm vụ trọng tâm, cân đối xây dựng kế hoạch ngân sách toàn trường, tổ chức hội nghị tài chính, chỉnh sửa tổng thể trình cơ quan cấp trên phê duyệt theo quy định [H14.5.14.02].

Trường triển khai công tác thu theo kế hoạch dự toán hằng năm, ra thông báo kịp thời đôn đốc nguồn thu, ban hành và công khai các văn bản quy định, việc xây dựng định mức thu dựa trên các căn cứ quy định của pháp luật [H14.5.14.03]. Các nguồn thu đều phù hợp với sứ mạng và kế hoạch chiến lược được phê duyệt. Giai đoạn 2016-2018, Trường có trên 25 loại khoản thu thường xuyên được chia thành 4 nhóm nguồn thu chính: [H14.5.14.04].

- Thu từ đào tạo giai đoạn 2016-2018: 347,35 tỷ đồng (67,8 %) (năm 2016: 127,038 tỷ đồng; năm 2017: 102,395 tỷ đồng, năm 2018: 117,917 tỷ đồng)

- Thu từ hoạt động bồi dưỡng giai đoạn 2016-2018: 49,46 tỷ đồng (9,7 %). (năm 2016: 2,449 tỷ đồng, năm 2017: 4,984 tỷ đồng, năm 2018: 42,030 tỷ đồng).

- Thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ giai đoạn 2016-2018: 33,98 tỷ đồng (6,6 %) (năm 2016: 10,779 tỷ đồng, năm 2017: 9,888 tỷ đồng, năm 2018: 13,314 tỷ đồng)

- Thu từ các hoạt động dịch vụ, nguồn thu khác và các đề án, dự án đầu tư giai đoạn 2016-2019: 81,30 tỷ đồng (15,9 %) (năm 2016: 45,178 tỷ đồng, năm 2017: 25,099 tỷ đồng, năm 2018: 11,030 tỷ đồng)

Định kỳ, Trường thực hiện công tác tự kiểm tra nguồn thu, rà soát, đánh giá hiệu quả nguồn thu theo quy định, chấp hành xét duyệt quyết toán hằng năm của cơ quan quản lý cấp trên và các đợt thanh tra, kiểm toán định kỳ, đột xuất. Các nguồn thu đều được ghi nhận trong dự toán và báo cáo tài chính hằng năm của Trường, được cấp trên thẩm định phê duyệt, được kiểm toán đánh giá là nguồn thu hợp pháp [H14.5.14.05].

Chỉ số 5.14.2. Nguồn thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế được sử dụng nhằm tăng cường năng lực của trường.

Nguồn thu từ hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế đều được căn cứ xây dựng theo quy trình xây dựng dự toán ngân sách hằng năm, nằm trong kế hoạch chiến lược giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030 [H14.5.14.01]. Việc sử dụng kinh phí này theo Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy định sử dụng nguồn thu từ hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế để hỗ trợ công bố quốc tế [H14.5.14.06].

Trường triển khai công tác thu từ các hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế trong kế hoạch dự toán hằng năm, ban hành quy định tạm thời về suất chi cho lưu học sinh nước ngoài, tổ chức thông báo thu, đôn đốc kịp thời và đối chiếu nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo [H14.5.14.07]. Giai đoạn năm 2016 - 2018, tổng nguồn thu từ hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế: 54,88 tỷ đồng (năm 2016: 11,149 tỷ đồng, năm 2017: 14,900 tỷ đồng, năm 2018: 28,794 tỷ đồng) chiếm 12,4 % tổng nguồn thu. Cơ cấu nguồn thu chủ yếu là kinh phí ngân sách cấp cho đào tạo lưu học sinh diện hiệp định: 36,14 tỷ đồng, học phí đào tạo theo hợp đồng đào tạo với nước ngoài: 1,42 tỷ đồng, kinh phí từ các dự án là 16,05 tỷ đồng [H14.5.14.08].

Giai đoạn năm 2016 - 2018, tổng chi từ nguồn kinh phí này là: 55.25 tỷ đồng [H14.5.14.09]. Trong đó: Trường quan tâm dành kinh phí đảm bảo chi sinh hoạt phí cho lưu học sinh theo chế độ, chi phí trang cấp ban đầu, vé đi về nước: 28,67 tỷ đồng chiếm 52 %. Nguồn kinh phí còn lại: 26,58 tỷ đồng, chiếm 48 % tập trung để chi tăng cường năng lực nghiên cứu, dạy và học và một phần đầu tư cơ sở vật chất trực tiếp cho giảng dạy và học tập:

- Phát triển chương trình, biên soạn tài liệu, giáo trình phục vụ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng giáo viên: 1,32 tỷ đồng (chiếm 2 %)

- Chi các hoạt động trực tiếp giảng dạy, bồi dưỡng chuyên môn: 3,75 tỷ đồng (chiếm 7 %)

- Chi các hoạt động NCKH, chuyển giao công nghệ, hội nghị, hội thảo, hoạt động thúc đẩy quan hệ, hợp tác quốc tế, thi Olympic SV: 16,408 tỷ đồng (chiếm 30 %)

- Chi đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm, các chi phí dịch vụ trực tiếp phục vụ giảng dạy và học tập: 5,1 tỷ đồng (chiếm 9 %)

Định kỳ thực hiện công tác kiểm tra, đối chiếu nguồn thu, nghiệm thu và thanh lý các hợp đồng. Mọi hoạt động thu, chi từ hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế đều được ghi nhận trong báo cáo quyết toán hằng năm và được cấp trên thẩm định, phê duyệt [H14.5.14.05].

2. Điểm mạnh

- Trường có kế hoạch chiến lược, đề án tự chủ tài chính, có cơ chế khuyến khích các hoạt động tăng nguồn thu đáp ứng chi thường xuyên của Trường. Công tác lập kế hoạch, quản lý tài chính, quản lý nguồn thu tập trung, đúng quy định, đầy đủ, chính xác, kịp thời.

- Nguồn thu được đa dạng hóa qua các năm 2017, 2018, doanh số tăng mạnh từ các hoạt động bồi dưỡng giáo viên, tăng cường năng lực trường sư phạm (ETEP), kinh phí đào tạo lưu học sinh.

- Nguồn thu được phân bổ, sử dụng hợp lý, hiệu quả, đúng quy định, đáp ứng nhiệm vụ chính trị được giao.

3. Điểm tồn tại

- Nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng của Trường.

- Chưa đánh giá hiệu quả đầu tư từ nguồn thu của Trường.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn thu từ hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ giai đoạn 2019-2022	Phòng KH-TC	1/2020	6/2020
2		Đánh giá hiệu quả đầu tư	Phòng KH-TC	1/2020	6/2022

		tư hàng năm từ các nguồn thu của Trường			
3	Phát huy điểm mạnh	Ban hành quy định sử dụng nguồn thu từ hoạt động quan hệ, hợp tác quốc tế để hỗ trợ công bố quốc tế	Phòng QLKH	1/2020	12/2020
		Hoàn thành đề án tiếp cận, mở rộng thị trường đào tạo, bồi dưỡng, NCKH và chuyển giao công nghệ	Phòng KH-TC	1/2020	12/2020
		Ban hành các văn bản về quy định thu, mức thu và tổ chức đơn đốc thu, hằng năm kiểm tra, phân tích, đánh giá nguồn thu.	Phòng KH-TC	1/2020	12/2020

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 5.14.1				x			
Chỉ số 5.14.2				x			
Điểm tiêu chí	4						

Tiêu chí 5.15: Nguồn nhân lực

1. Mô tả

Chỉ số 5.15.1. Chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực và khen thưởng, kỷ luật gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành các chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực như: Đề án tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng GV giai đoạn 2010-2015, hướng tới 2020; Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ giai đoạn 2018 – 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, [H15.5.15.01] là định hướng chiến lược phát triển đội ngũ của Nhà trường, là cơ sở để các đơn vị xây dựng kế hoạch hằng năm, trọng tâm phát triển đội ngũ CB GV, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, đặc biệt chú trọng chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực để nâng cao chất lượng đào tạo [H15.5.15.02]. Chủ động xây dựng kế hoạch tạo nguồn, phát triển nguồn nhân lực từ SV trường và đa dạng hóa nguồn tuyển [H15.5.15.03]. Trường triển khai kế hoạch phát triển đội ngũ trên cơ sở kế hoạch phát triển, bồi dưỡng đội ngũ của các đơn vị/ Khoa gửi Trường về số lượng CB đi học nghiên cứu sinh trong và ngoài nước [H15.5.15.04]. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020, Trường có trên 50% GV có trình độ TS trở lên; 10% GV có học hàm GS, PGS; 100% GV đạt chuẩn tin học, ngoại ngữ; 10% GV không chuyên tiếng Anh có thể giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh; 1/3 GV cử đi học được đào tạo TS ở nước ngoài [H15.5.15.05]. Từ năm 2017 đến nay, triển khai kế hoạch phát triển đội ngũ Trường đã cử hơn 40 CB đi học nghiên cứu sinh trong và ngoài nước; Bồi dưỡng, tập huấn, tham dự hội nghị, hội thảo trong nước 781 lượt, ngoài nước 45 lượt CB; cử đi học các lớp bồi dưỡng chính trị 55 CB; an ninh quốc phòng thuộc đối tượng theo quy định là 06 CB; bồi dưỡng lãnh đạo quản lý theo quy định 97 CB [H15.5.15.06]. Đồng thời Trường có chính sách và kế hoạch khen thưởng, kỷ luật gắn với tầm nhìn và mục tiêu phát triển Trường [H15.5.15.07], chính sách thu hút CB, giáo viên trình độ cao trong và ngoài nước về công tác tại Trường, chính sách hỗ trợ GV trong các công tác giảng dạy, NCKH, tự bồi dưỡng của Trường (cụ thể hỗ trợ GS 900.000đ/ tháng, PGS 600.000đ/ tháng, TS 300.000đ/ tháng), [H15.5.15.08, H15.5.15.09]. Trường đã xây dựng và thực hiện định mức hỗ trợ cho GV có trình độ cao được hội đồng khoa học của Trường xét hợp trong năm (6 tháng/năm) để rà soát đánh giá việc thực hiện quy định nhiệm vụ đối với các GV có trình độ cao. Các GV không có đủ công trình NCKH trong năm không được hỗ trợ chính sách của

Trường [H15.5.15.10]. Căn cứ trên khối lượng, nhiệm vụ và kết quả thực hiện công việc được giao của mỗi CB, GV và kết quả xét tuyển Trường tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ GV. Để phát triển nguồn nhân lực, khuyến khích, động viên khen thưởng CB, năm 2018 Trường đã điều chỉnh quy định Thi đua, khen thưởng [H15.5.15.11]; Bên cạnh đó Trường, đã hoàn thiện Hệ thống năng lực GV, người lao động và xây dựng bộ công cụ đánh giá GV, người lao động theo vị trí việc làm làm căn cứ để xét thi đua, khen thưởng, tự bồi dưỡng, đào tạo [H15.5.15.12];

Trường đã xây dựng và ban hành Quy định tạm thời về tạo nguồn GV; Quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Trường [H15.5.15. 13]; Năm 2019, Trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch 3469/KH-ĐHSP về kế hoạch tuyển tạo nguồn GV nhằm chuẩn bị bổ sung đội ngũ nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới trường sư phạm [H15.5.15.14]. Ban hành quy định về cộng đồng học tập GV; quy định về lấy ý kiến phản hồi của người học để tiếp nhận thông tin về hoạt động giảng dạy của GV, hoạt động phục vụ của người lao động và có kế hoạch lấy ý kiến phản hồi định kỳ hằng năm. [H15.5.15.15];

Chỉ số 5.15.2. Trường có chiến lược và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả để phát triển các nhà giáo dục xuất sắc.

Trường có chiến lược và kế hoạch tuyển dụng [H15.5.15.16], kế hoạch, chiến lược, sử dụng đội ngũ minh bạch [H15.5.15.17], công tác tuyển dụng được thực hiện công khai, khách quan theo quy trình lựa chọn và các quy định của Luật Viên chức, Bộ Luật lao động, ĐHTN và văn bản hướng dẫn của Trường [H15.5.15.18]. Trường ban hành quy định về tuyển dụng CB, GV, trong những năm qua Trường đã thực hiện tốt quy định và quy trình tuyển dụng CB, GV [H15.5.15.19]. Quy định tuyển dụng, thông báo tuyển dụng, kế hoạch tuyển dụng được thông báo công khai trên cổng thông tin Trường và gửi đến các đơn vị, cá nhân trong Trường [H15.5.15.20]. Trường thực hiện triển khai chính sách hỗ trợ, khuyến khích đội ngũ GV đang đi học NCS: giảm 70% giờ chuẩn/năm

học và tạo điều kiện cho GV đang học NCS có thời gian hợp lý để hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng tiến độ [H15.5.15.21]. Trường có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho CBQL và GV đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tham gia các đợt học tập bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn ở trong và ngoài nước; khuyến khích GV tham gia các hội thảo trong nước, quốc tế và đăng báo trên các tạp chí trong nước và quốc tế có uy tín [H15.5.15.22]. Để tạo nâng cao số lượng và chất lượng các kết quả NCKH, đặc biệt là về lĩnh vực khoa học giáo dục và người dân tộc thiểu số, Trường đã xây dựng quy định và chính sách hỗ trợ GV và người học [H15.5.15.23] và nhiều mức kinh phí khuyến khích hỗ trợ khác cho các hoạt động KHCN khác của nhà trường [H15.5.15.24]. Đến nay, Trường đã thực hiện hỗ trợ theo quy định cho các GV đi học Sau đại học với tổng số tiền trên 2 tỷ đồng; Hỗ trợ cho CB GV tham dự hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế với tổng số tiền trên 4 tỷ đồng [H15.5.15.25]. Năm 2017, Trường đã cử 30 CB đi học NCS trong và ngoài nước; cử trên 800 lượt GV, CB, nhân viên, CBQL đi học tập, bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước. Số lượng CB bảo vệ thành công luận án trong năm học 2016-2017 là 25 CB. Năm 2018, Trường tiếp tục cử 12 CB đi học NCS (04 trong nước 04 và 08 ở nước ngoài); 03 CB đi học thạc sĩ; 159 lượt CB đi bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước [H15.5.15.26]. Bên cạnh đó, Trường xây dựng quy định sử dụng nguồn thu từ hợp tác quốc tế để phát triển công bố quốc tế, khuyến khích CB, GV tham dự và báo cáo tại các hội thảo khoa học trong nước và quốc tế, Trường sẽ hỗ trợ một phần kinh phí đi tham dự hội thảo quốc tế đối với các CB, GV có báo cáo và bài viết được đăng tại các tạp chí quốc tế hoặc kỷ yếu hội thảo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus [H15.5.15.27]. Hiện nay, đội ngũ GV của Trường là 346 người, trong đó trình độ TS là 167 (chiếm 48,26%), GS và PGS là 42 (chiếm 12,1%), 194 ThS (chiếm 51,6%), 100% GV có trình độ tin học và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu trong đào tạo và NCKH [H15.5.15.28]. Công tác xây dựng phát triển đội ngũ GV của Trường đã đáp ứng được yêu cầu mục tiêu chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỉ lệ trung bình SV/GV. Với tỉ lệ

nêu trên giúp Trường đảm bảo chất lượng đào tạo và tham gia vào chương trình bồi dưỡng giáo viên đổi mới chương trình giáo dục phổ thông [H15.5.15.29].

Trường có cơ chế khuyến khích các GV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học hoặc GV đạt chiến sỹ thi đua cơ sở. Hằng năm, Trường rà soát tiến độ học tập của CB, GV được cử đi học SĐH để có thông tin về quá trình và phát triển đội ngũ của đơn vị để có biện pháp khắc phục kịp thời [H15.5.15.30]. Ngay từ đầu năm học, Trường đã kí biên bản giao nhận nhiệm vụ tới từng CB, GV [H15.5.15.31]. Căn cứ trên khối lượng, nhiệm vụ và kết quả thực hiện công việc được giao, Trường tiến hành đánh giá, phân loại CB, GV trong năm học. Trường tổ chức thực hiện xét thi đua khen thưởng hằng năm theo quy định thi đua khen thưởng của ĐHTN. Hội xét đánh giá phân loại viên chức, thi đua khen thưởng CB, GV dựa trên danh sách hội xét cấp Khoa và hệ thống các danh mục minh chứng theo quy định [H15.5.15.32]. Năm học 2015-2016 và 2016-2017, Trường đã có 255 người được đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 134 người được công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở; 12 người được công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Bộ; 57 người được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; 08 người được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Năm học 2017-2018, Trường đã có 157 người được đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có 78 người được công nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở; 26 người được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. [H15.5.15.33].

Kết quả đánh giá, xếp loại được thông báo đến các đơn vị và cá nhân trong Trường và là một trong những căn cứ để phân loại CB, GV cải tiến, khắc phục hằng năm sau khi có đánh giá cũng như phản hồi của người học [H15.5.15.34].

Năm 2018, Trường tiến hành xây dựng và quy định về việc tạo nguồn CB giảng dạy, quy định về tập sự đối với GV tập sự và GV mới tuyển dụng [H15.5.15.35], Quy định chế độ thu hút người có học hàm, học vị cao về công tác tại Trường Đại học Sư phạm [H15.5.15.36]. Để thực hiện chiến lược và kế hoạch tuyển dụng, sử dụng đội ngũ minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả Trường

đã xây dựng, hoàn thiện đề án vị trí việc làm trình ĐHTN và đã được phê duyệt [H15.5.15.37]. Trường đã có các chính sách hợp tác với các viện nghiên cứu, các trường cao đẳng, đại học trong nước và ngoài nước, các địa phương để tạo môi trường cho GV phát triển qua các hoạt động khoa học, đào tạo và bồi dưỡng nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá SV [H15.5.15.38].

Chỉ số 5.15.3. Trường có chính sách và kế hoạch đảm bảo chất lượng trong cơ chế tuyển dụng và sử dụng giảng viên thỉnh giảng.

Chính sách về tuyển dụng và sử dụng GV thỉnh giảng được Nhà trường thực hiện theo Thông tư 44/2011/TT-BGDĐT ngày 10/10/2011, Thông tư 11/2013/TT-BGDĐT ngày 29/3/2011 của Bộ GD&ĐT về Quy định chế độ thỉnh giảng trong các cơ sở giáo dục đại học, Quyết định số 2537/QĐ-ĐHTN ngày 04/11/2015 của Giám đốc ĐHTN về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo trong ĐHTN [H15.5.15.39]. Năm 2019, trên cơ sở các căn cứ pháp lý của Bộ GD&ĐT, ĐHTN và kế hoạch sử dụng GV thỉnh giảng theo CTĐT, Trường ký hợp đồng đối với 54 GV thỉnh giảng (trong đó thỉnh giảng cho trình độ đại học: 04, thạc sỹ: 45 và tiến sĩ: 05). Trong hợp đồng thể hiện rõ các yêu cầu mà GV thỉnh giảng phải thực hiện để đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường như: GV thỉnh giảng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy chế đào tạo và các quy định của Trường; có đề cương bài giảng trước khi lên lớp, lần đầu tham gia giảng dạy nộp đề cương bài giảng về Phòng Đào tạo; cung cấp đề cương bài giảng, tài liệu học tập cho học viên trước khi giảng dạy, giảng dạy theo chương trình, thực hiện đầy đủ các nội dung trong đề cương môn học [H15.5.15.40], Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học đối với hoạt động giảng dạy của GV trong đó có GV thỉnh giảng [H15.5.15.41]. Kết quả phản hồi của người học được tổng kết, đánh giá, phân tích, gửi đến GV và Ban lãnh đạo khoa/bộ môn, trên cơ sở kết quả phản hồi các Khoa/Bộ môn có kế hoạch cải tiến, khắc phục cũng như phát huy những điểm mạnh của GV trong công tác giảng dạy và là một trong những kênh thông tin để Trường có kế hoạch

đối với việc tiếp tục mời và ký hợp đồng với GV thỉnh giảng tham gia giảng dạy nữa hay không [H15.5.15.42].

2. Điểm mạnh

- Có kế hoạch chiến lược, chính sách tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng GV theo giai đoạn; kế hoạch, quy trình và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch.
- Chất lượng tuyển dụng nguồn nhân lực được nâng cao, đội ngũ GV đáp ứng tốt nhiệm vụ đào tạo và NCKH trong phát triển Trường.

3. Điểm tồn tại

- Chưa đánh giá kết quả hoạt động tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ theo tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường.
- Nguồn tài chính hạn chế dẫn đến việc tuyển dụng và thu hút nhân lực giỏi về công tác tại trường còn hạn chế.
- Kế hoạch và việc triển khai kế hoạch phát triển nhân lực theo hướng tập trung mũi nhọn phát triển các nhóm chuyên gia trong Trường còn hạn chế.
- Chưa xây dựng quy định về sử dụng nguồn nhân lực, thỉnh giảng trong các trường ĐHSP.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát kết quả hoạt động tuyển dụng, bồi dưỡng đội ngũ theo tầm nhìn và kế hoạch chiến lược của Trường	Phòng HC-TC	1/2020	12/2020
2		Xây dựng quy định về sử dụng nguồn nhân lực, thỉnh giảng trong các trường ĐHSP	Phòng HC-TC	1/2020	12/2020
1	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ đáp ứng yêu cầu xu hướng phát triển giáo dục đại học trong nước và khu vực.	Phòng HC-TC	8/2020	9/2021

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦
Chỉ số 5.15.1				X			
Chỉ số 5.15.2				X			
Chỉ số 5.15.3			x				
Điểm tiêu chí	3.7						

Tiêu chuẩn 6: Hỗ trợ dạy học**Tiêu chí 6.16: Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên****1. Mô tả**

Chỉ số 6.16.1. Trường có hệ thống hỗ trợ hiệu quả các giảng viên tập sự và giảng viên mới.

GV mới tuyển dụng được thực hiện chế độ tập sự theo Quyết định số 2010/QĐ– HCTC ngày 17/07/2013 của Trường Đại học Sư phạm [H16.6.16.01]. Trường ra Quyết định cử các GV có kinh nghiệm hướng dẫn tập sự cho các GV mới. Trong thời gian tập sự, GV tập sự được hướng dẫn soạn bài giảng, dự giờ các giờ dạy của các GV có kinh nghiệm, thực hiện các tiết dạy có sự dự giờ của khoa, bộ môn. Ngoài ra, các GV tập sự cũng tham gia trợ giảng cho các GS, PGS nhiều kinh nghiệm với các hoạt động như chữa bài tập, tổ chức Seminar, hoạt động ngoại khóa. Hoạt động này đảm bảo cho GV tập sự làm quen với các hoạt động dạy học ở đại học. Sau thời gian tập sự, GV được Khoa, bộ môn đánh giá, góp ý về những điểm mạnh, điểm yếu, hạn chế trước khi đề nghị Trường công nhận hết tập sự [H16.6.16.02]. GV tập sự được ký hợp đồng làm việc, được hưởng 85% mức lương của chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm được tuyển dụng. Các khoản phụ cấp khác được hưởng theo quy định của pháp luật, quy định của ĐHTN và quy định của trường Đại học Sư phạm.

Hằng năm, Trường tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Sư phạm cho GV tập sự, GV mới giúp làm quen với môi trường giảng dạy Đại học, cung cấp các kiến thức, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học hiện đại, tiên tiến giúp GV mới, GV tập sự hình thành các năng lực nghiệp vụ như năng lực đánh giá kết quả học tập của người học, năng lực rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho SV, năng lực giáo dục và tư vấn giáo dục, năng lực phát triển CTĐT, năng lực hợp tác với các bên liên quan.v.v.

Kết quả cho thấy tất cả các GV được tuyển dụng đều hoàn thành tập sự đúng thời hạn. Các GV sau khi tập sự đều đạt mức xếp loại hoàn thành nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong các đợt đánh giá, phân loại VC hằng năm.

Đối với các CB GV trẻ học tập nâng cao trình độ, Trường có quy định về việc hỗ trợ cho CB, GV trẻ học tiến sĩ trong nước và nước ngoài, có quy định hỗ trợ kinh phí cho GV đi học ngoại ngữ đáp ứng được các chương trình học thạc sĩ và tiến sĩ ở nước ngoài, bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao cho Trường [H16.6.16.03]. Trường hỗ trợ cho các CB đi học NCS tập trung có tham gia giảng dạy bằng mức phụ cấp ưu đãi [H16.6.16.04]. Các quy định này được rà soát, điều chỉnh hằng năm dựa trên phản hồi của các CB, GV Trường thông qua Hội nghị CBVC, Hội nghị GV, Hội nghị gặp mặt các GV của Trường đang đi học NCS [H16.6.16.05, H16.6.16.06].

Năm 2018, Trường đã tiến hành xây dựng Quy định về tạo nguồn CB GV và Quy định chế độ tập sự đối với GV mới tuyển dụng, mới chuyển công tác về Trường Đại học Sư phạm. Trong các quy định này ngoài nội dung về tập sự theo chức danh nghề nghiệp, còn quy định rõ các nội dung và hướng dẫn tập sự chuyên môn như thực tế và rèn kỹ năng thực hành chuyên môn nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục phổ thông và mầm non; dự giờ sinh hoạt chuyên môn, biên soạn tài liệu giảng dạy,..v.v. [H16.6.16.31]. Hệ thống hỗ trợ GV tập sự, GV mới tuyển dụng đảm bảo hiệu quả bao gồm phòng chức năng, khoa chuyên môn và các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông. Trường sẽ có kế hoạch triển khai thực hiện và đánh giá hiệu quả trong năm 2019.

Năm 2018, Trường cũng đã xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực GV tập sự, GV mới tuyển dụng. Đây là căn cứ để đánh giá năng lực của các GV mới từ đó có kế hoạch sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với từng đối tượng [H16.6.16.32].

Năm 2018, Trường xây dựng quy định về cộng đồng học tập trong đó quy định về vai trò của GV chủ chốt trong việc tư vấn, hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp [H16.6.16.33].

Tuy nhiên, việc rà soát và lấy ý kiến phản hồi từ GV tập sự, GV mới tuyển dụng của nhà trường về hệ thống hỗ trợ của nhà trường chưa thực sự được chú trọng.

Chỉ số 6.16.2. Giảng viên được khuyến khích và thực hiện được vai trò là người hướng dẫn hiệu quả.

Bên cạnh hoạt động giảng dạy, GV của Trường còn đảm nhận vai trò cố vấn học tập cho người học, cố vấn học tập có trách nhiệm thông tin đến người học các quy chế, quy định đào tạo hiện hành, tư vấn cho người học xây dựng kế hoạch học tập và lộ trình học tập phù hợp nhất với năng lực người học. Để có thể thực hiện tốt nhất nhiệm vụ cố vấn học tập cho SV, từ năm học 2015 -2016, Trường quy định mỗi GV thực hiện nhiệm vụ cố vấn cho 1 nhóm từ 10-15 SV. Để GV hoàn thành tốt nhiệm vụ cố vấn học tập, Trường tổ chức tập huấn cho GV, có tài liệu hướng dẫn GV làm nhiệm vụ cố vấn. Hàng năm, Trường đều lấy phản hồi ý kiến của SV về GV làm nhiệm vụ cố vấn, thông báo kết quả phản hồi đến từng GV để có kế hoạch khắc phục làm nhiệm vụ tốt hơn [H16.6.16.07]. Nhờ vào hoạt động tư vấn hiệu quả nên số lượng SV ra trường đúng thời hạn, số lượng SV tốt nghiệp đạt loại khá, giỏi luôn chiếm tỉ lệ cao [H16.6.16.08].

Đối với các Trường sư phạm, hoạt động đặc thù là các hoạt động giúp SV làm quen với môi trường phổ thông, thực tập, thực tế và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp tại các Trường phổ thông. Nhận thức được tầm quan trọng của các hoạt động liên kết với trường phổ thông, Các học phần như thực tập sư phạm 1, thực tập sư phạm 2 được thực hiện theo kế hoạch, các GV giúp đỡ từng SV làm quen với hoạt động giáo dục phổ thông và nâng cao năng lực giảng dạy, hoàn thiện kỹ

năng nghề nghiệp cho người học. [H16.6.16.9, H16.6.16.10]. Ngoài ra, từ năm học 2013-2014, mỗi năm Trường đã cử hơn 6000 lượt SV (từ năm thứ nhất) đi thực tế môn học ở các trường phổ thông, mầm non trong thời gian từ 02 đến 03 tuần. Đây là hoạt động giúp SV vận dụng lý luận vào thực tiễn giáo dục đối với các môn học liên quan đến giáo dục phổ thông, mầm non (Tâm lý học, Giáo dục học và PPDH bộ môn) và phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm, các môn học đều có GV hướng dẫn đi kèm. Trường có các quy định cụ thể về thực tế, thực tập sư phạm trong đó nêu rõ nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ đối với GV. Hàng năm, Trường đều có các hội nghị tổng kết hoạt động thực tập sư phạm, thực tế chuyên môn để tổng kết, đánh giá hiệu quả của các hoạt động này [H16.6.16.11].

Để nâng cao năng lực NCKH cho SV, hằng năm Trường giao nhiệm vụ hướng dẫn SV NCKH cho các GV có kinh nghiệm. ĐHTN và Trường ĐHSP có quy định về hỗ trợ kinh phí cho GV và SV trong hoạt động NCKH của SV [H16.6.16.03]. Các quy định này đã thúc đẩy được hoạt động NCKH của SV thể hiện qua số lượng, chất lượng các đề tài NCKH SV [H16.6.16.12]. Có nhiều đề tài NCKHSV đạt giải cao trong các cuộc thi các cấp [H16.6.16.13].

Vai trò hướng dẫn của GV đối với SV, học viên còn được thể hiện thông qua việc tổ chức các lớp đoàn, đội, rèn luyện kỹ năng mềm, các lớp tập huấn về dạy học tích hợp, trải nghiệm sáng tạo cho SV. Các khóa học này luôn thu hút được đông đảo SV, học viên tham gia, góp phần hoàn thiện các kỹ năng nghề nghiệp cho SV trước khi ra trường và giúp các giáo viên phổ thông, mầm non nâng cao năng lực của bản thân [H16.6.16.14].

Để nâng cao vai trò hướng dẫn và tăng cường liên kết với các Trường phổ thông, năm 2018, Trường đã tổ chức xây dựng cộng đồng học tập, tăng cường vai trò hỗ trợ giữa các GV trong Trường và giữa GV với giáo viên phổ thông [H16.6.16.33].

Đặc biệt để phục vụ cho việc triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới, Trường đã phối hợp với chương trình GREP và ETEP cử hàng trăm lượt GV tham dự bồi dưỡng GV sư phạm chủ chốt, GV quản lý giáo dục chủ chốt.

Gần 30 CB tham gia viết và thẩm định sách giáo khoa các cấp [H16.6.16.34].

Chỉ số 6.16.3. Lãnh đạo Trường cam kết và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên nhằm nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên, gắn với thực tế trong các trường phổ thông.

Công tác bồi dưỡng và phát triển đội ngũ GV được Đảng ủy, Ban Giám hiệu quan tâm chỉ đạo. Đảng ủy đã ban hành Đề án tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng GV giai đoạn 2010-2015, hướng tới 2020 [H16.6.16.15]. Mục tiêu cụ thể đến năm 2015 Trường có trên 30% GV có trình độ TS trở lên; đến năm 2020 Trường có trên 50% GV có trình độ từ TS trở lên. Công tác phát triển đội ngũ CB, GV, nhân viên của Trường còn được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2016-2020 [H16.6.16.16]. Mục tiêu cụ thể đến năm 2020 Trường có trên 50% GV có trình độ TS trở lên; 10% GV có học hàm giáo sư, phó giáo sư; 100% GV đạt chuẩn tin học, ngoại ngữ; 10% GV không chuyên tiếng anh có thể giảng dạy chuyên môn bằng tiếng anh; 1/3 GV cử đi học được đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài. Năm 2018, Trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ giai đoạn 2018 -2022 và tầm nhìn đến năm 2030 [H16.6.16.35]. Trường đã ban hành Khung năng lực của CB, GV và xác định mức độ đáp ứng cho từng vị trí, việc làm. Dựa trên khung năng lực các cá nhân và đơn vị tự đánh giá năng lực, xác định nhiệm vụ bồi dưỡng [H16.6.16.36]. Trường cũng khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của GV và xây dựng hệ thống tài liệu bồi dưỡng bao gồm 60 tín chỉ để GV tự bồi dưỡng và mời chuyên gia bồi dưỡng (các chuyên đề bồi dưỡng về phương pháp kiểm tra đánh giá, dạy học trực tuyến, dạy học số, giáo dục STEM, giáo dục khởi nghiệp, v.v.) [H16.6.16.37]. Từ năm 2017 đến nay Trường tổ chức nhiều khóa đào tạo bồi dưỡng theo khung năng lực cho các đối tượng như: bồi dưỡng cho CBQL (các khóa về lập kế hoạch chiến lược; Quản lý nhà nước về giáo dục; Bồi dưỡng trình độ chính trị; Khai thác thị trường đào tạo, bồi dưỡng, NCKH), Bồi dưỡng GV (các khóa bồi dưỡng về đánh giá, giáo dục STEM, giáo dục khởi nghiệp, giáo dục số, dạy học trực tuyến, v.v.) [H16.6.16.43]. Các khóa tập huấn đều được lấy

ý kiến phản hồi của CB tham gia về nhiều mặt như đánh giá chung, đánh giá về thời lượng, nội dung, tài liệu, GV, hậu cần.v.v, kết quả cho thấy trên 80% CB đều đánh giá tốt về các khóa tập huấn và các điểm tốt, điểm chưa tốt của khóa học được Trường xem xét, đánh giá, rút kinh nghiệm cho các khóa tập huấn, bồi dưỡng tiếp theo [H16.6.16.46].

Trường luôn chú trọng đến công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV. Trong năm năm qua trường đã cử 45 CB đi học ThS, 70 CB đi học Nghiên cứu sinh trong và ngoài nước; cử được hơn 1000 lượt GV, CB, nhân viên, CBQL đi học tập, bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước. Năm 2018, Trường cử 12 CB đi học NCS (04 trong nước 04 và 08 ở nước ngoài); 03 CB đi học thạc sĩ; 159 lượt CB đi bồi dưỡng, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước.[H16.6.16.17].

Trường có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho GV đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tham gia các đợt học tập bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn ở trong và ngoài nước; khuyến khích GV tham gia các hội thảo trong nước, quốc tế và đăng báo trên các tạp chí trong nước và quốc tế có uy tín. Trong 5 năm qua, Trường đã thực hiện hỗ trợ theo quy định cho trên 80 GV học thạc sĩ và 100 GV học tiến sĩ với tổng số tiền trên 2 tỷ đồng [H16.6.16.18]; Hỗ trợ cho 645 lượt CB GV tham dự hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế với tổng số tiền trên 4 tỷ đồng. [H16.6.16.19].

Trường có chính sách quy định về hỗ trợ GV trình độ cao khi đảm bảo những quy định về giảng dạy, NCKH, tự bồi dưỡng của trường theo từng tháng: giáo sư 900.000đ/tháng, phó giáo sư 600.000đ/tháng, tiến sĩ 300.000đ/tháng. Trường hỗ trợ cho các công trình công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế có uy tín: công bố quốc tế tối đa 15 triệu/bài, công bố trong nước tối đa 1 triệu/bài. Trong năm năm qua trường đã hỗ trợ cho hơn 700 bài báo khoa học trong nước và quốc tế với tổng số tiền gần 500 triệu đồng. Khen thưởng kịp thời đối với các GV và SV có thành tích trong NCKH [H16.6.16.20].

Trường tạo điều kiện cho GV tham gia các hoạt động phát triển nghề nghiệp như trải nghiệm thực tế tại các trường phổ thông mầm non. Từ năm học

2015 –2016, Trường đã cử 31 GV đi nghiên cứu thực tế 01 tuần ở các trường phổ thông và trường mầm non. Năm học 2018 - 2019, Trường tiếp tục cử 32 GV đi nghiên cứu thực tế tại 7 cơ sở ở các trường phổ thông và mầm non [H16.6.16.38] Trong thời gian thực tế, GV phải phối hợp với giáo viên phổ thông, mầm non để xây dựng bài giảng mẫu và hoạt động mẫu. Ngoài ra, để tạo mối liên hệ mật thiết với các trường phổ thông, mầm non, Trường đã ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác với các trường, mỗi Khoa chuyên môn ký thỏa thuận với một trường, các GV thường xuyên tổ chức các hoạt động chung với các Trường phổ thông như: hoạt động trải nghiệm sáng tạo, dự giờ của SV thực tập, giúp đỡ các trường phổ thông sửa chữa các phòng thí nghiệm, phối hợp trong các cuộc thi Khoa học kỹ thuật của học sinh.v.v. [H16.6.16.21].

Trường báo cáo thực hiện chính sách hỗ trợ cho GV tham gia hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước thông qua báo cáo tại hội nghị tài chính và hội nghị CB VC hằng năm. Trường cũng cử nhiều GV tham dự các buổi hội thảo, tập huấn gắn với thực tế phổ thông, cử hàng trăm lượt CB tham gia tập huấn GV sư phạm chủ chốt và GV quản lý giáo dục chủ chốt [H16.6.16.22].

Chỉ số 6.16.4. Trường hỗ trợ giảng viên sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp cho chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

Trường hỗ trợ GV sử dụng hiệu quả các phương pháp giảng dạy thích hợp bằng việc có những quy định cụ thể về quản lý, sử dụng hội trường, giảng đường; quản lý tài sản, thiết bị trong Trường; biên soạn và sử dụng giáo trình, đề cương bài giảng, đề cương môn học, thiết kế và sử dụng bài giảng điện tử, bài giảng trực tuyến; cử GV đi nghiên cứu thực tế tại các trường phổ thông và trường mầm non; lấy ý kiến phản hồi của người học [H16.6.16.23]. Năm 2018, 2019 Trường xây dựng được 14 bộ tài liệu và bài giảng trực tuyến và triển khai dạy học trực tuyến [H16.6.16.39].

Để nâng cao chất lượng giảng dạy, Trường đầu tư cơ sở vật chất như: Các phòng học được trang bị máy chiếu, mạng wifi, trang thiết bị dạy học trực quan phục vụ hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy của GV, định kỳ Trường tiến

hành kiểm kê đánh giá khấu hao tài sản, lập dự trù mua sắm, sửa chữa, thay thế. Năm học 2018-2019 Trường triển khai dự án thư viện điện tử với các trang thiết bị hiện đại [H16.6.16.40]. Các đề cương môn học được biên soạn theo hướng phát triển năng lực, đặc biệt các chương trình bồi dưỡng thường xuyên, GV chú trọng sử dụng phương pháp dạy học thích hợp giúp người học tự tìm hiểu và chiếm lĩnh tri thức, việc đánh giá kết quả học tập của người học được thay đổi, theo hướng tiếp cận năng lực, được tiến hành qua các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, bài tiểu luận, bài tập lớn, bài kiểm tra định kỳ gắn với thực tế công việc ở trường phổ thông [H16.6.16.24]. Trường tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo về giảng dạy trực tuyến, cử GV tham gia các khóa bồi dưỡng về đổi mới phương pháp dạy học, soạn bài giảng điện tử, sử dụng hiệu quả các phương pháp dạy học tích cực giúp GV nâng cao năng lực giảng dạy, tuy nhiên số lượng các khóa tập huấn, hội thảo chưa nhiều. Trường có chế độ hỗ trợ cho GV biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo sau khi các tài liệu này được nghiệm thu đưa vào sử dụng [H16.6.16.25]. Từ năm học 2015 – 2016 đến nay, Trường liên tục cử GV và hỗ trợ kinh phí cho GV đi nghiên cứu thực tế ở trường phổ thông và trường mầm non, qua đó GV có được cái nhìn toàn diện về giáo dục phổ thông từ đó đề xuất điều chỉnh hoạt động giáo dục một cách thích hợp gắn lý thuyết với thực tiễn [H16.6.16.21].

Trường tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của người học về phương pháp dạy học của GV, qua đó giúp Trường đánh giá hiệu quả sử dụng các phương pháp giảng dạy của GV và giúp GV điều chỉnh phương pháp giảng dạy đạt hiệu quả [H16.6.16.26]. Để giúp cho GV sử dụng hiệu quả phương pháp giảng dạy, Trường phối hợp với Công đoàn Trường chỉ đạo các khoa/bộ môn thường xuyên thăm lớp, dự giờ, Trường tổ chức Hội thi GV giỏi để GV có cơ hội trao đổi, học tập, rút kinh nghiệm về phương pháp dạy học của mình [H16.6.16.27]. Năm 2019, Trường tổ chức đánh giá 7 CTĐT và lấy ý kiến của các bên liên quan giúp GV hoàn thiện phương pháp và hình thức tổ chức dạy học [H16.6.16.41].

Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của giáo viên về hoạt động bồi dưỡng của GV nhằm giúp GV sử dụng hiệu quả và hoàn thiện phương pháp dạy học [H16.6.16.42].

Chỉ số 6.16.5.Trường cung cấp các cơ hội chuyên nghiệp hóa đội ngũ giảng viên để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt, tiếp cận các vấn đề giáo dục và các vấn đề xã hội có tác động đến các hoạt động sư phạm.

Trường có chính sách phát triển đội ngũ hợp lý, phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Trường, kế hoạch đào tạo GV, kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ CB [H16.6.16.28]. Lãnh đạo Trường có chủ trương xây dựng đội ngũ chuyên gia, xây dựng nhóm nghiên cứu chuyên ngành, liên ngành, đội ngũ GV đáp ứng giảng dạy, đào tạo người học có trình độ cao [H16.6.16.29].

Năm 2018, Trường đã Ban hành khung năng lực, khảo sát nhu cầu đào tạo của GV, ban hành tài liệu bồi dưỡng GV [H16.6.16.36], [H16.6.16.37]

Từ năm 2017 đến nay Trường tổ chức nhiều khóa đào tạo bồi dưỡng theo khung năng lực cho các đối tượng như: bồi dưỡng cho CBQL (các khóa về lập kế hoạch chiến lược; Quản lý nhà nước về giáo dục; Bồi dưỡng trình độ chính trị; Khai thác thị trường đào tạo, bồi dưỡng, NCKH), Bồi dưỡng GV (các khóa bồi dưỡng về đánh giá, giáo dục STEM, khởi nghiệp, giáo dục số, dạy học trực tuyến, .v.v.) [H16.6.16.43]

Trường tổ chức nhiều Hội thảo trong nước và quốc tế tạo môi trường để GV học tập, chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ như Hội thảo CDR và khối lượng kiến thức tối thiểu của CTĐT giáo viên, Hội thảo chương trình giáo dục phổ thông mới và chương trình Bồi dưỡng CBQL giáo dục và giáo viên phổ thông, Hội thảo đào tạo nâng chuẩn cho giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu Luật giáo dục, Hội thảo quốc tế ICTE, v.v. [H16.6.16.44].

Góp phần chuyên nghiệp hóa đội ngũ Trường ban hành quy định về học tập nâng cao trình độ tại nước ngoài và quy định Chuẩn năng lực ngoại ngữ, chuẩn tin học cho GV, CB [H16.6.16.45].

Trường cử nhiều CBGV tham gia các khóa đào tạo sau đại học ở trong và nước ngoài. Cử các đoàn đi tham quan học tập kinh nghiệm ở Đài Loan, Hàn

Quốc, Thái Lan, Úc,... Tuy nhiên, vì kinh phí có hạn nên cũng chưa được thường xuyên và số lượng CB GV được đi chưa nhiều, Trường mới yêu cầu các CB đi tập huấn, tham gia các khóa đào tạo báo cáo kết quả sau khi tập huấn về Trường, chưa yêu cầu các CB này lập kế hoạch ứng dụng kết quả đi học tập, nghiên cứu vào thực tiễn hoạt động giáo dục, đào tạo của Trường, chưa tổ chức đánh giá hiệu quả của việc cử CBGV tham gia các khóa đào tạo sau đại học, tham quan học tập kinh nghiệm ở trong và nước ngoài, chỉ một số ít GV của Trường có thể giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh. Trường hỗ trợ GV kinh phí để tham gia các tập huấn, hội nghị về các vấn đề giáo dục, đổi mới giáo dục, các vấn đề xã hội hóa giáo dục. Bên cạnh đó GV của Trường được tạo điều kiện tham gia các dự án, đề án về đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, nâng cao hiệu quả quản lý công tác giáo dục phổ thông, nhóm nghiên cứu chuyên ngành, biên soạn và tham gia giảng dạy lớp bồi dưỡng chứng chỉ nâng hạng chức danh nghề nghiệp cho GV, giáo viên [H16.6.16.30]. Trường chưa có chế độ hỗ trợ GV đi học sau tiến sĩ, nghiên cứu chuyên sâu ở nước ngoài, đi tập huấn ngắn hạn, dài hạn ở nước ngoài.

2. Điểm mạnh

- Trường có chính sách phát triển đội ngũ, hợp lý, gắn với sứ mạng của Trường, nhiều biện pháp hiệu quả được Trường thực hiện để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực của đội ngũ GV.

- Trường hỗ trợ, tạo điều kiện cho GV tập sự, GV mới trong quá trình giảng dạy, NCKH, bồi dưỡng, học tập để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy. Có cơ chế để GV tập sự, GV mới phát triển chuyên môn và gắn bó lâu dài với Trường.

- Công tác phối hợp, gắn kết với các trường phổ thông, mầm non được Trường quan tâm, chú trọng, đạt hiệu quả tương đối tốt.

3. Điểm tồn tại

- Việc rà soát, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về hệ thống hỗ trợ GV tập sự, GV mới của Trường chưa được thực hiện khoa học, hiệu quả

- Trường chưa cung cấp được đội ngũ GV giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh.

- Việc khuyến khích các GV thực hiện vai trò người hướng dẫn và sử dụng hiệu quả phương pháp giảng dạy, cung cấp cơ hội chuyên nghiệp hóa đội ngũ GV để đáp ứng các nhu cầu đặc biệt chưa được đánh giá một cách toàn diện và có những cải tiến thiết thực.

- GV tham gia giảng dạy chương trình bồi dưỡng thường xuyên chưa được đánh giá thường xuyên, kịp thời. Trường chưa tích hợp các công cụ kết quả khảo sát vào hệ thống khảo sát ý kiến phản hồi của người học chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng và đưa vào sử dụng các phiếu khảo sát để đánh giá hiệu quả giảng dạy của GV tập sự và GV mới; đánh giá công tác hỗ trợ của Trường đối với GV mới.	Phòng KT&ĐBCL GD	1/2020	12/2021
2		Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ CB hỗ trợ: chuyên viên, nhân viên, kỹ thuật viên.	Phòng Hành chính – Tổ chức	1/2020	12/2022
3		Nâng cao năng lực ngoại ngữ cho CB, GV	Phòng Hành chính – Tổ chức	1/2020	12/2022

4		Đánh giá hiệu quả đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm xây dựng phương án đầu tư cơ sở vật chất hỗ trợ hoạt động giảng dạy hiện đại	Phòng Quản trị - Phục vụ chủ trì, phối hợp: Phòng KT&ĐBCL, Phòng KH-TC	1/2020	12/2022
5		Xây dựng và triển khai kết nối trực tuyến các hoạt động giảng dạy ở phổ thông với hoạt động giảng dạy ở trường sư phạm	Phòng Đào tạo	1/2020	12/2021
6		Xây dựng bộ công cụ và triển khai đánh giá GV tham gia giảng dạy chương trình bồi dưỡng thường xuyên	Phòng KT&ĐBCL GD	1/2020	12/2021
7	Phát huy điểm mạnh	Hoàn thiện quy định và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thực tế phổ thông của GV sư phạm	Phòng Đào tạo	1/2020	12/2021
8		Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức hội thảo, hội nghị giới thiệu mô hình dạy học mới, tiên tiến	Phòng Đào tạo	1/2020	12/2020

9		Cập nhật các CTĐT phù hợp với chương trình giáo dục phổ thông	Phòng Đào tạo	1/2020	12/2022
10		Tổ chức các khóa bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho GV	Phòng HC-TC	1/2020	12/2022
11		Xây dựng đội ngũ GV chủ chốt và phát triển cộng đồng học tập cho GV	Phòng Đào tạo	1/2020	12/2022

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 6.16.1				x			
Chỉ số 6.16.2				x			
Chỉ số 6.16.3				x			
Chỉ số 6.16.4				x			
Chỉ số 6.16.5			x				
Điểm tiêu chí	3,8						

Tiêu chí 6.17. Đánh giá và công nhận giảng viên

1. Mô tả

Chỉ số 6.17.1. Trường có chính sách đánh giá giảng viên một cách chính xác, công khai và minh bạch.

Định kỳ, Trường đánh giá GV thông qua Biên bản giao, nhận nhiệm vụ đầu năm học, quy định về nhiệm vụ của GV theo các chức danh, lấy ý kiến phản hồi của người học về GV, bản đăng ký thi đua trong năm học, quy định về đánh giá phân loại CB, VC và người lao động để hưởng lương tăng thêm [H17.6.17.1].

Trường tiến hành đánh giá GV thông qua nhiều nguồn thông tin khác nhau: Đánh giá năng lực chuyên môn, nghiệp vụ thông qua việc tổ chức các tiết dạy có dự giờ chuyên môn; khảo sát ý kiến, phản hồi của SV về hiệu quả tổ chức hoạt động dạy học của GV; đánh giá, xếp loại CB, VC hằng năm [H17.6.17.2]. Kết quả khảo sát ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV được thông báo đến từng GV và CBQL các cấp cùng đảm bảo tính công khai và minh bạch của hoạt động đánh giá [H17.6.17.3].

Trường đã xây dựng phần mềm khảo sát ý kiến phản hồi của người học về GV, tích hợp các công cụ kết quả khảo sát vào hệ thống đảm bảo tất cả các GV tham gia giảng dạy đều được lấy ý kiến phản hồi của người học. Thông qua các hoạt động đánh giá, kết quả đánh giá là căn cứ giúp GV có những điều chỉnh để nâng cao chất lượng dạy học nói riêng và chất lượng đào tạo tại Trường nói chung [H17.6.17.4].

Đối với các GV tạo nguồn, Trường yêu cầu trong 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng làm việc phải có bằng thạc sĩ, có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học để được tiếp tục ký hợp đồng lao động [H17.6.17.5].

Năm 2018, Trường đã ban hành Quy định chế độ tập sự đối với GV mới tuyển dụng, mới chuyển công tác về Trường [H17.6.17.11].

Các hoạt động đánh giá GV: quy định về đánh giá, nội dung đánh giá, hình thức đánh giá GV được Trường công khai rộng rãi trong toàn bộ CBVC, các hoạt động đánh giá được thực hiện công khai, đảm bảo tính minh bạch và công bằng được tiến hành công khai trong toàn Trường, kế hoạch và kết quả đánh giá xếp loại CB VC được thông báo rộng rãi đến toàn bộ VC, đảm bảo minh bạch và công khai của kết quả đánh giá [H17.6.17.6]. Tuy nhiên, Trường chưa phân tích kết quả đánh giá để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn một cách phù hợp, giúp GV hoàn thiện về chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận thực hiện các CTĐT, bồi dưỡng [H16.6.16.28]. Trường tiến hành đánh giá và xếp loại CB VC hằng năm, tùy theo hiệu quả các công việc được giao mà GV được đánh giá và xếp loại từ “không hoàn thành nhiệm vụ” đến

“hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, 6 tháng/lần Trường đánh giá, phân loại GV theo quy định để xét lương tăng thêm cho GV trong Trường [H17.6.17.7].

Năm 2018, Trường đã tiến hành xây dựng bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công việc KPIs và hoàn thiện trong năm 2019 và tổ chức đánh giá [H17.6.17.12]

Nội dung, hình thức đánh giá dành cho GV chưa được rà soát thường xuyên, điều chỉnh phù hợp với thực tế Trường giúp đánh giá xác thực về thực trạng, năng lực đội ngũ GV.

Chỉ số 6.17.2. Trường có cơ chế công nhận, đãi ngộ thành tích của giảng viên, khuyến khích các hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Trường có quy định rõ ràng về nhiệm vụ của GV trong các hoạt động giảng dạy và NCKH [H17.6.17.8].

Trong quy định về đánh giá để hưởng lương tăng thêm, kết quả NCKH được sử dụng để tính điểm thưởng, khối lượng giờ giảng và NCKH được tính điểm khi xét lương tăng thêm như là một cơ chế để khuyến khích GV hoàn thành trách nhiệm giảng dạy và NCKH với chất lượng cao. Những GV vượt định mức giờ chuẩn cũng được Trường thanh toán theo chức danh từ 35.000 đồng đến 55.000 đồng cho một tiết giảng, những GV không đủ giờ NCKH khi tính vượt giờ định mức phải bù bằng giờ giảng dạy [H17.6.17.9].

Trường có chính sách quy định về hỗ trợ GV trình độ cao khi đảm bảo những quy định về giảng dạy, NCKH, tự bồi dưỡng của trường theo từng tháng: giáo sư 900.000đ/tháng, phó giáo sư 600.000đ/tháng, tiến sĩ 300.000đ/tháng. Trường có chính sách, khuyến khích GV tham gia các hội thảo trong nước, quốc tế và đăng báo trên các tạp chí trong nước và quốc tế có uy tín. Trường hỗ trợ cho các công trình công bố trên các tạp chí trong nước và quốc tế có uy tín: công bố quốc tế tối đa 15 triệu/bài, công bố trong nước tối đa 1 triệu/bài. Trong năm qua trường đã hỗ trợ cho hơn 700 bài báo khoa học trong nước và quốc tế với tổng số tiền gần 500 triệu đồng. Khen thưởng kịp thời đối với các GV và SV có thành tích trong NCKH. Số bài báo khoa học có chất lượng cao tăng từng năm [H17.6.17.10]. Năm 2018, Trường đang tiến hành xây dựng quy chế khen thưởng cho GV đạt thành tích xuất sắc trong NCKH

Năm 2018, Trường ban hành Quy định về sử dụng nguồn thu từ hoạt động hợp tác quốc tế để phát triển công bố các bài báo quốc tế hoặc các sản phẩm NCKH, tạo động lực và khuyến khích các cá nhân, đơn vị trong Trường đối với các hoạt động công bố quốc tế, hướng đến mục tiêu phát triển số lượng các GV có công bố quốc tế, đa dạng về lĩnh vực chuyên môn trong Trường có thể có công bố quốc tế, tăng số lượng các công bố quốc tế có chất lượng cao [H17.6.17.13].

2. Điểm mạnh

- Trường đánh giá GV một cách hệ thống với nhiều nguồn thông tin khác nhau.

- Trường có chính sách đánh giá và công nhận GV có tính khuyến khích GV tham gia các công việc giảng dạy và NCKH, thu hút GV tham gia và hoàn thành các nhiệm vụ giảng dạy và NCKH.

3. Điểm tồn tại

- Nguồn kinh phí khuyến khích GV của Trường còn hạn chế.
- Trường chưa có hệ thống theo dõi sự cải tiến của GV sau đánh giá.
- Trường chưa tiến hành đánh giá toàn diện tác động của những chính sách hỗ trợ, khuyến khích đối với sự phát triển năng lực và hiệu quả làm việc của GV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tổ chức đánh giá và phân loại GV theo hướng chuẩn hóa	Phòng Hành chính – Tổ chức	12/2019	12/2021
2		Xây dựng hệ thống dữ liệu hoàn chỉnh về GV	Phòng Hành chính – Tổ	12/2019	12/2022

		kết nối các thông tin về hoạt động giảng dạy, NCKH, hoạt động bồi dưỡng và các hoạt động khác, đánh giá hiệu quả làm việc.	chức		
3		Đánh giá toàn diện tác động của những chính sách hỗ trợ, khuyến khích đối với sự phát triển năng lực và hiệu quả làm việc của GV	Phòng Hành chính – Tổ chức	12/2019	12/2022
4	Phát huy điểm mạnh	Hoàn thiện các cơ chế chính sách đánh giá và công nhận GV	Phòng Hành chính – Tổ chức	12/2019	12/2022

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 6.17.1			x				
Chỉ số 6.17.2				x			
Điểm tiêu chí	3,5						

Tiêu chuẩn 7: Hỗ trợ học tập

Tiêu chí 7.18: Tuyển sinh và hỗ trợ người học

1. Mô tả

Chỉ số 7.18.1. Chính sách, quy trình tuyển sinh cho các chương trình đào tạo và bồi dưỡng được thông báo công khai, được thực hiện công bằng và minh bạch.

Hằng năm, Trường xây dựng Kế hoạch và Đề án tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh được xây dựng theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT về nhóm ngành học cũng như các chế độ ưu tiên. Căn cứ Kế hoạch tổng thể và Hướng dẫn công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy, sau đại học của ĐHTN, Trường xây dựng kế hoạch chi tiết giao cho nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị/nhóm/tổ thực hiện các hoạt động tuyển sinh đảm bảo đúng thời hạn [H18.7.18.01]. Các thông tin tuyển sinh đều được công khai trên website Trường cũng như phổ biến rộng rãi đến CB, GV và SV toàn trường Thông tin tuyển sinh được cập nhập thường xuyên, liên tục giúp thí sinh nắm được thông tin nhanh nhất [H18.7.18.02]. Mặt khác, Trường quảng bá thông tin trên các kênh như: Truyền hình địa phương, mạng xã hội hoặc gửi thông báo tuyển sinh qua bưu điện đến từng trường [H18.7.18.03]. Đồng thời, Trường tổ chức các đoàn tư vấn về các trường phổ thông để quảng bá, giới thiệu và tư vấn thông tin tuyển sinh trực tiếp đến thí sinh [H18.7.18.04]. Trường xây dựng các đề án liên kết đào tạo tại địa phương theo đúng Quy định của Bộ GD&ĐT, cùng với các đơn vị liên kết tạo thêm một kênh tuyển sinh công khai, hiệu quả. Bên cạnh công tác tuyển sinh thường xuyên như trên, Trường triển khai nhiều công tác, hoạt động tiếp cận và mở rộng thị trường lao động đào tạo, bồi dưỡng nhằm cải tiến và nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh năm 2019. Đối với tuyển sinh đại học, năm 2018 Trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về công tác tuyển sinh đại học với đối tượng khảo sát là sinh viên khóa 52, 53 hệ đào tạo chính quy, cán bộ và giảng viên của Trường, giáo viên phổ thông của một số trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Đồng thời phối hợp với các Sở Giáo dục và Đào tạo xác định nhu cầu đào tạo giáo viên giai đoạn 2018-2022, tổ chức quảng bá tuyển sinh năm 2019 tại các trường trung học phổ thông thuộc tỉnh Sơn La, Nam Định, Lạng Sơn, Hà Giang, Bắc Kạn... Đối với tuyển sinh bồi dưỡng, Trường cùng với các Sở Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức Hội nghị Đào tạo - Bồi dưỡng năm 2018 để khảo sát, tiếp cận nhu cầu bồi dưỡng của từng tỉnh. Đồng thời Trường đã xây dựng Đề án nhận nhiệm vụ đào tạo nâng chuẩn giáo viên mầm non, tiểu học và trung học cơ sở năm 2019 trình Đại học Thái Nguyên xét

duyet. Đối với tuyển sinh thạc sĩ, năm 2018 Trường đã xây dựng thành công 03 đề án liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ tại Điện Biên, Hà Giang, Yên Bái được Bộ GD&ĐT phê duyệt. Năm 2019, Trường đã xây dựng đề án mở ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh trình ĐHTN phê duyệt. Đầu năm 2019, Trường xây dựng Đề án tiếp cận, mở rộng thị trường lao động đào tạo, bồi dưỡng, NCKH và chuyển giao KHCN nhằm cải thiện chất lượng tuyển sinh. [H18.7.18.05]. Các chính sách tuyển sinh đều hướng tới thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Trường.

Từ năm 2018, để phù hợp với tình hình thực tiễn trong công tác tuyển sinh đào tạo và bồi dưỡng, Trường đã thực hiện việc xây dựng Kế hoạch, Đề án tuyển sinh mới trình ĐHTN và Bộ GD&ĐT phê duyệt. Trong Đề án tuyển sinh mới này, Trường đã công bố đầy đủ, rõ ràng các thông tin về quy mô đào tạo hiện tại, phương thức tuyển sinh và điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất cũng như chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành/nhóm ngành, điều này minh chứng rõ nét công tác tuyển sinh của Trường có tính minh bạch cao. Đồng thời, tất cả các thông tin liên quan đến công tác tuyển sinh đều được công khai trên website Trường cũng như phổ biến rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nhằm đảm bảo tính công bằng, Trường thành lập Đoàn thanh tra thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát từng khâu trong công tác tuyển sinh; Từ những kết quả thu thập được, Đoàn thanh tra đánh giá và đưa ra những ý kiến góp ý, đây là một trong những căn cứ để Trường cải tiến công tác tuyển sinh được hiệu quả và tốt hơn cho năm học sau. Mặt khác, để thực hiện tốt nhiệm vụ bồi dưỡng được Bộ GD&ĐT giao, Trường đã thành lập Trung tâm phát triển kỹ năng sư phạm là đơn vị tổ chức các hoạt động phát triển kỹ năng sư phạm cho SV, bồi dưỡng giáo viên và CB quản lý các cơ sở giáo dục, thử nghiệm các phương pháp dạy học mới ... Trung tâm công khai thông tin tuyển sinh các lớp bồi dưỡng trên website và đồng thời gửi thông báo đến các Sở Giáo dục và các đơn vị liên kết. Người học có thể đăng ký khóa học thông qua ứng dụng docs.google.com của Google [H18.7.18.06].

Để công tác tuyển sinh đạt hiệu quả cao, Trường cũng đã thành lập các Trung tâm hỗ trợ SV qua website Trường, qua các trang mạng xã hội. Các Trung tâm này luôn có người trực, hoạt động tích cực (24/24 giờ) để giúp đỡ, giải đáp thắc mắc và cung cấp thông tin cần thiết và kịp thời đến cho SV, và người học. [H18.7.18.07].

- Năm 2018, Trường cũng thực hiện lấy ý kiến về chính sách tuyển sinh để và làm báo cáo tổng kết để cải tiến chất lượng. Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện tổng kết đánh giá hoạt động tuyển sinh [H18.7.18.08].

- Hằng năm, ĐHTN đều có kế hoạch và tổ chức thanh tra hoạt động tuyển sinh của Trường. Ngoài ra, Trường cũng tự tổ chức hoạt động thanh tra về công tác tuyển sinh. Kết quả thanh tra, kiểm tra điều cho thấy hoạt động tuyển sinh được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học cũng cho thấy [H18.7.18.09].

Chỉ số 7.18.2. Các thông tin về ngành học, chương trình đào tạo, chương trình bồi dưỡng, chương trình môn học và việc tổ chức thực hiện là rõ ràng, đầy đủ và dễ tiếp cận.

Các thông tin về ngành học, CTĐT, bồi dưỡng, chương trình môn học của Trường được công khai trên trang web của Trường (<http://www.dhsptn.edu.vn>). Hằng năm, Trường xây dựng kế hoạch chi tiết giao các đơn vị liên quan thực hiện công tác nhập học, đón tiếp người học cho từng hệ đào tạo. Ngay từ khi nhập học, 100% người học được Trường cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT thông qua nhiều hình thức khác nhau như: trang web của Trường; phổ biến trực tiếp trong Tuần sinh hoạt công dân - HSSV đầu năm, đầu khóa học; Niên giám, Những điều SV Sư phạm cần biết, Sổ tay SV; Tài liệu hướng dẫn học viên cao học, Tài liệu hướng dẫn nghiên cứu sinh. Các thông tin về lịch học, chương trình bồi dưỡng được đăng tải đầy đủ trên website tại địa chỉ <http://ptknsptn.dhsptn.edu.vn/>, đồng thời gửi thông báo đến các Sở Giáo dục hay các đơn vị liên kết. [H18.7.18.10].

Khi bắt đầu triển khai học phần, 100% người học được cung cấp đầy đủ đề cương chi tiết môn học [H18.7.18.11] trong đó có quy định về kế hoạch học

tập, thực hành, thực tế chuyên môn, tự học, kiểm tra, đánh giá kết quả môn học [H18.7.18.12].

Quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT ban hành cho các hệ, các trình độ được Trường cụ thể hóa bằng Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H18.7.18.13], Quy định đào tạo hệ VLVH [H18.7.18.14], Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo SDH [H18.7.18.15], Quy chế bồi dưỡng [H18.7.18.17], Quy chế CT HSSV [H18.7.18.17]. Các quy định trên được phổ biến đầy đủ đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau và công khai trên trang web của Trường (<http://www.dhsptn.edu.vn>). Các Khoa/Bộ môn trong Trường tổ chức gặp mặt tân SV, học viên vào đầu khóa học để giới thiệu về CTĐT, hướng dẫn thực hiện các quy định, quy chế về đào tạo và công tác HSSV [H18.7.18.18].

Hằng năm, Trường tổ chức Hội nghị đối thoại với người học nhằm cung cấp thông tin trực tiếp đến người học, tiếp thu ý kiến góp ý, phản hồi của người học về CTĐT, về việc tiếp nhận các quy định và các hoạt động hỗ trợ của Trường. Đồng thời, Trường tổ chức lấy ý kiến người học về CTĐT, phương pháp giảng dạy, nguồn học liệu, GV, CB, NV... từ đó nâng cao chất lượng trong công tác giảng dạy và phục vụ người học tốt hơn [H18.7.18.19].

Như vậy, Trường cung cấp các thông tin về ngành học, CTĐT, bồi dưỡng, chương trình môn học đến người học qua nhiều kênh thông tin, phương thức thực hiện đảm bảo đầy đủ, rõ ràng và dễ tiếp cận.

Chỉ số 7.18.3. Trường có các chương trình hỗ trợ và tư vấn cho những người học có vấn đề khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ, người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và người nước ngoài.

Đầu năm học, Trường căn cứ vào danh sách điểm đầu vào của SV năm thứ nhất [H18.7.18.20], kết quả xử lý học vụ hàng năm [H18.7.18.21], thông qua đối thoại trực tiếp với SV để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng cũng như giải đáp ý kiến phản hồi của SV [H18.7.18.22] để xây dựng những kế hoạch, chương trình nhằm hỗ trợ và tư vấn [H18.7.18.24] cho những người học nói chung và những người học có vấn đề khó khăn trong học tập, chậm tiến bộ,

người học thuộc các nhóm thiệt thòi, dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và người nước ngoài nói riêng [H18.7.18.23].

Trường đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với SV theo đúng quy định. Trong năm học 2018-2019 có 504 SV thuộc đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội,[H18.7.18.26] có 243 SV được cấp hỗ trợ chi phí học tập cho SV là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo năm 2019 (đợt 1), có 227 SV được nhận học bổng KKHT (Học kỳ I)[H18.7.18.27], tổng số tiền cấp cho HBKKHT&TCXH trên 3 tỉ đồng [H18.7.18.22]. Trong năm học 2018-2019 có 30 SV đã được nhận quà của Trường nhân dịp tết Nguyên đán [H18.7.18.28], có 122 SV đã được cấp giấy xác nhận để vay vốn tín dụng [H18.7.18.29]. Mặc dù Trường đã triển khai nhiều hình thức hỗ trợ, tuy nhiên vẫn còn nhiều SV có hoàn cảnh khó khăn cần tiếp tục được giúp đỡ.

Đối với những SV chậm tiến bộ trong học tập, Trường đã cử những GV có chuyên môn là cố vấn học tập tư vấn, giúp đỡ thường xuyên [H18.7.18.30]. Bên cạnh đó, Trường cung cấp thông tin về kết quả học tập của SV đối với gia đình [H18.7.18.31], qua đó góp phần tăng cường sự phối hợp giữa Trường và gia đình trong việc giáo dục SV.

Đối với những SV nước ngoài, chủ yếu là LHS Lào còn có hạn chế về chuyên môn và nghiệp vụ, ngoài chương trình học tập chính thức, Trường đã cử GV có trình độ giảng dạy, bồi dưỡng thêm để các em có thể bắt kịp mặt bằng chung của các SV khác [H18.7.18.25],[H18.7.18.32]. Bên cạnh đó, Trường còn tổ chức nhiều hoạt động văn nghệ, TDTT cho Lưu học sinh Lào: tổ chức tết Bunpimay, chào năm mới của Bộ môn Ngoại ngữ; chương trình homestay,... [H18.7.18.33] giúp các em Lưu học sinh giao lưu với nhau và với SV Việt Nam, từ đó hỗ trợ học tập tốt hơn. Trường cũng thành lập CLB SV tình nguyện hỗ trợ SV nước ngoài học tiếng Việt, nhằm giúp đỡ các bạn SV quốc tế có thể hòa nhập và học tiếng Việt thuận lợi hơn [H18.7.18.34].

Trường còn tổ chức các hoạt động hỗ trợ SV tiếp cận với các kiến thức về Khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo, các lớp tập huấn về khởi nghiệp, đổi mới và sáng tạo được tổ chức [H18.7.18.35],[H18.7.18.36], giúp các SV có thể tự vươn

lên, tự chủ động trong việc tạo việc làm cho bản thân sau khi tốt nghiệp cũng như có các kỹ năng cần thiết để làm tốt công việc giảng dạy.

Bên cạnh đó, các cuộc thi tìm hiểu về chương trình giáo dục phổ thông mới, các cuộc thi thiết kế bài giảng tích hợp, tập huấn kỹ năng cho SV năm thứ 3 trước khi đi thực tập sư phạm 1...[H18.7.18.37] cũng được tổ chức nhằm nâng cao kiến thức, sự hiểu biết của SV sư phạm với chương trình giáo dục phổ thông mới và hướng dạy học tiếp cận năng lực cũng như nâng cao kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho SV.

Hằng năm, Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV, qua đó có thể đánh giá đối với những hoạt động hỗ trợ và tư vấn [H18.7.18.38]. Bên cạnh đó, định kỳ theo năm học, Trường tổ chức đối thoại với SV để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, ý kiến phản hồi của các em từ đó kịp thời điều chỉnh các hoạt động cho thiết thực, hiệu quả [H18.7.18.22]. Năm 2018, Trường đã xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai chương trình hỗ trợ và tư vấn cho người học gặp khó khăn, người dân tộc thiểu số, người nước ngoài (được 03 lớp dành cho SV K50) với 491 SV. [H18.7.18.23].

Chỉ số 7.18.4. Trường công khai thông tin về lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học với nhau và giữa các trường đại học trong và ngoài nước.

Quy định công khai thông tin về lộ trình học tập, các chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông cho người học được quy định trong quy chế đào tạo của Trường và được công bố rộng rãi trên trang web, trang mạng xã hội và trong niêm giám, sổ tay SV. Các kế hoạch chi tiết thực hiện được quy định tại Quyết định số 3030/QĐ-ĐHSP ngày 01/8/2018 [H18.7.18.35]

Các CTĐT của Trường được thiết kế đảm bảo tính liên thông giữa các CTĐT cùng trình độ (liên thông ngang) và liên thông giữa các trình độ đào tạo (liên thông dọc) để tạo điều kiện thuận lợi để SV có thể học cùng lúc 2 chương trình hoặc học văn bằng 2 trong trường hoặc trong các trường thành viên của ĐHTN. SV theo học chương trình thứ hai không phải học lại khối kiến thức giáo

đục đại cương và một số kiến thức NVSP. Điều kiện để SV có thể học cùng lúc 2 chương trình được quy định tại Quy chế đào tạo 1838 của Trường. Để người học có thể học văn bằng 2, Trường đã ban hành Quyết định số 4465/QĐ-ĐHSP ngày 08/12/2015 về đào tạo để cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ hai. Các quy định chuyển đổi, thưởng điểm và công nhận tín chỉ đều được phổ biến rộng rãi [H18.7.18.36].

Người học học liên thông từ trung cấp lên đại học, liên thông từ cao đẳng lên đại học không phải học lại những học phần đã học ở chương trình trước [H18.7.18.37]. Trường đã có hướng dẫn với người học về cách xác định ngành đúng, ngành gần, ngành phù hợp với chương trình người học đã tốt nghiệp [H18.7.18.38]. Chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học cùng trình độ và giữa Trường ĐHSP-ĐHTN với các trường đại học trong nước được quy định cụ thể tại Quyết định số 3743/QĐ-ĐHSP ngày 05/11/2014 đối với đào tạo trình độ thạc sĩ và tại Quyết định số 3030/QĐ-ĐHSP ngày 01/8/2018 đối với đào tạo trình độ đại học chính quy [H18.7.18.39].

Hằng năm, Trường gửi thông báo đến gia đình SV bị cảnh báo kết quả học tập sau học kỳ 1 và sau học kỳ phụ. Chậm nhất 01 tháng sau khi SV có Quyết định buộc thôi học, Trường gửi thông báo trả về địa phương nơi SV có hộ khẩu thường trú.

Từ năm học 2008-2009, Trường đã sử dụng phần mềm IU để quản lý quá trình đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ. Các thông tin về lộ trình học tập của người học như đăng ký khối lượng học tập, kết quả học tập, kết quả xử lý học vụ được công khai, thông báo kịp thời đến SV qua tài khoản cá nhân của SV. Trường có đội ngũ GV làm cố vấn học tập để hỗ trợ cho SV. Trách nhiệm của cố vấn học tập là tư vấn, hướng dẫn và cùng xây dựng lộ trình học tập cho SV [H18.7.18.40].

Chỉ số 7.18.5. Trường cung cấp các dịch vụ tư vấn về kế hoạch học tập, lựa chọn học phần, hướng nghiệp và hỗ trợ sau tốt nghiệp cho người học.

Trung tâm Tư vấn – Hỗ trợ SV của Trường được thành lập từ năm 2007. Các chuyên gia của Trung tâm thường xuyên có các hoạt động tư vấn, hỗ trợ toàn diện đối với SV trong học tập cũng như trong cuộc sống [H18.7.18.45].

Ngay từ đầu khóa học, Trường đã tổ chức tập huấn cho SV về nội dung, chương trình, phương pháp học đại học [H18.7.18.46]. Bên cạnh đó, SV thường xuyên được đội ngũ cố vấn học tập tư vấn, hướng dẫn để có được kế hoạch học tập khoa học, hiệu quả nhất [H18.7.18.47].

Hằng năm, Trường tổ chức các hoạt động tập huấn, mời các chuyên gia giao lưu, chia sẻ về kỹ năng, nghiệp vụ, tạo động lực, nền tảng cho SV trong vấn đề hướng nghiệp và khởi nghiệp [H18.7.18.48]. Năm 2018, Trường đã tổ chức Hội nghị ký kết văn bản hợp tác với các Trường phổ thông trong khai thác và sử dụng có hiệu quả phòng thí nghiệm của 03 môn Vật lý, Hóa học, Sinh học cho học sinh phổ thông và thực hiện triển khai các hoạt động trải nghiệm sáng tạo ở trường phổ thông và hỗ trợ giáo viên, học sinh trong thực hiện các nhiệm vụ NCKH. Trường đã tổ chức Hội nghị với các Sở GD&ĐT, Hiệu trưởng các trường Mầm non, phổ thông nhằm tìm hiểu nhu cầu, yêu cầu của thị trường lao động, từ đó có định hướng nghề nghiệp cho SV [H18.7.18.49].

Nhu cầu về tuyển dụng lao động của các đơn vị đã được Trường kịp thời thông tin đến SV, đây là một kênh giúp SV sớm có được việc làm sau khi tốt nghiệp [H18.7.18.50]. Từ năm 2019, thông tin tuyển dụng của các đơn vị đã được Trường cung cấp trên fanpage Tư vấn & Hỗ trợ SV TNUE và website Trường. Đồng thời, đã kiện toàn chuyên viên và cộng tác viên tư vấn và hỗ trợ SV thường xuyên, giải đáp mọi thắc mắc, khó khăn trong tâm tư tình cảm, trong đời sống của SV [H18.7.18.51].

Nhằm tăng cường các hoạt động trải nghiệm nghề nghiệp cho SV, Trường đã cử SV về các trường phổ thông [H18.7.18.52]. Đoàn thanh niên lập các đoàn SV tình nguyện hỗ trợ học sinh tại trường THPT Thái Nguyên [H18.7.18.53].

Các khoa đã tiên phong tổ chức các ngày hội việc làm: Khoa giáo dục Tiểu học, Khoa Ngữ văn ...[H18.7.18.54] giúp các SV tiếp xúc với các Nhà

tuyển dụng, nhiều SV đã được tuyển dụng ngay khi chuẩn bị tốt nghiệp thông qua các ngày hội việc làm.

Các hoạt động tăng kỹ năng nghề nghiệp cũng được thường xuyên tổ chức: các hội thi giảng dạy theo chuyên đề tích hợp, tập huấn kỹ năng cho SV trước khi đi thực tập sư phạm 1, các hội thi tìm hiểu chương trình giáo dục phổ thông mới...[H18.7.18.48] được Đoàn thanh niên, Hội SV tổ chức hàng năm.

Trường đã tổ chức đánh giá năng lực của SV trước khi tốt nghiệp, hoạt động này được tiến hành thường niên nhằm đánh giá thực chất năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của SV cũng như hiệu quả của công tác tư vấn, hướng nghiệp cho người học [H18.7.18.55].

Nhằm đánh giá các hoạt động tư vấn, hướng nghiệp, Trường đã tổ chức lấy ý kiến của SV [H18.7.18.56]. Căn cứ vào kết quả lấy ý kiến phản hồi, Trường xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng, hiệu quả về công tác tư vấn, hướng nghiệp cho SV [H18.7.18.57].

Đối với những SV đã tốt nghiệp, định kỳ Trường liên lạc để tìm hiểu về tình hình việc làm, đồng thời tư vấn, giới thiệu nghề nghiệp cho những SV chưa có việc làm. Để đánh giá tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, Trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp năm 2017 với 2.304 SV/2.583 SV tốt nghiệp (theo quyết định). Trong đó, SV có việc làm là 1355; chưa có việc làm: 118 SV; số SV đang học nâng cao: 58 SV. [H18.7.18.58]. Bên cạnh đó, Trường đang tiến hành khảo sát SV tốt nghiệp năm 2018.[H18.7.18.59]. Khảo sát các nhà tuyển dụng để điều chỉnh CTĐT và hoạt động hỗ trợ SV cho hiệu quả.

2. Điểm mạnh

- Trường tổ chức tuyển sinh đúng Quy chế của Bộ GD&ĐT.
- Thông tin về ngành học, CTĐT, bồi dưỡng và chương trình môn học được Trường cung cấp đầy đủ, rõ ràng giúp người học.
- Chế độ chính sách đối với những SV thuộc đối tượng được hưởng theo quy định đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

- Hoạt động tư vấn, hướng nghiệp cho SV được tổ chức phong phú, đa dạng.
- Trường đã có chính sách hỗ trợ SV là người dân tộc thiểu số, SV có hoàn cảnh khó khăn trong học tập.

3. Điểm tồn tại

- Chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học của Trường với các trường đại học nước ngoài chưa được xây dựng hoàn thiện, quy chuẩn.
- Chưa có kế hoạch tổng thể về hỗ trợ, tư vấn cho những SV khó khăn, chậm tiến bộ, LHS.
- Chưa có nhiều nguồn học bổng, hình thức hỗ trợ đối với những SV có hoàn cảnh khó khăn.
- Hoạt động hướng nghiệp và tìm kiếm việc làm cho SV còn hạn chế.
- Chưa liên lạc thường xuyên đối với SV sau tốt nghiệp. Chưa có báo cáo đầy đủ về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch tổng thể về hỗ trợ, tư vấn đối với những SV khó khăn, chậm tiến bộ và LHS.	Phòng CTHSSV	12/2019	12/2020
2		Xây dựng mạng lưới liên kết với các sở GD&ĐT, trường phổ thông và cựu người học; quảng bá kênh thông tin tuyển sinh; ngành	Phòng Đào tạo	12/2019	12/2020

		học, CTĐT, bồi dưỡng, chương trình môn học			
3		Xây dựng và hoàn thiện chính sách chuyển đổi và công nhận tín chỉ trong đào tạo liên thông giữa các ngành học của Trường với các trường đại học nước ngoài	Phòng Đào tạo	12/2019	12/2020
4		Xây dựng Quỹ học bổng hỗ trợ SV khó khăn	Phòng CTHSSV	12/2019	12/2020
5		Xây dựng chương trình hỗ trợ và tư vấn cho những người học gặp khó khăn trong học tập, người dân tộc thiểu số và người nước ngoài.	Phòng CTHSSV; Phòng Đào tạo phối hợp	12/2019	12/2020
6		Xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể của Trung tâm tư vấn – hỗ trợ SV	Trung tâm tư vấn – hỗ trợ SV	12/2019	12/2020
7		Xây dựng phần mềm online kết nối với SV sau tốt nghiệp.	Phòng CTHSSV; Phòng KT&ĐBCLGD	12/2019	12/2020
8		Xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực của người học theo chuẩn đầu ra	Phòng KT&ĐBCLGD	12/2019	12/2020
9		Phát triển các dịch vụ tư vấn cho người học và hỗ trợ sau tốt nghiệp	Phòng CTHSSV; Phòng KT&ĐBCLGD, TTTT-TV phối hợp	12/2019	12/2020

1	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng, công bố danh mục về chế độ chính sách cho sinh viên.	Phòng CTHSSV	12/2019	12/2020
2		Đa dạng hóa hình thức, nội dung công tác tư vấn, hỗ trợ đối với SV	Phòng CTHSSV	12/2019	12/2020

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 7.18.1					x		
Chỉ số 7.18.2				x			
Chỉ số 7.18.3				x			
Chỉ số 7.18.4				x			
Chỉ số 7.18.5				x			
Điểm tiêu chí	4,2						

Tiêu chí 7.19: Đánh giá và công nhận kết quả học tập

1. Mô tả

Chỉ số 7.19.1. Việc đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch phù hợp với mục tiêu học tập và chuẩn đầu ra.

Để đánh giá kết quả học tập của người học, Trường đã ban hành các văn bản cụ thể để triển khai đánh giá kết quả học tập của người học đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch, phù hợp với mục tiêu học tập và CDR cho từng loại hình đào tạo [H19.7.19.01, H19.7.19.02, H19.7.19.03, H19.7.19.04, H19.7.19.05].

Hiện nay, Trường đánh giá kết quả học tập của người học bằng cả hai hình thức: Đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết. Tùy đặc thù của mỗi khoa/bộ môn, điểm của học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: Điểm đánh giá chuyên cần; điểm đánh giá thường xuyên; điểm đánh giá định kỳ; điểm thực hành; điểm tiểu luận và điểm thi kết

thức học phần. Mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm bộ phận: Điểm đánh giá quá trình (gồm có: Đánh giá chuyên cần; Đánh giá thường xuyên, Đánh giá định kỳ) và Điểm thi kết thúc học phần (trừ các học phần thực hành, thí nghiệm và thực tế chuyên môn không tổ chức thi kết thúc học phần). Điểm thi kết thúc học phần có trọng số từ 50 – 70% [H19.7.19.02, H19.7.19.03]. Để đánh giá mức độ đáp ứng CĐR của học phần, Trường đã điều chỉnh quy định đánh giá kết quả học tập của SV, trong đó quy định rõ cách thức xây dựng ma trận ngân hàng câu hỏi thi tương thích với các chuẩn đầu ra của học phần, quy định rõ các rubric của các hình thức đánh giá và điều chỉnh trọng số điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần với trọng số 50: 50% [H19.07.19.17].

Để đảm bảo tính chính xác, công bằng và minh bạch, Trường đã quy định rõ ràng về quy trình ra đề thi, tổ chức thi cho các loại hình đào tạo của Trường [H19.7.19.02]. Các đề thi được xây dựng trên cơ sở ma trận đề thi đã được xây dựng dựa trên nội dung mục tiêu chi tiết của học phần [H19.07.19.06].

Các học phần thi kết thúc học phần bằng hình thức trắc nghiệm và các học phần tiếng Anh cho SV không chuyên được triển khai thi trên máy tính. Do đó, kết quả chấm thi đảm bảo khách quan và nhanh chóng. Đối với các học phần thi tự luận, các bài thi được cắt phách trước khi GV chấm [H19.7.19.02]. SV có thắc mắc về điểm thi được phúc khảo bài thi [H19.7.19.07].

Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học bằng hình thức vấn đáp chiếm tỉ lệ gần 20%, tuy nhiên trường chưa có cơ chế để giám sát hoạt động này.

Các quy định về công tác khảo thí được Trường phổ biến tới SV qua nhiều kênh khác nhau: thông qua các buổi học tập chính trị đầu khóa, công khai trên website của Trường để SV dễ dàng tiếp cận [H19.7.19.08]... Trong buổi học đầu tiên của học phần, GV có trách nhiệm thông báo cho SV về cách thức kiểm tra đánh giá [H19.7.19.06]. Nhờ đó, SV nắm rõ được quy định và thực hiện nghiêm túc các quy định của Trường.

Để đảm bảo tính chính xác, công bằng, minh bạch phù hợp với mục tiêu học tập và CĐR, Trường tổ chức thanh tra, kiểm tra hoạt động tổ chức thi vào cuối mỗi học kỳ. Kết quả thanh tra cho thấy việc tổ chức thi thực hiện theo đúng

quy trình và đảm bảo chính xác và khách quan [H19.7.19.09]. Ngoài ra, Trường còn tiến hành thanh tra, kiểm tra việc xây dựng các ngân hàng đề thi/câu hỏi thi với sự phù hợp của đề cương môn học [H19.7.19.10]. Bên cạnh đó, Trường tổ chức lấy ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy, phục vụ giảng dạy của GV và SV sắp tốt nghiệp về CTĐT trong đó có hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả cho thấy, đa số SV hài lòng về hoạt động kiểm tra đánh giá, cho rằng phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá là công bằng, khách quan [H19.7.19.11].

Chỉ số 7.19.2. Việc công nhận kết quả học tập phản ánh được năng lực của người học trong các chương trình đào tạo và chương trình bồi dưỡng thường xuyên, trong đó có năng lực giảng dạy và sử dụng công nghệ thông tin.

Để công nhận năng lực của người học trong CTĐT, Trường đã ban hành quy định về điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp của người học, CĐR đối với từng CTĐT [H19.7.19.01, H19.7.19.12, H19.7.19.13].

Trong CTĐT, mỗi học phần sẽ đáp ứng một hoặc một số CĐR của CTĐT và SV sau khi hoàn thành đủ các tín chỉ theo quy định sẽ đạt được CĐR của CTĐT. Trong CTĐT, các học phần về kiến thức và kỹ năng sư phạm chiếm tỷ trọng từ 25 đến 35 % tổng số tín chỉ. Hiện nay, Trường đang thực hiện cho SV tiếp cận sớm với các hoạt động ở trường phổ thông thông qua hoạt động thực tế chuyên môn, nhờ đó SV được làm quen với môi trường giảng dạy ở phổ thông từ sớm (từ năm thứ 2 trở đi) [H19.7.19.04].

Ngoài việc đánh giá năng lực giảng dạy và sử dụng CNTT của SV thông qua các học phần đào tạo tại trường, SV còn được đánh giá bởi các giáo viên phổ thông thông qua các hoạt động thực tập sư phạm tại các trường mầm non và phổ thông [H19.7.19.05].

SV hệ đào tạo đại học chính quy của Trường để có thể được công nhận tốt nghiệp ngoài việc phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định và có điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa đạt từ 2.0 trở lên, SV phải đạt chuẩn ngoại ngữ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực Việt Nam, đạt chuẩn tin học [H19.7.19.01, H19.7.19.13]. Đối với hệ VLVH, SV tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định và có

điểm trung bình chung tích lũy đạt 2,0 trở lên sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp [H19.7.19.14].

Đối với các chương trình bồi dưỡng, học viên phải hoàn thành các học phần hoặc chuyên đề theo quy định. Kết thúc khóa học, các học viên đủ điều kiện được cấp chứng nhận hoàn thành khóa học [H19.7.19.15].

Hằng năm, để đánh giá kết quả thực tập sư phạm của người học, Trường đã tổ chức hội nghị tổng kết công tác thực tập sư phạm để đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong công tác thực tập cũng như những điểm mạnh, hạn chế về năng lực sư phạm của SV [H19.7.19.16]. Ngoài ra, Trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học, của nhà tuyển dụng và của các bên liên quan về CTĐT cũng như năng lực sư phạm của SV. Tuy nhiên, đối với các chương trình bồi dưỡng thường xuyên, trường chưa triển khai được các hoạt động đánh giá phản hồi.

2. Điểm mạnh

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được tiến hành bằng nhiều hình thức khác nhau, được thực hiện chính xác, công bằng và minh bạch. Đã khai thác và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác khảo thí.

3. Điểm tồn tại

- Phương pháp kiểm tra đánh giá trong đánh giá kết quả học tập theo hình thức tự luận chiếm đa số, chưa có cơ chế giám sát hoạt động thi vấn đáp trong Trường, các loại hình kiểm tra đánh giá khác vẫn còn hạn chế.

- Lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động kiểm tra, đánh giá là chưa được tổ chức thường xuyên và chưa đạt được kết quả như mong đợi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Rà soát và cập nhật mới 20% ngân hàng câu hỏi	Phòng KT&ĐBCLGD	1/2020	12/2020

		thi theo hướng chuẩn hóa.			
2		Vận hành và thực hiện có hiệu quả phần mềm quản lý ngân hàng câu hỏi và trộn đề thi.	Phòng KT&ĐBCLGD	1/2020	12/2020
3	Phát huy điểm mạnh	Nâng cao hơn nữa hiệu quả khai thác CNTT trong hoạt động khảo thí.	Phòng KT&ĐBCLGD	1/2020	12/2020

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 7.19.1				x			
Chỉ số 7.19.2				x			
Điểm tiêu chí	4,0						

Tiêu chí 7.20: Các hoạt động ngoại khóa

1. Mô tả

Chỉ số 7.20.01. Trường hỗ trợ người học thực hành, đi thực tế, tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao nhằm nâng cao chất lượng học tập.

Vào đầu năm học, Trường, Đoàn Thanh niên, Hội SV xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao cho người học [H20.7.20.04]; [H20.7.20.03]. Các hoạt động được tổ chức phong phú, đa dạng như: Hội diễn văn nghệ, các giải thi đấu thể thao, các hoạt động rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tổ chức các hoạt động,... góp phần nâng cao ý thức tự học, rèn luyện kỹ năng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người học. Các hoạt

động được tổ chức hướng đến mục tiêu cho số đông người học như: Giải chạy đều tập thể với sự tham gia của trên 3.000 SV, Hội thi dân vũ với sự tham gia của hơn 1.000 SV; Hội diễn văn nghệ thu hút trên 1000 diễn viên và khán giả đến tham dự; diễn hình trong các giải thi đấu thể thao là Giải bóng đá truyền thống được tổ chức hàng năm đã thu hút được trên 2000 vận động viên và người đến cổ vũ,... [H20.7.20.04]. Thông qua những hoạt động này đã góp phần gắn kết, nâng cao ý thức hoạt động tập thể cho SV.

Năm 2018, ngoài những hoạt động được triển khai thường xuyên, Trường cũng đã tổ chức triển khai chương trình hỗ trợ và tư vấn cho người học gặp khó khăn, người dân tộc thiểu số, người nước ngoài năm 2018 (dành cho SV K50). Đối với SV người nước ngoài đang học tập và nghiên cứu tại Trường được hỗ trợ tham gia các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao do tỉnh Thái Nguyên, Đại sứ quán Lào tại Việt Nam tổ chức, được Trường tổ chức đón năm mới, tết Bunpimay Lào; thăm hỏi, động viên Lưu học sinh năm viện, Lưu học sinh không về nước dịp Tết cổ truyền Việt Nam, tết Bunpimay Lào, Quốc Khánh Việt Nam, Quốc Khánh Lào, tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giao lưu văn hóa các nước cho Lưu học sinh nước ngoài: Mông Cổ, Mô – Dăm – Bích, Lào, Thái Lan, Trung Quốc,... [H20.7.20.01]

Từ năm học 2018 – 2019, nhằm đánh giá hiệu quả các hoạt động dành cho người học, Đoàn thanh niên – Hội SV đã triển khai thực hiện hệ thống phần mềm đánh giá hoạt động của người học. Kết quả đánh giá các hoạt động cho SV thông qua phần mềm đã góp phần nâng cao ý thức tự giác tham gia các hoạt động của người học. [H20.7.20.05]

Trường cũng đã tổ chức các buổi tọa đàm với các chuyên gia trong lĩnh vực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo nhằm giúp cho người học có những định hướng về nghề nghiệp, cơ hội việc làm trong bối cảnh quốc tế hóa trong giai đoạn hiện nay. [H18.7.18.48]

Bên cạnh các hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao kỹ năng rèn luyện nghiệp vụ cho người học, Trường đã tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa cộng đồng như: Tiếp sức mùa thi, Tình nguyện hè tại chỗ và tình nguyện hè ở xã Phú

Lạc, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên,...[H20.7.20.02]. Trong năm học 2018-2019, SV trong Trường đã thực hiện trên 6.000 ngày công lao động tham gia xây dựng Trường xanh, sạch, đẹp [H20.7.20.03] cũng như nhiều hoạt động tình nguyện, hoạt động cộng đồng khác.

Trường quan tâm đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động của SV như: Hội trường, sân vận động, sân thể thao, nhà thi đấu thể thao,... đây là điều kiện quan trọng tạo môi trường thuận lợi cho SV tham gia các hoạt động ngoại khóa [H20.7.20.06].

Hàng năm, cuối các đợt thi đua, phong trào, Trường đánh giá tổng kết, khen thưởng, trao giấy chứng nhận cho những đơn vị tập thể, cá nhân SV đạt thành tích cao trong các hoạt động tập thể, phong trào do Trường, Đoàn Thanh niên, Hội SV tổ chức. Bên cạnh đó, nhiều tập thể và cá nhân SV tham gia và đạt nhiều thành tích xuất sắc đã được cấp trên khen thưởng như: Giấy khen của BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh ĐHTN, Bằng khen của BCH TW Đoàn TNCSHCM, Trung ương Hội SV Việt Nam, Bằng khen của BCH Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Thái Nguyên,... [H20.7.20.07].

Hằng năm, Trường tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học [H7.20.01.08], tổng kết, đánh giá việc tổ chức các hoạt động văn hóa, xã hội, thể dục thể thao. Trên cơ sở tổng kết các hoạt động, đánh giá rút kinh nghiệm, khắc phục điểm tồn tại, phát huy những điểm mạnh, từ đó Trường có kế hoạch xây dựng phương hướng hoạt động cho năm kế tiếp phù hợp, hiệu quả, thiết thực, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của người học [H20.7.20.08].

Chỉ số 7.20.02. Trường hỗ trợ việc thành lập Ban liên lạc cựu sinh viên, các hoạt động của ban và việc tham gia của cựu sinh viên vào các hoạt động giáo dục.

Từ năm 2013 đến nay, kết thúc mỗi khóa học, Trường có quyết định thành lập Ban liên lạc cựu SV đối với từng khóa SV [H20.7.20.09]. Trường đã ban hành “*Quy định tạm thời tổ chức và hoạt động của Ban liên lạc Cựu SV*” Trường Đại học Sư phạm [H20.7.20.10].

Năm học 2018 – 2019, Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban liên lạc cựu SV Trường Đại học Sư phạm[H20.7.20.11]; thành lập ban liên lạc cựu SV Trường Đại học Sư phạm[H20.7.20.12] và cấp Khoa/ Bộ môn trực thuộc [H20.7.20.13].

Ban liên lạc cựu SV là một trong những đầu mối trong việc cung cấp thông tin về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp; cung cấp thông tin tuyển sinh cho Trường.

- BLL làm đầu mối liên lạc giúp phản hồi đánh giá CTĐT, Trường đã triển khai lấy ý kiến phản hồi của cựu SV. Kết quả phản hồi của cựu SV là một kênh thông tin quan trọng đối với các hoạt động của Trường. [H20.7.20.14]

2. Điểm mạnh

- Các hoạt động ngoại khóa được tổ chức đa dạng, phong phú, cuốn hút đông đảo SV tham gia.

- Đã mời các chuyên gia, người nổi tiếng nói chuyện tọa đàm trong lĩnh vực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Hoạt động này được đông đảo người học hưởng ứng tham gia.

- Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban liên lạc cựu SV Trường.

- Trường đã thành lập Ban liên lạc cựu SV cấp Trường và Ban liên lạc cựu SV của các khóa học.

3. Điểm tồn tại

- Chưa tiến hành khảo sát riêng về mức độ hài lòng của SV đối với các hoạt động ngoại khóa do Trường tổ chức.

- Chưa có tiêu chí đánh giá mức độ tham gia hoạt động ngoại khóa để làm cơ sở đánh giá, xếp loại SV.

- Hoạt động của Ban liên lạc cựu SV chưa thực sự hiệu quả; chưa đánh giá, tổng kết về hiệu quả hoạt động của Ban liên lạc cựu SV.

- Chưa có kế hoạch cụ thể mời cựu SV tham gia vào các hoạt động giảng dạy, rèn luyện nghiệp vụ cho SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1	Khắc phục tồn tại	Tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của SV đối với các hoạt động ngoại khóa	Phòng CTHSSV Phòng KT&ĐBCLGD	12/2020	12/2020
2		Xây dựng tiêu chí đánh giá việc tham gia hoạt động ngoại khóa của SV	Phòng CTHSSV ĐTN - HSV	12/2020	12/2020
3		Xây dựng hệ thống dụng cụ luyện tập thể thao ngoài trời cho SV trong khuôn viên KTX	Phòng CTHSSV ĐTN - HSV Phòng QT - PV	12/2020	12/2020
1	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng kế hoạch tổng thể về tổ chức các hoạt động cộng đồng cho SV tham gia, mời các chuyên gia, diễn giả có uy tín đến nói chuyện tọa đàm về các vấn đề liên quan đến tư tưởng chính trị, ATGT, khởi nghiệp,...	Phòng CTHSSV ĐTN – HSV	12/2020	12/2020
2		Xây dựng kế hoạch thu thập thông tin liên lạc của các SV sau khi tốt nghiệp ra trường từ Ban liên lạc cựu SV; mời các	Phòng CTHSSV	12/2020	12/2020

		cựu SV thành đạt tham gia các hoạt động của Trường.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá

Chỉ số	Thang đánh giá						
	1	2	3	4	5	6	7
Chỉ số 7.20.1				x			
Chỉ số 7.20.2			x				
Điểm tiêu chí	3,5						

PHẦN 3. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Căn cứ vào việc tự đánh giá thực trạng về các hoạt động của Trường thông qua việc đánh giá theo từng tiêu chí của bộ chỉ số TEIDI, kết quả đánh giá theo bộ chỉ số (TEIDI) như sau:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí/Chỉ số	TĐG
Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn chiến lược, quản lý và đảm bảo chất lượng	
<i>Tiêu chí 1.1. Tầm nhìn chiến lược</i>	
Chỉ số 1.1.1.	4
Chỉ số 1.1.2.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4,0
<i>Tiêu chí 1.2. Quản lý</i>	
Chỉ số 1.2.1.	4
Chỉ số 1.2.2.	4
Chỉ số 1.2.3.	5
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4,3
<i>Tiêu chí 1.3. Hệ thống đảm bảo chất lượng</i>	
Chỉ số 1.3.1.	5
Chỉ số 1.3.2.	5
Chỉ số 1.3.3.	4
Chỉ số 1.3.4.	5
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4,8
<i>Điểm trung bình tiêu chuẩn:</i>	4,36
Tiêu chuẩn 2: Chương trình đào tạo	
<i>Tiêu chí 2.4. Phát triển chương trình</i>	
Chỉ số 2.4.1.	4
Chỉ số 2.4.2.	5
Chỉ số 2.4.3.	4
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	4,3
<i>Tiêu chí 5. Nội dung chương trình và tổ chức thực hiện</i>	

Chỉ số 2.5.1.	4
Chỉ số 2.5.2.	4
Chỉ số 2.5.3.	3
Chỉ số 2.5.4.	3
Chỉ số 2.5.5.	3
Chỉ số 2.5.6.	5
Điểm trung bình tiêu chí:	3,7
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	4,0
Tiêu chuẩn 3: Nghiên cứu, phát triển và đổi mới	
Tiêu chí 3.6. Chính sách về nghiên cứu phát triển và đổi mới	
Chỉ số 3.6.1.	4
Chỉ số 3.6.2.	4
Chỉ số 3.6.3.	4
Chỉ số 3.6.4.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4,0
Tiêu chí 3.7. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và đổi mới	
Chỉ số 3.7.1.	4
Chỉ số 3.7.2.	5
Chỉ số 3.7.3.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4,3
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	4,17
Tiêu chí 4.8. Hợp tác vùng/địa phương	
Chỉ số 4.8.1.	4
Chỉ số 4.8.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4,0
Tiêu chí 4.9. Hợp tác quốc tế	
Chỉ số 4.9.1.	4
Chỉ số 4.9.2.	3
Chỉ số 4.9.3.	4

Điểm trung bình tiêu chí:	3,7
Tiêu chí 4.10. Hợp tác với các tổ chức khác	
Chỉ số 4.10.1.	3
Chỉ số 4.10.2.	5
Chỉ số 4.10.3.	4
Chỉ số 4.10.4.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4,0
Tiêu chí 4.11. Thông tin và truyền thông	
Chỉ số 4.11.1.	3
Chỉ số 4.11.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	3,5
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	3,79
Tiêu chuẩn 5: Môi trường sư phạm và các nguồn lực	
Tiêu chí 5.12. Môi trường sư phạm	
Chỉ số 5.12.1.	3
Chỉ số 5.12.2.	3
Điểm trung bình tiêu chí:	3,0
Tiêu chí 13. Cơ sở vật chất, nguồn tài nguyên dạy và học	
Chỉ số 5.13.1.	3
Chỉ số 5.13.2.	3
Chỉ số 5.13.3.	3
Chỉ số 5.13.4.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	3,3
Tiêu chí 5.14. Nguồn tài chính	
Chỉ số 5.14.1.	4
Chỉ số 5.14.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4,0
Tiêu chí 5.15. Nguồn nhân lực	
Chỉ số 5.15.1.	4

Chỉ số 5.15.2.	4
Chỉ số 5.15.3.	3
Điểm trung bình tiêu chí:	3,7
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	3,48
Tiêu chuẩn 6: Hỗ trợ dạy học	
Tiêu chí 6.16. Hỗ trợ, bồi dưỡng giảng viên	
Chỉ số 6.16.1.	4
Chỉ số 6.16.2.	4
Chỉ số 6.16.3.	4
Chỉ số 6.16.4.	4
Chỉ số 6.16.5.	3
Điểm trung bình tiêu chí:	3,8
Tiêu chí 6.17. Đánh giá và công nhận giảng viên	
Chỉ số 6.17.1.	3
Chỉ số 6.17.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	3,5
Điểm trung bình tiêu chuẩn:	3,63
Tiêu chuẩn 7: Hỗ trợ học tập	
Tiêu chí 7.18. Tuyển sinh và hỗ trợ người học	
Chỉ số 7.18.1.	5
Chỉ số 7.18.2.	4
Chỉ số 7.18.3.	4
Chỉ số 7.18.4.	4
Chỉ số 7.18.5.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4,2
Tiêu chí 7.19. Đánh giá và công nhận kết quả học tập	
Chỉ số 7.19.1.	4
Chỉ số 7.19.2.	4
Điểm trung bình tiêu chí:	4,0

<i>Tiêu chí 7.20. Các hoạt động ngoại khóa</i>	
Chỉ số 7.20.1.	4
Chỉ số 7.20.2.	3
<i>Điểm trung bình tiêu chí:</i>	3,5
<i>Điểm trung bình tiêu chuẩn:</i>	3,90
ĐIỂM TRUNG BÌNH ĐÁNH GIÁ CSGD:	3,90

PHẦN 4. KẾT LUẬN

Trường đã tiến hành công tác tự đánh giá năng lực của Trường theo bộ chỉ số phát triển năng lực trường sư phạm (TEIDI) gồm 7 tiêu chuẩn, 20 tiêu chí, 63 chỉ số một cách nghiêm túc, đúng hướng dẫn của Ban Quản lý chương trình ETEP, đảm bảo kết quả tự đánh giá phản ánh đúng thực trạng năng lực các lĩnh vực hoạt động của Trường. Thông qua việc tự đánh giá, Trường đã nhận diện đầy đủ những điểm mạnh và tồn tại trong từng lĩnh vực công tác theo các tiêu chí trong bộ chỉ số TEIDI, trên cơ sở đó lập kế hoạch hành động, tiếp tục phát huy, nâng cao chất lượng những mặt mạnh, khắc phục và cải tiến những điểm còn tồn tại nhằm nâng cao năng lực các hoạt động của Trường để đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn thường xuyên cho đội ngũ giáo viên và CBQL cơ sở giáo dục phổ thông. Thông qua tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá TEIDI rút ra một số kết luận chính như sau:

i) Trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch chiến lược của Trường phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn. Tuy nhiên, tầm nhìn và kế hoạch chiến lược cần được đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới và phù hợp với bối cảnh tham gia chương trình ETEP. Trường có hệ thống văn bản về công tác quản lý một cách đồng bộ, đầy đủ, theo đúng quy định. Tuy nhiên, hệ thống văn bản cần được rà soát, bổ sung để nâng cao hiệu quả công tác quản lý và hoạt động của Trường. Trường đã hoàn thành kiểm định chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, chưa có CTĐT được đánh giá. Cần triển khai hiệu quả kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trường và sau tự đánh giá CTĐT.

ii) Các CTĐT và chương trình bồi dưỡng đều có CĐR. CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn đổi mới giáo dục. Tuy nhiên, chưa có quy trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh các chương trình bồi dưỡng giáo viên và CBQL giáo dục. Nội dung các chuyên đề bồi dưỡng giáo viên và CBQL giáo dục chưa được các địa phương đánh giá cao về tính đa dạng và tính phù hợp với thực tế. Trường đã xây dựng và triển khai CTĐT giáo viên dạy chuyên ngành Toán bằng tiếng Anh.

iii) Trường thường xuyên tổ chức, triển khai nhiều hoạt động KHCN khác nhau để cho các CB GV lựa chọn phù hợp với từng điều kiện và chú trọng tạo điều kiện và hỗ trợ về rất nhiều mặt trong đó có khâu hỗ trợ tổ chức cho các CB GV thực hiện các nhiệm vụ NCKH. Trường chú trọng đầu tư cơ sở vật chất nhà thí nghiệm, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, các trang thiết bị phục vụ nhu cầu NCKH cho CB GV. Tuy nhiên, Trường còn thiếu chính sách cụ thể để phát triển công bố quốc tế ở lĩnh vực KHGD, KHXH – NV; chưa có chính sách cụ thể gắn NCKH với nhu cầu KHCN ở địa phương, chính sách thúc đẩy các đề tài KHCN ứng dụng có thể chuyển giao KHCN. Số lượng các nhóm nghiên cứu giảng dạy và nghiên cứu ứng dụng còn hạn chế và chưa có đánh giá cụ thể về kết quả NCKH được tích hợp vào dạy và học.

iv) Trường thường xuyên tổ chức các hội thảo, hội nghị, sự kiện về khoa học giáo dục nhằm đổi mới CTĐT, chương trình bồi dưỡng giáo viên và CBQL giáo dục phổ thông. Hội thảo quốc tế và hội thảo chuyên đề có yếu tố nước ngoài được tổ chức định kỳ và thường xuyên. Tuy nhiên, hiệu quả của các hoạt động hợp tác với các bên liên quan chưa được định kỳ đánh giá để xây dựng kế hoạch cải tiến. Các công bố quốc tế và NCKH với các đối tác nước ngoài của các ngành khoa học xã hội và khoa học giáo dục còn ít. Năng lực ngoại ngữ của nhiều CB, GV và SV chưa đạt yêu cầu quy định. Hiệu quả và quy mô hợp tác với các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong NCKH và chuyển giao công nghệ chưa tương xứng với tiềm lực và vị thế của Trường. Hoạt động hợp tác, chia sẻ trong mạng lưới các trường đại học sư phạm và mạng lưới các trường đại học trong khu vực ASEAN còn ít, hiệu quả thấp.

v) Trường có cảnh quan, khuôn viên, môi trường tự nhiên “xanh, sạch, đẹp” được quy hoạch hợp lý. Trang thiết bị, tài liệu học tập được đầu tư đáp ứng yêu cầu cơ bản trong đào tạo và NCKH. Trường mới chỉ có hệ thống máy chủ và phần mềm quản lý đào tạo đáp ứng nhu cầu đào tạo tín chỉ cho SV hệ đại học chính quy. Công tác lập kế hoạch, quản lý tài chính, quản lý nguồn thu tập trung, đúng quy định, đầy đủ, chính xác, kịp thời. Trường có kế hoạch chiến lược, chính sách tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng GV theo giai đoạn; kế hoạch, quy trình

và tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, minh bạch. Tuy nhiên, một số hạng mục của các tòa nhà làm việc, giảng đường xuống cấp do đã xây dựng từ lâu. Một số thiết bị thí nghiệm đã xuống cấp, lạc hậu cần thay thế, bổ sung. Thư viện điện tử mới tiếp nhận, chưa có kinh nghiệm về vận hành. Khối lượng sách cần hồi cố rất nhiều. Thư viện chưa kết nối được với thư viện Quốc gia và thư viện của các trường đại học trong hệ thống các trường đại học sư phạm trong nước. Trường chưa có cổng thông tin điện tử đáp ứng yêu cầu đào tạo trực tuyến; chưa có phòng sản xuất học liệu. Số lượng phần mềm bản quyền còn ít, nhiều phần mềm có lỗi, khó sử dụng. Nguồn thu từ hoạt động bồi dưỡng, chuyển giao công nghệ còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng của Trường.

vi) Trường có chính sách phát triển đội ngũ, hợp lý, gắn với sứ mạng của Trường, nhiều biện pháp hiệu quả được Trường thực hiện để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực của đội ngũ GV. Trường hỗ trợ, tạo điều kiện cho GV tập sự, GV mới trong quá trình giảng dạy, NCKH, bồi dưỡng, học tập để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ giảng dạy. Có cơ chế để GV tập sự, GV mới phát triển chuyên môn và gắn bó lâu dài với Trường. Tuy nhiên, Trường chưa cung cấp được đội ngũ GV giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh. GV tham gia giảng dạy chương trình bồi dưỡng thường xuyên chưa được đánh giá thường xuyên, kịp thời. Trường chưa tích hợp các công cụ kết quả khảo sát vào hệ thống khảo sát ý kiến phản hồi của người học chương trình bồi dưỡng thường xuyên.

vii) Thông tin tuyển sinh được quảng bá qua nhiều kênh, hình thức đa dạng, phong phú để người học dễ dàng nắm bắt được thông tin về Trường, về CDR và CTĐT. Chế độ chính sách đối với những SV thuộc đối tượng được hưởng theo quy định đã được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Trường đã có chính sách hỗ trợ SV là người dân tộc thiểu số và SV có hoàn cảnh khó khăn trong học tập. Hoạt động ngoại khóa được tổ chức đa dạng, phong phú, cuốn hút đông đảo SV tham gia. Đã thành lập Ban liên lạc cựu SV của các khóa học. Tuy nhiên, Trường chưa có kế hoạch tổng thể về hỗ trợ, tư vấn cho những SV khó khăn, chậm tiến bộ, LHS; chưa có nhiều nguồn học bổng, hình thức hỗ trợ đối với

những SV có hoàn cảnh khó khăn. Hoạt động hướng nghiệp và tìm kiếm việc làm cho SV còn hạn chế. Việc liên lạc thường xuyên đối với SV sau tốt nghiệp còn hạn chế và chưa có báo cáo đầy đủ về tình hình việc làm của SV sau tốt nghiệp./.

TM. HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ TEIDI
CHỦ TỊCH

(đã ký)

HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Mai Xuân Trường